

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần I

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần I

TIÊU SỬ HÒA THƯỢNG GIỚI NGHIÊM.....	6
LỜI NÓI ĐẦU.....	12
Kệ lễ bái TAM BẢO.....	15
I. PHẦN DẪN NHẬP.....	17
1. Ngoại Thuyết (Bàhirakathà).....	17
2. Câu chuyện liên quan trong tiền kiếp (Pubbapa yoga).....	20
2.1. Chuyện về ĐỨC VUA MI-LAN-ĐÀ.....	22
2.2. Chuyện về ĐẠI ĐỨC NA-TIÊN.....	30
2.3. Thấp thoáng bóng SỰ TỬ.....	55
II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP.....	63
1. Danh.....	63
2. Con số hạ lạc.....	68
3. Đàm thoại như một Trí giả hay như một Vương giả?.....	69
4. Thỉnh mời vào Hoàng cung.....	70
5. Cứu cánh của Sa môn hạnh.....	73
6. Tái sanh - Vô sanh.....	75
7. Chú tâm.....	75
8. Hành tướng [*] của chú tâm và trí tuệ cùng sự khác nhau giữa chúng.....	76
9. Tất cả Pháp lành lấy Giới làm sở y.....	77
10. Hành tướng của Tín.....	80
11. Hành tướng của Tấn.....	81
12. Hành tướng của Niệm.....	82

13. Hành tướng của Định	83
14. Hành tướng của Tuệ	83
15. Ngũ căn - riêng và chung.....	84
16. Tương quan thân trước và sau.....	85
17. Tái sanh và Vô sanh.....	86
18. Trí và Tuệ (nana-panna).....	87
19. Bậc vô sanh có còn đau khổ không?	89
20. Cảm Thọ.....	90
21. Cái gì dẫn dắt đi tái sanh?	92
22. Không nên hỏi lại câu đã hỏi.....	95
23. Danh sắc tương quan liên hệ	95
24. Thời gian và không còn thời gian.....	96
25. Nguyên nhân của thời gian.....	97
26. Thời gian tối sơ?	98
27. Có rồi không, Không rồi có!	99
28. Pháp hành thì sao?	100
29. Tự nhiên sanh?	101
30. Tự ngã trong thân?.....	103
31. Nhãn thức và tâm thức (Cakkhu vinnana - Mano vinnana)	106
32. Hành tướng của Xúc (Phassalakkhana)	108
33. Hành tướng của Thọ (Vedanalakkhana).....	109
34. Hành tướng của Tưởng (Sannalakkhana).....	109
35. Hành tướng của Tác Ý (Cetanalakkhana)	110
36. Hành tướng của Thức (Vinnanalakkhana).....	110
37. Hành tướng của Tầm (Vitakkalakkhana)	111
38. Hành tướng của Tứ (hay Sát) (Vicaralakkhana)	111

39. Lại hỏi về "Chú tâm" (<i>Manasikàra</i>).....	111
40. Những tâm sở đồng sanh.....	112
41. Về năm giác quan.....	114
42. Bất bình đẳng sai khác của chúng sanh là do nghiệp.....	114
43. Sớm ngăn ngừa điều ác.....	116
44. Lửa địa ngục.....	117
45. Nước dựa khí.....	119
46. Niết bàn.....	120
47. Ai sẽ đắc Niết bàn?.....	120
48. Làm sao biết Niết bàn là tối thượng lạc?.....	121
49. Có Phật không?.....	121
50. Phật là tối thượng tôn bảo.....	122
51. Phật tối thắng như thế nào?.....	123
52. Thấy Phật.....	124
53. Khi chết ngũ uẩn diệt theo.....	124
54. Vedagù?.....	125
55. Nếu chết mà diệt hết thì thoát khỏi nghiệp.....	126
56. Nghiệp trú ở đâu?.....	127
57. Biết còn tái sanh?.....	127
58. Phật ở đâu?.....	128
59. Thương yêu cái thân?.....	128
60. Bạc toàn giác biết tất cả?.....	129
61. Tại sao Phật không giống cha mẹ ngài?.....	130
62. Thực hành phạm hạnh (<i>Brahmacàri</i>).....	131
63. Ai truyền cụ túc giới cho Đức Phật?.....	132
64. Nước mắt nào là thuốc? Nước mắt nào là độc dược?.....	135

65. Tham luyến và dứt tham luyến	135
66. Trí tuệ ở đâu?.....	136
67. Luân hồi (<i>Samsara</i>).....	136
68. Trí nhớ.....	136
69. Ai cũng có trí nhớ	137
70. Có bao nhiêu loại trí nhớ	137
71. Tương quan phước và tội.....	141
72. Diệt khổ chưa đến?	142
73. Cõi Phạm Thiên bao xa?	145
74. Thời gian tái sanh.....	146
75. Sự liên hệ giữa kiếp này với kiếp kia	147
76. Vào cửa nào để đầu thai?	151
77. Nhân sanh giác ngộ.....	151
78. Điều lành nhỏ, phước quả lớn; Điều ác lớn, tội báo nhỏ.....	152
79. Kẻ trí làm điều ác, tội báo nhỏ; Người ngu làm điều ác tội báo lớn.....	154
80. Bay bằng thân	154
81. Xương dài 100 do tuần.....	155
82. Biển.....	156
83. Ngưng hơi thở.....	156
84. Pháp xuất thế gian.....	158
85. Tuệ xuất thế gian nằm ở đâu?	158
86. Thức, tuệ và sanh mạng.....	158
88. Thì giờ phải lẽ rồi.....	161
89. Phật và chư tăng, ai phước báu nhiều hơn?	164

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG GIỚI NGHIÊM

(THITASILA MAHATHERA)

(1921 - 1984)



Nguyên:

- *Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravàda) Việt Nam.*
- *Thành viên Hội Đồng Chứng Minh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.*
- *Phó Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.*
- *Phó Chủ Tịch Hội Hữu Nghị Việt Nam - Campuchia.*

Hòa thượng Giới Nghiêm (*Thitasilamahathera*), thế danh Nguyễn Đình Trán, sinh ngày 5/5/1921 tại làng Giạ Lê Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngài xuất thân trong một gia đình có truyền thống đạo đức lâu đời, tại một quê hương nghèo khổ, nhưng lại phát tích rất nhiều tu sĩ và cao tăng thuộc cả hai truyền thừa Nam Bắc tôn. Chỉ riêng trong gia đình, bác của Ngài - *Hòa thượng Thích Phước Duyên* - và chú của Ngài đều là bậc xuất gia. Còn vị thân sinh - *Hòa thượng Thích Quang Diệu (Nguyễn Đình Tả)* - sau nửa cuộc đời lập gia đình với mẹ của Ngài là cụ bà Huỳnh Thị Thành, cũng xuất gia, sống đời phạm hạnh.



Lớn lên trong truyền thống gia đình như vậy, nên năm chín tuổi, Ngài đã tìm đến một ngôi chùa hẻo lánh, nổi tiếng nhiều thú dữ, ma thiêng nước độc, thuộc địa phận làng Băng Lãng, để tu học. Ngài thọ giới Sa-di ở đây.

Đến năm 1940, vì quê nhà chiến tranh loạn lạc, sự tu hành bị trở ngại, Ngài đã vào Đà Nẵng, xin ở chùa Phổ Đà, sau đó thọ Đại Giới đàn Tỳ kheo, thuộc hệ phái Bắc truyền.

Bấy giờ, Phật giáo Nam tông (*Theravàda*) bắt đầu du nhập vào Việt Nam, nhờ vậy Ngài có cơ hội nghiên cứu giáo lý Nguyên Thủy. Vốn tâm cơ linh mẫn, bén nhạy, và do túc duyên của nhiều đời nhiều kiếp, Ngài cảm thấy đây mới thật đúng là Chánh Pháp, là giáo lý chơn truyền chưa hề bị pha trộn, xen tạp các tư tưởng của các đạo giáo khác.

Duyên may đã đến. Năm 1944, Ngài được thiện hữu trí thức giới thiệu và giúp đỡ sang du học tại Phnôm-pênh, Campuchia. Năm 1947, Hòa thượng Niếp-Tích truyền giới Tỳ-kheo (*Bhikkhu*) theo truyền thống Phật Giáo Nam Tông (*Theravàda*) cho Ngài. Ngài lại còn được kỳ duyên học đạo với Đức Vua Sãi Campuchia, là Trưởng lão Hòa thượng Chuon-Natch.

Do nhu cầu trí tuệ, hiểu học, hiểu tu; từ Campuchia, Ngài tiếp tục sang Thái Lan và Miến Điện để tầm sư học đạo. Rời Pháp học, Ngài quay sang Pháp hành; và ở tại Miến Điện, Ngài được học Thiền Tứ-niệm-xứ với Hòa thượng Thiền sư Mahasi Sayàdaw.

Thế là sau hơn mười năm bôn ba xứ người tầm cầu Chánh Pháp, Ngài hồi hương với chí nguyện, mang giáo lý nguyên thủy rất cũ xưa mà cũng rất mới mẻ về Việt Nam để quảng bá, hoằng truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp tín đồ.

Tại Sài Gòn - Gia Định, năm 1957, Ngài cùng với các vị trưởng lão cao tăng, thạc đức khác, như: hòa thượng Hộ Tông, hòa thượng Bửu Chơn, hòa thượng Thiện Luật, hòa thượng Tối Thắng, hòa thượng Giác Quang, hòa thượng Kim Quang, pháp sư Thông-Kham vận động thành lập Giáo hội Tăng già Phật giáo Nguyên thủy (*Theravàda*) Việt Nam.

Năm 1963, trong lúc tranh đấu chống chế độ độc tài gia đình trị của Ngô triều, Ngài bị bắt ở Sơn Trà - Đà Nẵng. Sau khi gia đình họ Ngô sụp đổ, Ngài được bầu làm Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam liên tiếp trong bốn nhiệm kỳ, từ năm 1964 đến năm 1974.

Năm 1966, Hòa thượng phát động phong trào chống chế độ lao tù tại các nhà giam Mỹ Thị, Đà Nẵng và Gành Ráng, Qui Nhơn.

Năm 1975, Ngài tham gia vào Ban liên lạc Phật giáo yêu nước thành phố Hồ Chí Minh, giữ chức vụ Phó chủ tịch.

Năm 1979, Ngài tái đắc cử Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam. Cũng trong năm này, Ngài được thỉnh tham gia phái đoàn cấp lãnh đạo Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, đi Campuchia để làm thầy tế độ cho các sư sãi ở quốc độ này, đã bị Pôn-Pốt, Iêng-Xê-ri bắt hoàn tục. Từ đó, Phật Giáo Campuchia được hồi sinh và thắt chặt tình đoàn kết Việt Nam - Campuchia.

Năm 1980, Ban vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam được thành lập, Ngài tham gia vào tổ chức này với tư cách là Phó trưởng ban.

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, thống nhất Phật giáo Nam - Bắc, thống nhất các hệ phái; Ngài được thỉnh vào Hội đồng Chứng minh và được đề cử làm Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ngoài ra, Ngài còn tham dự nhiều Hội nghị Quốc tế về Phật giáo, đặc biệt là Hội nghị kết tập Tam Tạng lần thứ sáu tại Rangoon, thủ đô nước Mianma.

Trong suốt hơn năm mươi năm xuất gia hành đạo, hoằng pháp và phục vụ xã hội, Ngài đã để lại cho hậu thế nhiều công đức và nhiều công trình Phật sự to lớn.

Ngài đã mở một Phật học viện Sơ cấp tại chùa Tam Bảo, Đà Nẵng. Và tại ngôi Chùa Tháp tôn nghiêm hùng vĩ này, nhiều khóa thiền đã được khai giảng để hướng dẫn cho các hành giả là Chư Tăng, Tu Nữ và các hàng Phật tử.

Tại Núi Lớn, Vũng Tàu, Ngài khai sơn một rừng thiền giữa thiên nhiên khoáng khoáng, rợp bóng mát cây xanh, dành cho những hành giả chuyên tu Tứ-niệm-xứ. Nơi đây gồm có hàng trăm cốc liêu rải rác giữa các sườn đồi, dưới những tàn cổ thụ lâu đời; là nơi mà Chư Tăng, Tu Nữ, Phật tử mười phương thường vân tập về vào mỗi độ an cư để theo học những khóa thiền ba tháng hoặc bảy tháng. Tại Tam Bảo thiền viện này, có rất nhiều hành giả đạt kết quả pháp hành tốt đẹp, khả dĩ làm hành trang tư lương cho mình suốt cuộc đời tu tập.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, Quận Tân Bình, Ngài mở Phật học viện Trung đẳng tại chùa Phật Bảo, nơi Ngài làm Viện chủ và tiến sĩ Thiện Giới làm Giám đốc Phật học viện. Nơi đây đã đào tạo nhiều Tăng tài cho Hệ phái Nam tông.

Sau năm 1975, Ngài tiếp tục mở nhiều khóa thiền tại chùa Phật Bảo; và thường hay lui tới các chùa để nhắc nhở, khuyến hóa, sách tấn tứ chúng môn đồ tinh tấn tu niệm.

Về sự nghiệp xây dựng chùa chiền: từ miền Nam đến Cao nguyên, rồi ra miền Trung, đâu đâu cũng có bàn tay và dấu chân của Ngài trong sứ mạng khai sáng Giáo Pháp chơn truyền của Đức Từ Phụ.

Ngài đã xây dựng hoặc đứng ra chủ trì xây dựng tất cả mười sáu ngôi chùa sau đây:

Huế: Định Quang Tự ở Giạ Lê; Tăng Quang Tự ở Gia Hội.

Đà Nẵng: Tam Bảo Tự, tổ đình Phật giáo Nam tông miền Trung.

Hội An: Nam Quang Tự.

Quảng Ngãi: Tăng Bảo Tự.

Quy Nhơn: Huệ Quang Tự ở Qui Nhơn; Phước Quang Tự ở Bình Định.

Nha Trang: Như Ý Tự.

Phan Thiết: Bình Long Tự.

Đà Lạt: Bửu Sơn Tự; Pháp Quân Tự.

Mỹ Tho: Pháp Bảo Tự.

Biên Hòa: Phước Sơn Tự.

Bà Rịa - Vũng Tàu: Tam Bảo Thiền Viện.

Thành phố Hồ Chí Minh: Phật Bảo Tự; Diệu Quang Tự (*Dành cho Tu nữ*).

Về sự nghiệp phiên dịch kinh điển của Ngài, gồm có:

NHỮNG TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

Hạnh phúc kinh.

Tiểu sử Phật Thích Ca.

Giải về kiếp.

Thiền Tứ Niệm Xứ.

Giải về bần.

Mi Tiên Vấn Đáp (Quyển I, II, III)

SẮP XUẤT BẢN:

Pháp Đoàn kết.

Giải thoát giáo.

Giải về cõi trời.

Phật bốn sanh.

Giải về lửa.

Dạ Xoa hỏi Phật.

Nhà của Tâm.

Vô Ân Tượng Pháp.
Kinh Ô Mối.
Vi Diệu Pháp vấn đáp.
Ba mươi bảy Pháp trợ Bồ-đề.
Pháp Số giảng giải.
Vi Diệu Pháp vấn tắt.
Tam Tạng, quyển 1, 2, 3, 4.
Tam Tạng, quyển 40, 41.

Ngoài những sự nghiệp vĩ đại ấy, Ngài lại còn có số đệ tử xuất gia đông đảo nhất của Phật giáo Nam tông. Một số du học ở nước ngoài, đã thành tài, đã trở nên cao tăng, danh tăng đang hoằng pháp ở Mỹ và ở Pháp, như Hòa thượng Tiến sĩ Pháp Nhẫn, Thượng tọa Tịnh Đức, Thượng tọa Chơn Trí, Thượng tọa Đức Minh v.v... Ở trong nước hiện nay, nhiều đệ tử do Ngài tế độ hoặc hướng dẫn đã trở nên những bậc trưởng lão cho tứ chúng y chỉ, hoặc đạo cao đức trọng, hoặc tài đức uyên thâm, hoặc thâm niên cao hạ... như Hòa thượng Hộ Nhẫn ở Huế, cố Hòa thượng Pháp Tri ở Sài Gòn, Thượng tọa Viên Minh ở Bửu Long, Thượng tọa Tâm Hỷ, Thượng tọa Hộ Chơn v.v...

Như vậy, cuộc đời Ngài đi qua trần gian không dài, nhưng đã làm việc hết sức mình cho chánh pháp, cho xã hội, cho môn đồ.

Năm 1984, đến khi lâm trọng bệnh, mặc dù đã được hội đồng y - bác sĩ bệnh viện Chợ Rẫy hết sức cứu chữa cùng với sự quan tâm giúp đỡ của Giáo hội, của các cấp chính quyền, nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Ngài đã an nhiên thị tịch lúc 10h30" ngày 13 tháng 7 năm Giáp Tý, tức ngày 9/8/1984 tại chùa Phật Bảo, hưởng thọ 63 tuổi.

Hàng năm, vào mùa Vu Lan Báo Hiếu, toàn thể Tăng tín đồ Phật giáo Nam tông và Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm lễ tưởng niệm cố Hòa thượng, một vị trưởng lão sáng lập Hệ phái Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, một thiền sư đạo hạnh nghiêm minh, một bậc thầy từ hòa khả kính, một cao tăng nhiệt tình trong hàng Giáo phẩm tôn túc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trước sự mất mát to lớn ấy, các hàng đệ tử đã đóng góp tịnh tài và công sức xây dựng ngôi Bảo tháp tại chùa Phật Bảo, tôn trí di cốt của Ngài để tưởng niệm công đức và thể hiện hạnh tri ân, quanh năm trầm hoa kính viếng, chiêm bái, phụng thờ.

Dẫu Ngài đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng bóng mát của tàn đại thụ mãi còn che phủ các ngôi già - lam, nơi Ngài đã dày công kiến tạo và giáo huấn môn đồ suốt một đời không mệt mỏi.

Cầu nguyện cho công hạnh ba-la-mật của Ngài sớm được tựu thành viên mãn.

*Đệ tử,
Tỳ-khưu Chánh Niệm,
(Nguyễn Đình Pháp)
Trụ trì chùa Phật Bảo, cần bút.*

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ kinh *Milindapanha* xuất hiện vào khoảng năm trăm năm sau Phật Niết bàn, do ngài Pitakaculabhaya ở trung Ấn độ trước thuật bằng tiếng Pàli. Nội dung kể lại những câu hỏi, đáp giữa vua Milinda và tỳ kheo Nàgasena. Những câu hỏi thì đa trí, sắc bén mà lời giải đáp lại thâm sâu, quảng kiến, lợi tuệ; nhiều khi chỉ là những ví dụ cụ thể, bình dân, giản dị, rất bổ ích cho các nhà học giả, người nghiên cứu, kể đa nghi cũng như sự học Phật của các hàng hậu tấn.

Đi sâu vào những lời đối thoại, người nắm giáo nghĩa của Phật giáo Nguyên Thủy (*Theravàda*) dễ nhận ra rằng, những vấn đề được đề cập hoàn toàn là tinh yếu của Tam Tạng Pàli văn, chưa hề pha tạp tư tưởng và kiến giải của các bộ phái phát triển sau này. Do vậy, không lạ gì Phật giáo Miến điện xếp bộ kinh *Milindapanha* vào Thánh điển, và Phật giáo Tích lan đặt chung với năm bộ *Nikàya* để tôn thờ và phụng hành.

Chúng ta cần biết rằng, các bộ phái Bắc truyền cũng có phổ biến kinh này do người Trung hoa phiên dịch vào các thế kỷ sau T.L kỷ nguyên. Và hiện tại có vài bản tiếng Việt đang lưu hành rộng rãi lấy tên là "*Na-tiên tỳ-kheo kinh*" như bản của Đoàn trung Cờn, và bản của Cao hữu Đính, xuất bản vào năm 1971.

So sánh giữa *Milindapanha* và [Na-tiên tỳ-kheo kinh](#) của Cao hữu Đính, chúng ta thấy rằng bản dịch sau đã giản lược chưa bằng một phần ba so với bộ kinh trước; nhưng có nhiều ưu điểm là: cách phân câu, cú pháp, hành văn rõ ràng, mạch lạc, sáng sủa hơn. Tuy nhiên, nếu chịu khó đọc kỹ cả hai bản, ta sẽ thấy *Na-tiên tỳ-kheo kinh* đã bỏ sót trên 150 câu hỏi, lược bớt câu hỏi, bỏ sót những chi pháp quan trọng và bỏ sót những ví dụ sống động xoay quanh một vấn đề, làm giảm sút giá trị của bộ kinh cựu truyền không ít vậy.

Ngoài ra, thật đáng tiếc hơn, *Na-tiên tỳ-kheo kinh* lại va vấp nhiều lỗi lầm quan trọng về tinh yếu của giáo pháp, ví dụ:

* *Câu 7: Yoniso manasikàra* (như lý tác ý), nghĩa là khởi tâm đến đối tượng một cách đúng đắn, hợp với sự thật, mà dịch là "*Nhứt tâm*"!

* *Câu 13: Nàma-rùpa* là danh sắc mà dịch là "*danh thân*"! Tưởng là giống nhau nhưng "sắc" chính xác hơn nhiều. Thân (*kàya*) theo Abhidhamma có hàng chục nghĩa khác nhau, không đơn thuần là thân tứ đại. Còn danh thân là thân của các tâm sở. Danh là phần tâm và tâm sở, sắc là thân xác tứ đại.

* *Câu 22, 23, 24, 25:*

- *Vedanalakkhana*: hành tướng của thọ, mà diễn giảng là: "*cảm thọ vui là tự mình nhận biết và hưởng thọ cái vui ấy*"! Xin thưa, "nhận biết" là thuộc về "tưởng", còn "hưởng" là thuộc về ái dục, nó nằm nơi "*hành*"!

- *Sannalakkhana*: hành tướng của tưởng mà dịch là *giác*, không chính xác, dễ lầm lẫn, nên dịch là *tri giác*: nhận biết đối tượng một cách tổng quát.

- *Cetanalakkhana*: hành tướng của "*tư*", mà dịch là "*sở niệm*"! Lại còn diễn giảng: *Sở niệm tức là Tư tưởng!* Xin thưa, *tư* chính là tư tác, nó tạo nghiệp do tham, sân, si khởi lên, nó chi phối "*hành*" trong ngũ uẩn.

- *Vinnanalakkhana*: Hành tướng của thức, *thức* ở đây là thức *ghi nhận tiến trình kinh nghiệm* từ sắc thọ, tưởng, hành...thức; mà ở đây lại nói là "*nội động*" thì chẳng ai hiểu ra làm sao cả! Thế mà còn định nghĩa: *nội động là cái tư tưởng mong cầu xao xuyên trong nội tâm!* Suy diễn như thế thì quả là đã đi xa từ và nghĩa nguyên thủy của giáo pháp.

* *Câu 26*: Bản dịch nói: *năm cái xúc, thọ, giác, sở niệm, nội động một khi "dung hợp" thành "nõi lòng" rồi...*

Ôi! Sao lại gọi ngũ uẩn là "*nõi lòng*"?! Và sao ngũ uẩn lại "*dung hợp*" được như các lượng vật chất? Có lẽ ai cũng hiểu rằng, ngũ uẩn chính là tiến trình sinh diệt của tâm sinh lý, và ngay chính các trạng thái tâm sinh lý cũng sinh diệt, tiếp nối tương tục không gián đoạn.

Sai lầm của bản kinh Na-tiên tỳ kheo, đáng buồn thay không phải chỉ có bấy nhiêu, mà ít nhất là vài chục chỗ tương tự thế trong số sáu mươi hai câu hỏi của bản kinh này!

Nêu ra như vậy, không phải chúng tôi "*câu toàn trách bị*", bởi lòng tìm vết; cũng không phải chúng tôi vội quy kết những lỗi lầm trên là do dịch giả tiếng Việt, dịch giả tiếng Hán hay từ bản gốc bằng tiếng *Prākṛit* của phái Nhất thiết hữu bộ kết tập [*]. Chỉ mong nhờ các bậc học giả lỗi lạc so sánh, đối chiếu để truy cứu vấn đề cho sáng tỏ hơn mà thôi.

[* *Nhiều người lầm tưởng Nhất thiết hữu bộ thuộc Thượng tọa bộ. Không phải vậy. Nhất thiết hữu bộ là một trong 18 bộ phái được tách ra khỏi Thượng tọa bộ sau kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai. Các nhà học giả thường gọi đây là 18 bộ phái Tiểu thừa.*]

Nhận thấy tầm mức quan trọng của bộ kinh, ngoài công việc Tam Bảo bề bộn, chúng tôi phải bỏ thời gian gần hai mươi năm để phiên dịch, trước sau phân thành ba quyển hầu cống hiến bạn đọc. Nay tuổi già sức yếu, biết tuổi thọ không còn mấy năm, chúng tôi ráng dành thì giờ soạn lại, gộp chung thành một quyển. Lần này cũng khá vất vả vì đường như chúng tôi phải làm lại từ đầu: viết lại lời tựa, chỉnh lại văn cú, lược bỏ các đoạn trùng lặp, sắp xếp lại chương mục, bỏ hết câu, chữ, kệ Pàli không cần thiết, chỉnh lại đây đó một số nghĩa, số từ cho chính xác hơn. Làm việc ấy, chúng tôi xem như một bổn phận của mình, những mong hoàn thành một dịch phẩm ít lỗi lầm so với dịch phẩm trước đây để đáp đền Tam Bảo thâm ân.

Bộ kinh *Milindapanha* này, đúng ra phải dịch là "*Mi-lin-đà sở vấn*", nhưng tên gọi cũ đã quen tai, chúng tôi thấy không cần thiết phải sửa lại.

Về tên gọi của hai ngài, Nàgasena, chúng tôi dùng tên phổ thông là "Na-tiên tỳ kheo", và Milinda, chúng tôi âm là "Mi-lan-đà". Các đoạn đối thoại giữa hai vị, chúng tôi ghi "-" ở đầu dòng cho gọn.

Dẫu đã rất nhiều cố gắng, nghiêm túc và nhiệt tâm, chúng tôi cũng không sao tránh khỏi những khuyết điểm sau đây:

* Để hợp với tư duy người Việt, văn Việt nên đôi chỗ phải phỏng dịch, phóng tác mà vẫn trung thành với câu chuyện, với giáo pháp.

* Chúng tôi đã tự ý bỏ tất cả các phẩm, chỉ ghi thứ tự câu hỏi để cho độc giả tiện theo dõi.

Cốt ý của chúng tôi là muốn phổ biến một tư liệu quý hiếm rất gần với giáo pháp uyên nguyên; giải đáp, tháo gỡ những thắc mắc cho kẻ hoài nghi để phá bỏ sở tri chướng cho người tu Phật. Chỉ chừng ấy thôi thì công năng diệu dụng của "*Mi-tiên-vấn-đáp*" thật là bất khả tư nghi rồi.

Xin các bậc thức giả cao minh hoan hỷ chỉ giáo cho để lần tái bản được hoàn bị hơn.

*Mong thay,
Phật Bảo Tụ, Phú Thọ Hòa
Mùa An Cư 1982 - PL.2526
Tỳ Khưu Giới Nghiêm
(Thitasilo Bhikkhu)*

Kệ lễ bái TAM BẢO

Chương Mục [*]

I. PHẦN DẪN NHẬP

Ngoại thuyết (*Bàhirakathà*)
Câu chuyện liên quan tiền kiếp (*Pubbayoga*)

Chuyện về đức vua Mi-lan-đà
Chuyện về đại đức Na-tiên
Tháp thoáng bóng sư tử

II. NỘI DUNG MI-LAN-ĐÀ VẤN KINH

Gồm 244 câu hỏi: [**]

- Câu hỏi có khả năng cắt đứt sự nghi ngờ (*vimaticchedanapanha*)
- Câu hỏi vượt tầm mức của chúng sanh trong tam giới, chỉ có các vị Bồ tát mới đáp được (*mendakapanha*)
- Câu hỏi có tính cách xác định, khẳng định, kết luận (*anumanapanha*)
- Câu hỏi về tính chất, tướng, đặc tính của Pháp (*lakkhanapanha*)
- Câu hỏi bằng lối ví dụ, so sánh... (*upamàpanha*)

III. SAU CUỘC VẤN ĐÁP

[*] Do chúng tôi sắp xếp.

[**] Xét rằng, chỉ có phẩm 5 là phần dành riêng cho ví dụ, còn 4 loại câu hỏi còn lại đều nằm lẫn lộn, xen kẽ suốt trong các phẩm, khó phân định rạch ròi.

I. PHẦN DẪN NHẬP

1. Ngoại Thuyết (Bàhirakathà)

Sau khi Đức Thế Tôn tuyên bố sắp nhập Niết bàn, ngài cùng với một số đồng tử khưu Tăng đến thành Kusinàra thuộc quốc độ Malla. Đến khu rừng mát mẻ, dừng lại dưới hai cội cây sàla tươi đẹp với bốn nhánh vươn cao và tỏa rộng, hoa nở rục rở và ngạt ngào hương, ngài bảo tôn giả Ananda xếp y tăng-già-lê rồi nói:

- Như Lai sẽ Niết bàn ở đây!

Thế rồi, Đức Thế Tôn nằm nghiêng lưng trên tảng đá bằng phẳng, đầu quay về phía bắc, mặt quay về phía tây. Chư tử khưu Tăng ngồi vòng quanh yên lặng như một rừng thiền định. Giữa tiếng chim ríu rít, vài cánh hoa rơi khẽ, bài pháp sau đây đã được Đấng Giác ngộ thuyết lên:

-"Này các thầy tỳ khưu! Như Lai nhắc nhở và căn dặn các thầy như vậy: tất cả pháp hữu vi đều không chắc thật, không bền vững. Tất cả các pháp hữu vi dầu thô thiển hay vi tế đều bị sự tác động của vô thường, biến hoại, đổi khác.

Tất cả pháp hữu vi, nếu là thiện pháp, là phước tạo tác (punnàbhi sankhàra), cấu tạo nên thân tâm của người và trời; nói cách khác, là nhân sanh sáu cảnh trời dục giới hoặc được làm người có phước báu sắc thân xinh đẹp, ít bệnh tật, ít khổ đau, nhưng nó cũng chẳng thường còn như ý nguyện mãi thế đâu!

Tất cả pháp hữu vi, nếu là ác pháp, là tội tạo tác (appunnàbhi sankhàra), cấu tạo nên thân tâm và cảnh giới trong bốn đường dữ là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Vậy các thầy hãy cố gắng gìn giữ thân khẩu ý, ngăn giữ ác hạnh để khỏi chịu quả báo đau khổ về sau.

Tất cả pháp hữu vi, nếu là thiện pháp thù thắng, là vô ký hay bất động tạo tác (ananjabhi sankhàra); là nhân của tầng trời sắc giới và vô sắc giới của các bậc tu hành đã đắc tứ thiên hay tứ không; cấu tạo nên thân tâm cõi trời phạm thiên hữu sắc và phạm thiên vô sắc. Tuổi thọ ở đấy thì vô lượng nhưng hết phước báu thiên định cũng phải bị đọa lạc như thường.

Vậy này các thầy tỳ khưu! Hãy tinh tấn chuyên niệm, chớ quên, chớ phóng dật, chớ giải đãi. Tử sinh là việc lớn. Hãy rèn luyện thân khẩu ý cho thanh tịnh. Hãy làm cho sung mãn tứ vô lượng tâm. Hãy qua khỏi bờ kia, chẳng nên cam chịu hoài cảnh trầm luân khổ đau sinh diệt nữa!"

Lúc Đấng Thập Lực (*Dassapàlannana*) dùng lời tối hậu huấn thị tỳ khưu Tăng với tâm bi mẫn như thế, biết là ngài sắp Tịch diệt Niết bàn, có một số sa môn tâm hãy còn phàm, đã không ngăn được sự ưu sầu, luyến tiếc đối với Đức Đạo sư, họ đã chảy nước mắt khóc than vô cùng bi lụy.

Đức Toàn Thắng Ma lại ân cần nói thêm rằng:

"Này các thầy tỳ khưu! Hình như các thầy tưởng rằng khi Như Lai diệt độ rồi, sẽ không còn ai là thầy dạy dỗ các thầy nữa chẳng? Không phải thế đâu!

*Này các thầy tỳ khưu! Pháp và Luật rất đầy đủ, Như Lai đã giáo giới đến các thầy rồi. Ba-la-đề-mộc-xoa (*patimo-kkha*) dành cho Tăng và Ni, Như Lai đã chỉ dạy cặn kẽ trong bộ Lưỡng phân biệt (*ubhatovibhanga*) rồi. Nhân có tội và nhân vô tội Như Lai cũng đã từng thuyết minh chi li, rõ ràng rồi.*

Thinh Văn ba-la-mật tuệ, Như Lai cũng đã nói rồi.

Tuệ Đến-bờ-kia cho bậc Độc Giác và bậc Chánh Đẳng Giác, Như Lai cũng đã từng tán dương rồi. Và nào là Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như y túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo, Thất quả, Bát định, Cửu định.. . Như Lai cũng đã nhiều lần tuyên thuyết bằng những thời pháp, đoản ngôn, kệ ngôn, ví dụ, so sánh, giảng giải, phân tích ... khác nhau.

Vậy này các thầy tỳ khưu! Người nào thông hiểu pháp ấy, chứng ngộ pháp ấy được gọi là Thinh Văn đệ tử của Như Lai; là người có căn cơ mẫn tiệp, lanh lẹ, kiến trú vững chắc, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không xao động.

Này các thầy tỳ khưu! Dầu Như Lai có diệt độ, nhưng Pháp và Luật ấy chính là thầy của các thầy, còn ở bên các thầy, làm nơi nương tựa và dẫn lối cho các thầy. Thế thì sầu thương, bi lụy có ích gì khi các pháp dấu nhỏ nhiệm như mảnh lân hư trần, to lớn như Tu-di sơn cũng đều phải bị vô thường biến hoại?

Lại nữa, khi Như Lai Niết bàn rồi, ông Đại Ca-diếp sẽ mở hội kết tập lần đầu, trùng tuyên lại Pháp và Luật cho đầy đủ, tỏ rạng lên hầu nhắc nhở và mở mắt cho những tỳ khưu hư hỏng, phóng túng như ông Subhadda cùng những hoa ngôn, lộng ngữ, xuyên tạc Chánh pháp của chúng ngoại đạo.

Lại một trăm năm sau nữa, có vị trưởng lão A-la-hán có tên Yassa Kananda, vì hủy trừ lời nói của tỳ khưu Vajjiputtaka mà mở đại hội kết tập lần thứ nhì, trùng tuyên trọn vẹn Tam tạng Thánh điển.

Thế rồi, hai trăm mười tám năm sau kể từ khi Như Lai diệt độ, có tôn giả Moggaliputtatissa kết tập lần thứ ba, loại bỏ tất cả tư tưởng lai tạp của ngoại giáo, giữ nguyên lời dạy chọn truyền của Như Lai y như lần thứ nhất và lần thứ nhì. Sau đó nữa, tỳ khuru Mahinda, một vị Thánh Tăng, vốn là hoàng tử con của vua A-dục, đã đem ba tạng kinh truyền Chánh pháp vào xứ Tích-lan (Jampànidipa).

Và khoảng chừng năm trăm năm sau kể từ hôm nay, có một đức vua tên là Mi-lan-đà, có nhiều phước duyên thù thắng (abhinihàra) đã tạo trử từ xưa, dùng những câu hỏi rất cao siêu, vi tế, sắc bén bởi năng lực trí tuệ của mình để vấn đạo, bức bách các sa-môn, bà-la-môn trong toàn cõi Diêm-phù này, làm cho họ phải trốn vào rừng sâu.

Khi ấy, có một vị tỳ khuru tên là Na-tiên, có trí tuệ siêu phàm, đã giải đáp dễ dàng những câu hỏi, phá nghi những nạn vấn cho đức vua Mi-lan-đà bằng nhiều cách phân tích thiện xảo, nhiều ví dụ sinh động, cụ thể làm cho bậc minh quân vô cùng hài lòng. Nhờ vậy, Pháp và Luật của Như Lai đã không lu mờ, mà trái lại, càng thêm tỏ rạng, được trân trọng bảo lưu, truyền thừa trên thế gian tròn đủ 5.000 năm."

Như thế, vua Mi-lan-đà và đại đức Na-tiên với những câu hỏi đáp giữa họ đã được Đức Thế Tôn tiên tri sẵn trước khi ngài nhập diệt.

Người ta nói rằng nước của năm con sông lớn của xứ Ấn-độ tuôn chảy về biển bao nhiêu lượng nước thì những câu hỏi của vua Mi-lan-đà cũng tuôn chảy liên miên, dồn dập không ngưng nghỉ như vậy. Tuy nhiên, nước của năm con sông lớn ra đến biển thì nằm yên trong biển, hòa tan trong biển, được biển kết nạp, dung chứa một cách bình thản như chẳng có vấn đề gì phải bận tâm. Cũng vậy, biển cả được ví như trí tuệ siêu phàm, vô lượng của đại đức Na-tiên. Do vậy, những câu hỏi dù khúc mắc, dù đặt bẫy, dù sâu rộng, dù vi tế thế nào của vua Mi-lan-đà, đều được ngài Na-tiên sẵn sàng giải đáp rành rẽ, khúc chiết bằng nhiều cách khác nhau. Một ngọn đèn cực lớn, ánh sáng quang minh chiếu diệu soi tỏ vào các chỗ tối tăm, hang hóc sâu kín như thế nào thì trí tuệ của đại đức Na-tiên cũng soi tỏ vào bóng tối hoài nghi, kiến thức đa diện của đức vua Mi-lan-đà y như thế ấy.

Quả thật, cuộc vấn đáp của hai bậc tài đức đã chứa chan sự thật, triết lý, tư tưởng và cả những ý nghĩa nhiệm màu; khả dĩ nổi được ngọn đèn Pháp Bảo giữa cõi mê mờ, vọng tưởng. Sự tranh biện và lập luận minh bạch, khúc chiết của

hai ngài có sức hấp dẫn phi thường, làm cho người nghe, người đọc phát sanh phỉ lạc chưa từng có.

2. Câu chuyện liên quan trong tiền kiếp (Pubbapa yoga)

Vào thời Đức Phật Ca-diếp (Kassapa), có đức vua tên là Vijjitavà trị vì một vương quốc giàu mạnh, kinh đô đặt tại xứ Sàgala xinh đẹp. Đức vua là một cư sĩ có giới và có trí, cai trị quốc độ bằng mười vương pháp, sống với thần dân bằng bốn pháp tế độ.

Tại kinh đô ven sông, đức vua cho xây dựng một ngôi chùa lớn rồi dâng cúng đến các vị trưởng lão đạo cao đức trọng, suốt thông Tam tạng. Ngài hộ độ Chư tăng đầy đủ về tứ sự, hết tuổi thọ, hóa sanh làm Thiên chủ cõi Dao-lợi, gọi là Đế Thích Thiên vương.

Ở ngôi chùa do đức vua bảo trợ này, chư tỳ khưu Tăng rất đông đúc, duy trì pháp học và pháp hành một cách nghiêm túc và không gián đoạn. Trong chúng, có vị tỳ khưu giới hạnh trong sạch, hằng ngày tu tập thiền quán. Mỗi sáng, ngài thường thức dậy sớm, lễ bái Tam Bảo, quán tưởng ân đức Tam Bảo, tọa thiền, kinh hành rồi đi quét dọn xung quanh chùa. Công việc ấy ngài làm một cách lặng lẽ và chuyên cần.

Hôm kia, vị tỳ khưu quét lá quanh Bảo tháp, gom lại thành đống rồi gọi chú sa di phụ việc hốt đem đổ đi. Chú sa di ngày thường rất ngoan ngoãn, nhưng hôm ấy lại sanh tâm lười biếng, giả vờ không nghe. Gọi đến lần thứ ba, thấy chú sa di vẫn cứng đầu, vị tỳ khưu bèn bước tới, đánh cho chú mấy cán chổi khá đau. Thế là chú sa di vừa khóc vừa hốt rác, lòng ấm ức vô cùng. Công việc xong xuôi, chú sa di phát lời nguyện rằng:

"Với phước báu đổ rác này, nếu chưa đắc được Niết bàn, dù sanh vào cảnh giới nào, cũng xin cho tôi có đầy đủ quyền cao, chức trọng mà oai lực của tôi sẽ thù thắng hơn tất cả mọi người, như mặt trời vĩ đại ở giữa hư không kia vậy."

Nguyện xong, hể hả và vui sướng, chú sa di đi xuống sông tắm. Khi bơi lội nhõn nhơ trong nước, thân tâm mát mẻ, chú sa di cảm thấy hối hận, tự nghĩ:

"Thầy tỳ khưu bảo ta hốt rác, đấy chẳng phải là phận sự bắt buộc, chẳng phải là việc riêng của ngài; cũng chẳng phải là lợi ích cho các thầy A-xà-lê, cũng không phải nhằm phục vụ cho các vị thượng tọa, hòa thượng của ngài. Vậy đích thị ngài đánh ta là muốn tế độ ta, muốn đánh vào cái tính lười biếng và cứng đầu của ta! Ôi! Vì u mê mà ta tự làm hại ta rồi."

Vẫn còn ngâm mình dưới sông, nhìn những lượn sóng như vô tận đuổi nhau đến tận bờ xa, chú sa di tâm cơ máy động, phát lời đại nguyện:

"Vi thiếu trí tuệ mới sinh lười biếng, cứng đầu, sinh những nhận thức sai lầm, nông nổi. Vậy thì với tất cả những phước đức tu tập của tôi, phước đức đổ rác bấy lâu nay, phước đức thấy mình làm lỗi, xin nguyện rằng: nếu chưa đắc quả Niết bàn, hãy cho tôi được trí tuệ nhiều vô biên vô lượng như những làn sóng vô tận của con sông này."

Đang trên bến, cũng định xuống sông tắm, vị tỳ khưu nghe được lời phát nguyện đầy quyết tâm vững chắc của chú sa di, chợt dạ, nghĩ thầm: *"Không kể chút làm lỗi sáng nay, chú sa di này từ lâu tu tập rất tốt, có hạnh kiểm và có trí. Vậy với lời nguyện sắt đá này, chú sa di hẳn sẽ thành tựu dễ dàng."* Trầm ngâm hồi lâu, vị tỳ khưu nghĩ tiếp: *"Trong lời nguyện của chú sa di, vừa có cái gì đó như phục thiện mà cũng vừa có cái gì đó như đối chọi lại với ta? Nhưng bản chất của chú sa di này ngũ ngầm sự cứng đầu, kiêu căng, ngã mạn. Vậy nếu lời nguyện kia mà thành tựu thì trên thế gian này có ai đủ khả năng trí tuệ để kèm bớt trí tuệ của y?"*

Vì thế, vị tỳ khưu cũng chấp tay lên đầu, hướng giữa thình không, phát lời đại nguyện:

"Với tất cả mọi công đức tu tập của tôi, công đức quét rác bao nhiêu năm, nếu tôi chưa đắc quả Niết bàn, xin cho tôi được thành tựu trí tuệ bất khả tư nghì. Trí tuệ ấy phải đầy đủ năm tính chất sau đây:

- Nhiều như sóng của con sông đại Hằng.*
- Vững chắc và kiên định như hai bờ của con sông này.*
- Thấy rõ gốc ngọn tất cả các pháp.*
- Quang minh, sáng sửa.*
- Quảng bác, thâm sâu, sắc bén.*

Mong nhờ trí tuệ bất khả tư nghì ấy, có thể kiểm chế, phá nghi, soi rọi, dẫn dắt chú sa di đi đến nơi giác ngộ, giải thoát."

Cả hai vị tỳ khưu và sa di, với lời nguyện ấy, sau khi tan rã ngũ uẩn, họ đều được sanh làm người, làm trời trọn thời gian giữa hai vị Phật. Đến lúc Phật Thích-ca Niết bàn gần năm trăm năm, vị tỳ khưu thuở xưa từ cõi trời giáng hạ

làm Na-tiên tỳ khưu; vị sa di sanh làm vua Mi-lan-đà ở kinh thành Sàgala đúng với lời nguyện của họ.

2.1. Chuyện về ĐỨC VUA MI-LAN-ĐÀ

Ông người gốc Hy-lạp, là một viên đại tướng lừng danh, vô địch, theo đoàn quân viễn chinh xâm lăng Ấn-độ. Sau khi đã đặt nền thống trị trên một đế quốc rộng lớn, viên thủ lĩnh bị giặc giết, ông lên kế vị làm vua, đóng đô tại Sàgala.

Sàgala là vùng đất nằm ở thượng lưu năm con sông, dưới chân Hy-mã-lạp-sơn, với núi non hùng vĩ bao quanh, sông dài uốn khúc tạo nên một khung cảnh xinh tươi trù phú và thanh mật.

Xuất thân là một tướng lãnh thao lược, bách chiến bách thắng, bá quyền từ lưu vực sông Hằng đến các bờ cõi miền đông, từ cửa sông miền nam giáp biển đến tận chân Hy-mã-lạp-sơn, nhưng đức vua ấy luôn phòng thủ không một chút lơ là. Hoàng cung được bảo vệ với những thành trì kiên cố, vững chắc, được đào hào sâu rộng bao bọc xung quanh, những cổng thành bằng đá to lớn luôn luôn được đội quân uy nghi với gươm đao, cung nỏ túc trực sẵn. Nhờ vậy, không một kẻ thù nào dám quấy nhiễu, không một kẻ nghịch nào dám manh tâm thoán đoạt.

Giữ yên bên ngoài, nhà vua lo việc bên trong, chăm lo đến cơm no áo ấm cho muôn dân. Kế hoạch phát triển đất nước, nhà vua chú trọng nông nghiệp, có chính sách khuyến nông đúng đắn và hữu hiệu. Các ngành nghề lao động, thủ công đều được tuyên truyền, vận động, cổ súy nâng cao. Không bao lâu sau, đất nước này sống đời thái bình và thịnh trị, giàu mạnh và hùng cường.

Kinh thành Sàgala đặc biệt rất huy hoàng và tráng lệ. Các lối đi đều được lát đá. Nam nữ có lối đi riêng. Ven đường có nhà mát, nhà nghỉ, có cây to bóng mát. Điểm tuyệt đó đây rất nhiều ao hồ, rất nhiều vườn cây. Ao hồ thì nuôi đủ thứ cá sặc màu đẹp đẽ. Vườn cây trồng kỳ hoa dị thảo, nuôi muôn chim, muôn thú hiền lành. Ngoài ra, dinh thự, đền đài, phố xá, cầu kỳ, đại hí trường, tiểu hí trường được xây dựng, kiến thiết cao sang và mỹ lệ. Từ Hoàng cung, ánh đèn chói sáng trăm màu rực rỡ, nhạc ca, vũ điệu dặt dìu ngày đêm hoan lạc. Hoàng gia ăn vận như thiên tướng, thiên nữ cõi trời, với xe hai ngựa, bốn ngựa, kiệu... qua lại tấp nập. Các vị sa môn, bà la môn, đạo sĩ thông dong lui tới đó đây, hoàn toàn được tự do, được tôn trọng, lễ bái, cúng dường... Dân chúng ăn mặc đẹp đẽ, trang trí vòng hoa, trân châu, lũ lượt tới các điểm giải trí, vui chơi ở các nơi công cộng và hí trường.

Đây là thời đại cực thịnh của kinh đô Sàgala.

Hoàng cung có nhiều kho vàng, kho bạc, kho đồng, kho gạo, kho vải vóc, lương thực, giáo mác, cung tên, thuốc nổ v.v..., những loại ngọc cực quý như ngọc mành, nhà vua cũng có rất nhiều. Các loại vải, gấm, lụa trứ danh như *kasila*, *udubara*, *koseyya*... là thứ dùng hằng ngày của hoàng gia.

Kinh thành của đức vua Mi-lan-đà hưởng phước cực kỳ sung sướng, được ví như Bắc-cu-lưu-châu hoặc như huê viên Alakam Manda ở cõi trời cũng không ngoa vậy.

Về quốc độ thì như thế, còn về cá nhân thì ngài có sức học uyên thâm, tài cao chí lớn, lại là người rất đạo đức nên được quần chúng tôn sùng, ngưỡng mộ. Tài liệu sử sách còn ghi lại đầy đủ về con người của vị vua ấy như sau:

- *Đệ nhất về của cải, tài sản.*
- *Đệ nhất về quân binh như voi, ngựa, xe...*
- *Đệ nhất về trí tuệ.*
- *Đệ nhất về học giả.*
- *Đệ nhất về thông minh.*
- *Đệ nhất về sức mạnh, quyền uy.*
- *Đệ nhất về giọng nói trầm hùng, êm dịu.*
- *Đệ nhất về hiểu biết các tôn giáo, nhất là Phật giáo.*
- *Đệ nhất làm chủ trí thức và cảm xúc của mình.*
- *Đệ nhất về bác học.*

Đã vậy, đức vua còn thông suốt 18 môn học nghệ:

1. *Học tiếng muôn thú để đoán định tốt xấu, lành dữ.*
2. *Học về đất đai, núi non, thảo mộc.*
3. *Toán học.*
4. *Biết rõ tất cả các nghề thợ.*
5. *Võ học.*
6. *Triết học, thắng luận.*
7. *Thiên văn.*
8. *Âm nhạc*
9. *Y khoa.*
10. *Nghệ thuật bắn cung.*
11. *Khảo cổ học.*
12. *Lịch sử, truyện tích, khẩu ngữ.*

13. Khoa tử vi.
14. Rành rẽ về phân kim (biết vàng ngọc thật, giả).
15. Học về vật lý.
16. Học về chăn nuôi, nông nghiệp, làm vườn.
17. Binh pháp.
18. Văn học: sử truyện nhân gian, cú pháp, thể luật, văn thơ...

Toàn cõi châu Diêm-phù-đề khó tìm ra một nhân vật trí tài như vậy.

Hôm kia, sau công việc triều chính mệt mỏi, đức vua cùng đoàn quân ngự giá ra khỏi hoàng thành du ngoạn. Đến một chỗ phong cảnh tươi thắm, hữu tình, đức vua ra lệnh dừng lại, xuống xe, ngài thông dong cất bước đi dạo.

Ngồi nghỉ chân nơi một tảng đá, dưới tàn đại thụ mát mẻ, đức vua ngước nhìn lên trời cao. Giữa bầu trời xanh biếc dịu dàng, một vàng thái dương rực rỡ, huy hoàng, ngự trị giữa hư không lồng lộng. Đức vua nhìn mặt trời rất lâu, đoạn nói chuyện với viên tướng hộ giá:

- Này khanh! khanh có thấy mặt trời kia không?

- Tâu, có thấy!

- Nó trấn ngự giữa hư không một cách đầy uy lực, bất khả xâm phạm, khanh có cảm nghĩ thế chăng?

- Dạ, thưa có, tâu Đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vỗ vai viên tướng một cách thân mật, cảm thán nói rằng:

- Mặt trời rực rỡ kia là chúa tể của hư không. Trí tuệ quang minh là chúa tể của chúng sanh các loài trong tam giới. Khanh đã từng tòng chinh theo trẫm đi đây đi đó nhiều nơi; khanh cũng đã từng mang lệnh của trẫm đi khắp kinh thành cùng các biên trấn xa xôi. Vậy khanh hãy cố nhớ cho thật kỹ, xem có vị sa môn, bà-la-môn nào là bậc đại trí thức, thông hiểu kinh pháp, lâu thông kinh pháp; hoặc là người đã tự mình tuyên bố, rằng là, đã đắc quả A-la-hán, đắc quả Phật? Trẫm muốn diện kiến họ, đối thoại với họ hầu tăng trưởng kiến thức và trí tuệ. Nào, khanh hãy cố nhớ lại xem?

Quả là thầy nào trò nấy, đức vua kiến thức uyên thâm thì viên tướng hộ giá thân tín kiến thức cũng uyên thâm. Sau một hồi suy nghĩ chín chắn, viên tướng tâu:

- Trước đây rất lâu xa, khi theo hầu chân ngựa của bệ hạ đi vào xứ sở tôn giáo huyền bí này, hạ thần có nghiên cứu qua sử sách tôn giáo của dân bản địa. Mấy ngàn năm trước đây, tu sĩ bà-la-môn thọ trì và phụng hành theo kinh điển Phệ-đà; và có thể nói rằng, tôn giáo này đã nắm độc quyền toàn bộ sinh hoạt tinh thần của xã hội Ấn. Nhưng cách đây gần năm trăm năm, bộ tộc Sakya, dòng dõi Thái dương anh hùng, đã xuất sanh được một vị Phật tên hiệu Sĩ-đạt-ta Cù-đàm, thì truyền thống ngàn đời của bà-la-môn bị lung lay đến tận nền móng. Hiện tại ở xứ sở này còn tồn tại đạo Phật ấy, đồng thời, tồn tại sáu tông phái ở trong và ngoài truyền thống Phệ-đà...

Đức vua Mi-lan-đà khen ngợi và mắng yêu người bề tôi trung tín:

- Khanh thật giỏi, nhưng dài dòng quá. Chuyện ấy thì trẫm cũng biết. Hãy nói tóm gọn coi nào?

- Dạ - Viên tướng kính cẩn cúi đầu - Sáu vị giáo chủ ấy là: Pùrana Kassapa, Makkhaligosàla, Niganthanàtaputta, Sanjayabelatthaputta, Ajitakesakambala, Bakuddhakaccà-ana. Và hiện nay, trong kinh thành có mặt môn đệ của sáu danh sư ấy đang triển khai tông giáo, danh tiếng lẫy lừng, đồ chúng rất đông. Họ đều không phải là người thiếu trí mà toàn là bậc thầy thiên hạ. Họ được mọi người cung kính, cúng dường, tôn trọng. Bệ hạ có thể nào đến viếng họ, đáp vấn với họ vài điều xem thử có chút kiến thức bổ dưỡng nào chăng?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười hài lòng:

- Được lắm, khanh bàn rất hợp ý trẫm.

Thế rồi, người đầu tiên mà đức vua Mi-lan-đà đến diện kiến là một vị chân sư, kế thừa giáo chủ Purana Kassapa. Sau khi yên vị chủ khách, đức vua kính cẩn hỏi rằng:

- Bạch thầy, chúng sanh đầy khắp trong ba cõi, có sanh mạng, có y báo, có chánh báo, có đời sống giống nhau, khác nhau, có sanh, có tử, có xuống, có lên... ở trong một luật tắc nào đó. Vậy thầy có thể nào cho biết *cái gì nuôi dưỡng chúng và hộ trì chúng?*

Vị chân sư mau mắn đáp:

- Tâu đại vương! Đại vương hãy nhìn xem núi sông, muôn loài và cây cỏ; tất cả chúng có được từ đại địa, lớn lên, trưởng thành từ đại địa! Vậy rõ ràng chúng sanh được nuôi dưỡng, được hộ trì bởi đại địa là điều quá hiển nhiên rồi!

Đức vua giả vờ mỉm cười, gật đầu, rồi dường như hỏi sang chuyện khác:

- Cảm ơn thầy! Chẳng hay giáo lý của thầy có nói đến những chúng sanh thống khổ ở các cõi địa ngục và ngạ quỷ chăng?

- Thưa có, tâu Đại vương!

Đức vua bây giờ mới tỏ vẻ giận dữ, phát tay áo

đứng dậy:

- Vậy mà thầy dám bảo quả đất nuôi dưỡng và hộ trì chúng sanh? Quả đất nuôi dưỡng, hộ trì chúng sanh sao lại để cho chúng sanh đọa lạc vào các cảnh giới địa ngục và ngạ quỷ đầy thống khổ và đau thương dường ấy?

Vị chân sư nín lặng.

Đức vua Mi-lan-đà cảm thán: "*Chẳng lẽ nào chân sư thiên hạ mà hoang vu và rỗng không như thế này sao?*"

Viên võ tướng thấy vua buồn bã, lựa lời khôn khéo nói:

- Kinh đô của Đại vương còn nhiều vị danh sư khác nữa, biết đâu trong số họ sẽ có người làm vừa lòng Đại vương?

Nghe lời, lần này đức vua Mi-lan-đà tới thăm viếng vị danh sư môn đệ của giáo chủ Makkhaligòsàla. Sau vài câu xã giao khách sáo, đức vua đi vào đề:

- Bạch thầy, giáo pháp của thầy quan niệm như thế nào về thiện, ác? Có nhân và có quả của thiện nghiệp và ác nghiệp chăng?

Vị danh sư trả lời:

- Chẳng có đâu, tâu Đại vương! Chẳng có thiện nghiệp và ác nghiệp. Quả tốt xấu của thiện nghiệp, ác nghiệp ấy cũng không. Theo giáo pháp mà bản đạo đã tuyên thuyết thì người nào sanh ra trong thế gian này được làm vua, khi chết sanh vào nơi khác cũng làm vua y như thế. Tương tự, nếu đời này là bà-la-môn, thương gia, nông gia, kẻ hạ tiện candàla, người đói khổ... khi tứ đại rã tan, tái sanh vào cảnh giới khác cũng sẽ làm bà-la-môn, thương gia, nông gia, kẻ hạ tiện candàla, người đói khổ giống như vậy. Chẳng có quả phước, quả tội tham dự vào đấy để tạo nên vui hay khổ cho chúng sanh cả.

Đức vua đã cảm thấy bực mình nhưng vẫn nhẫn nại hỏi tiếp:

- Nếu không có quả phước tội, kiếp này giống kiếp kia thì chắc hẳn tướng mạo của chúng sanh vẫn không thay đổi?

- Đúng là vậy, tâu Đại vương!

- Ví dụ, tướng mạo một người xấu xí, tật nguyên hẳn kiếp sau cũng xấu xí, tật nguyên?

- Thừa vâng, tâu đại vương!

- Một tội nhân bị hành hình chặt tay, cưa chân, bị treo cổ, bị chém đầu; kiếp sau sinh ra cũng phải bị chặt tay, cưa chân, bị treo cổ và bị chém đầu như thế?

Vị danh sư gục gặc đầu:

- Quả đúng vậy, tâu đại vương!

Vua Mi-lan-đà vẫn trầm tĩnh, chậm rãi nói:

- Vậy muốn cho trăm chấp nhận luận điệu ấy, thầy phải bằng mọi cách giảng giải, phân tích, so sánh, ví dụ minh bạch, cụ thể... cho trăm nghe với nào?

Vị danh sư im lặng.

Đức vua bèn phản công:

- Thầy không đưa ra được à? Thầy chẳng có cách gì để bảo vệ cho giáo pháp của mình được à? Thế thì chẳng khác gì thầy đã nói dối? Đã võ đoán? Chỉ thuần túy là suy luận chứ không dựa trên một sự thật nào cả?

Vị danh sư cúi đầu bối rối.

Đức vua dẫn mặt:

- Trẫm đã hỏi thầy một cách rất nghiêm túc, rằng là có nhân quả của các nghiệp thiện ác hay không! Câu hỏi ấy, đáng ra phải được trả lời rất là dè dặt, cẩn trọng, vì nó ảnh hưởng to lớn đến đạo đức con người, đến hạnh phúc của toàn xã hội. Thầy là một kẻ vô trách nhiệm, thiếu trí, không có lương tri, không có trái tim; không thấy, không biết lại dám đưa ra thuyết *thường kiến* làm băng hoại nhân luân và đức lý trần gian! Trẫm tôn trọng sự tự do tín ngưỡng, tôn trọng sự lập tông, khai giáo, tự do diễn thuyết, tự do ngôn luận và bảo vệ cả những tự do ấy. Nhưng thầy hãy tự xét lại, suy gẫm lại giáo pháp của thầy có thật sự hữu ích cho cuộc đời này không? Cái chủ trương của thầy với những quan kiến phi

đạo đức ấy có phải là tung bóng tối và khổ đau lên cuộc đời vốn đã tối tăm và đau khổ này không?

Đức vua Mi-lan-đà giận run nhưng vẫn làm chủ được tư tưởng và cảm xúc của mình, không nói gì nữa, ngài lặng lẽ bỏ về hoàng cung, lòng vô cùng sầu não.

Ít hôm sau, nỗi buồn lắng xuống, đức vua lại ần ần lặn lội đi đến giáo phái môn đệ của Niganthanàputta. Rồi lần lượt là môn đệ của Sanjavelatthaputta, môn đệ của Ajitakesakambala, môn đệ của Pakuddhakaccàyana. Nhưng đức vua hoàn toàn thất vọng. Kể với thuyết *hoài nghi, bất khả tri*; kể với thuyết *nguyên tử, những con số*; kể với thuyết *nhất nguyên vô ngã hay hữu ngã v.v...*, chẳng có giáo chủ, chân sư nào làm cho trí tuệ của đức vua hài lòng.

Chán nản, đức vua lại quay qua chính sự, tìm quên trong công việc, đọc kinh sách, suy gẫm, trầm tư; nhưng nhà vua vẫn không chấm dứt được sự thao thức, xao xuyến và những nghi vấn về cuộc đời. Có một cái gì đó rất bí mật, rất huyền nhiệm đằng sau sự sống, sự chết của con người! Hiện tại trong tay đức vua có đầy đủ tất cả mọi quyền lực. Ngài đã từng là một tướng lĩnh bất khả chiến bại, là một vị đế vương oai hùng chẳng ai dám sánh. Mọi kẻ thù đều cời giáo quy hàng. Mọi lân bang đều triều phục. Quốc khố sung mãn châu báu, sung mãn khí giới, vật thực. Quân binh, voi, ngựa, xe kiêu hùng và vô địch. Danh vọng cao sang phủ trùm mọi châu lục. Thế nhưng, nhà vua vẫn cảm thấy trống không, cô đơn, vô nghĩa lý. Những vấn nạn không cơ hóa giải vẫn ngày đêm nhức nhối khối óc và trái tim của ngài. Có cái gì đó không bao giờ với tới được, chập chờn, ma mị, khuấy rối cả trong giấc ngủ của vị đế vương.

Nhân một đêm trăng sáng, đức vua Mi-lan-đà đi thơ thẩn dạo chơi trong vườn thượng uyển. Một làn gió mát mẻ thoảng qua, hương thơm vi diệu của nhiều loài hoa cực quý đưa tới. Đức vua cảm thấy tinh thần thư thái, ngài bước đi lặng lẽ dưới ánh trăng vàng vạc, lại suy nghĩ:

- "Ôi! Đêm thanh, trăng tỏ, gió phơ phới mát lành, hương kỳ hoa thơm ngát...! Vậy đây đâu phải là thời mà ta dạo chơi trống không vô vị như thế này? Đây là thời phải lễ nhất để cho ta đi hỏi đạo nơi các bậc thượng sĩ, đạt đức, cao nhân! Nhưng mà môn đệ của sáu giáo chủ hữu danh nhất trong thiên hạ, ta đã gặp rồi. Những lời giải đáp của họ không làm cho lỗ tai ta hoan hỷ; không làm cho trái tim của ta bao dung, dịu dàng; không làm cho trí óc của ta được cởi mở, khoan khoái. Cái trí tuệ và mở kiến thức nhạy nhều của họ không xứng đáng để ta mất thì giờ vô ích.

Ôi! Vậy cõi Diêm-phù-đề này còn bậc đại ẩn sĩ nào chẳng? Quốc độ này chẳng lẽ không có một sa môn, bà-la-môn, đạo sĩ nào thành đạt trí tuệ cao thượng quả vị A-la-hán, quả vị Phật ... để ta đến thăm viếng, cung kính, lễ bái, tôn trọng, cúng dường hay sao? Chẳng còn ai phá nghi cho ta, giảng giải những chỗ uyên áo, tế vi mà ta hằng thao thức hay sao? "

Hôm kia, sau buổi thiết triều, đức vua ân cần đem tâm sự trên nói với bá quan, nhưng mọi người chỉ lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau.

Một vị lão thần tâu:

- Ngoài sáu phái hữu danh ở trong và ngoài truyền thống Phệ-đà, còn có đạo Phật rất thịnh hành, chùa chiền và Tăng lữ đông đúc, chẳng hay...

Đức vua khoát tay, đứng dậy:

- Khanh đừng nói nữa! Hầu như trăm đã đi thăm viếng hết rồi tất cả những ngôi chùa hữu danh, sa môn hữu danh...! Kể thì tinh thông pháp học nhưng không có pháp hành, người thì chuyên về pháp hành, không biết gì về pháp học. Nhưng những pháp học của họ cũng khả nghi bởi những kiến thức chấp vá, vay mượn từ nhiều chủ thuyết khác nhau. Đa phần là hữu danh vô thực hoặc có chút kiến thức chứ không có trí tuệ. Nói tóm lại, thật là hoang vu và rỗng không trong các tu viện, tự viện, am thất, chùa chiền... Hầu hết là cái giá áo, túi cơm; xuất gia tu học chỉ để thừa tự tài lộc, vật thực... mà thôi!

Nói xong, nhà vua thở dài.

Thế rồi, bắt đầu từ đạo ấy, miệng truyền miệng, tai truyền tai, thủ đô Sàgala vắng bật không còn một sa môn nào dám lai vãng. Sáu phái hữu danh lập căn cứ địa mấy trăm năm ở đây cũng "chuồn" về phương khác. Tất cả chùa chiền, am thất... trống không Tăng lữ, và thiện nam tín nữ, theo đó chẳng còn ai tới lui.

Suốt mười hai năm ròng rã, nghe đâu có bậc đại trí là đức vua tìm đến, rồi sau đó lặng lẽ trở về với bước đi nặng nề hơn, phiền muộn hơn.

Các sa môn, bà-la-môn, đạo sĩ lần lượt bỏ kinh đô Sàgala cùng đế quốc của đức vua, tìm chỗ khác trú thân hoặc ẩn trốn vào non sâu tuyết lãnh.

Ai cũng sợ đức vua Mi-lan-đà tìm đến hỏi đạo!?

2.2. Chuyện về ĐẠI ĐỨC NA-TIÊN

Trong lúc ấy, tại Hy-mã-lạp-sơn, ở hang động Rakkhi--ta kỳ vĩ, rộng lớn, xinh đẹp như cõi trời, có mấy chục vị A-la-hán ngụ cư, họ sống tương ái, tương kính, hòa hợp như nước với sữa, đang thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả. Hôm kia, sau khi xuất định, vị đại trưởng lão Assagutta hướng tâm đến thế gian, ngài thấy rõ chuyện đức vua Mi-lan-đà đã dùng uy lực của trí tuệ, uy lực của kiến thức đa diện áp đảo sa môn, bà-la-môn, đạo sĩ trong cõi Diêm-phù-đề. Nếu tình trạng ấy kéo dài thì Phật pháp chắc sẽ bị lu mờ và tiêu vong.

Hôm kia, đại trưởng lão Assagutta triệu thỉnh tất cả chư vị A-la-hán tụ tập trên đỉnh núi Yugandhara, kể lại chuyện vua Mi-lan-đà, tình trạng Chư Tăng, các hàng cận sự nam nữ vắng mặt trong tất cả chùa chiền, am thất, tu viện, tự viện..rồi kết luận như sau:

- Vậy thì có vị đại đức nào có thể nhiếp phục đức vua bằng trí tuệ của mình, có thể giải đáp tất cả mọi câu hỏi để phá nghi cho đức vua; soi rọi, dẫn lối cho đức vua thấy rõ chánh pháp; làm cho đức vua ấy phát khởi lòng tin để nâng đỡ, hộ trì Phật giáo thì hãy đứng lên nhận lãnh sứ mạng cam go này?

Đại trưởng lão Assagutta hỏi đến lần thứ ba, hội chúng thánh nhân vẫn im lặng. Ngài biết rằng chư vị A-la-hán này thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát nhưng sở học, kiến thức, tuệ phân tích, biện tài, biện thông...chẳng thể nào so sánh nổi với đức vua Mi-lan-đà, bèn gợi ý:

-Trên cõi trời Đao-lợi có một vị thiên tử tên là Mahàse--na, ở trong cung vàng Ketumatì, phía trước bảo điện của Đế Thích Thiên chủ. Vị thiên tử Mahàsena ấy có trí tuệ vượt bậc, có thể đàm luận, tranh biện để giải nghi, giải vấn tất cả mọi thắc mắc cho đức vua Mi-lan-đà.

Ngài đại trưởng lão vừa nói xong, với tâm biết tâm, tất cả Thánh chúng A-la-hán đồng từ giả tuyết lãnh, bay lên Đao-lợi thiên cung với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay.

Đức Đế-thích trông thấy chư tỳ khưu Tăng như đám mây lành đồng giáng hạ, vui mừng đến cung nghinh, đánh lễ rồi quỳ bên chân đại trưởng lão Assagutta, bạch rằng:

-Hôm nay, chẳng hay quý ngài có nhân duyên gì mà đồng vân tập về trú xứ của con? Con đang sẵn sàng nghe lời dạy bảo của quý ngài.

Đại trưởng lão Assagutta bèn kể lại chuyện đức vua Mi-lan-đà , với nỗi lo ngại sự suy tàn của giáo pháp, vì trong toàn cõi Diêm-phù-đề chẳng ai có khả năng đối thoại được với đức vua ấy.

Vua trời Đế Thích nghe xong, hỏi rằng:

- Đức vua Mi-lan-đà ở kinh đô Sàgala kia, phải chăng vừa từ cõi trời Đao-lợi này mà sanh xuống?

- Đúng thế!

Vua trời Đế Thích gật đầu:

- Vậy thì đúng rồi! Trí tuệ của đức vua Mi-lan-đà quả thật thế gian không có người "thứ ba"!

Đại trưởng lão Assagutta mỉm cười:

- Bàn tăng cũng biết vậy nên đã đồng quy tụ về đây, những mong Thiên chủ giúp đỡ triệu thỉnh thiên tử ở trong cung vàng Ketumatì giáng sanh xuống cõi trần! Chỉ có vị thiên tử ấy may ra mới có đủ trí tuệ sắc bén để đối thoại, giải vấn cho đức vua Mi-lan-đà mà cứu nguy cho chánh pháp.

Đế Thích Thiên chủ nói:

- Con xin vâng mệnh. Vậy xin cung thỉnh quý ngài cùng với con sang cung điện của thiên tử Mahàsena.

Đến nơi, sau khi chào hỏi xong, Đế Thích Thiên chủ giới thiệu chư vị Thánh Tăng từ Tuyết sơn, kể lại chuyện đức vua Mi-lan-đà rồi kết luận rằng:

- Quý ngài đã không quản tuổi già sức yếu, cõi gió đạp mây lên đây với lòng thành thỉnh nguyện thiên tử hạ sanh cõi trần, ở đây Phật giáo đang gặp nạn, phải nhờ trí tuệ của thiên tử may ra mới phục hưng được chánh giáo.

Thiên tử Mahàsena nghe xong, với tâm dửng dưng nhìn ra xa đáp:

- Tâu Thiên chủ! Hạ thân không còn một mảy may xúc động tham muốn gì trong việc tái sanh kia nữa. Vả, cõi người thường bận rộn trong việc nuôi mạng, vui ít khổ nhiều, lại đầy trực hạnh. Vậy xin Thiên chủ rộng lòng thông cảm, hạ thân đã chán sinh tử, thường mong hóa sanh vào các cõi tịnh cư, đặc thánh quả rồi Niết bàn luôn ở đây.

Đại trưởng lão Assagutta lên tiếng thuyết phục:

- Thiên tử nói rất đúng! Tử sinh đáng chán, phiền não nên lia. Hơn một trăm năm qua, bần tăng ở nơi hoang sơ cùng cốc, chuyện thế gian thật không còn dính một hạt bụi, đáng ra là phải Niết bàn lâu rồi, nhưng còn cố duy trì thọ mạng là vì một chút nhân duyên với chánh pháp. Phật tổ xuống trần cũng vì sự khổ đau của sanh loại. Lẽ nào thiên tử lại làm ngơ trước cảnh Chư Tăng phải trốn vào rừng sâu? Bao nhiêu am thất, chùa chiền, tu viện, tự viện hoang vắng? Hằng vạn cận sự nam nữ không có chỗ nhờ nương? Lẽ ra thiên tử phải phát tâm bi mẫn mới đúng! Lại nữa, Ngũ tịnh cư thiên là nơi thọ hưởng về quả của định tứ thiên, chẳng phải là nơi có thể tu tập sung mãn về phước, về tuệ, để đến chỗ giải thoát; ngoại trừ một số vị chứng quả Bất lai, không tu tập mà dòng tâm vẫn trôi chảy về Niết bàn. Sự thật ấy thiên tử nên hiểu cho chính xác. Chính ở cõi người có khổ, có vui, có vô thường, vô ngã, v.v... thiên tử mới dễ tu tập, mới dễ hiện quán để chứng ngộ đạo quả tối hậu là sở nguyện đã muôn triệu năm của thiên tử vậy.

Lời nói đầy đủ tình lý, kinh cảm từ tâm, mở phôi chánh đạo, làm cho thiên tử Mahàsena vô cùng phấn khích, ngài quỳ xuống dưới chân đại trưởng lão Assagutta, kính cẩn nói rằng:

- Vậy là ngài đã mở mắt và soi tỏ con đường cho con đi, ân đức ấy con chẳng thể nào đáp đền được; con nguyện thực thi theo lời dạy bảo của ngài hạ sanh xuống cõi trần vì lợi ích cho bao người mà cũng vì lợi ích cho con để con đầy đủ khả năng tuệ giác hầu nhiếp phục đức vua Mi-lan-đà và chấn hưng giáo pháp.

Chư vị Thánh Tăng cùng Thiên chủ Đế Thích vô cùng hân hoan. Thế rồi, mỗi vị A-la-hán chia phước trí theo cách riêng của mình, từ già cõi Đạo-lợi bay về tuyết lãnh Hymalaya.

Khi Chư Tăng đã quy hội đầy đủ trên đỉnh núi Yuga-ndhara, ngài Assagutta chợt hỏi:

- Thừa chư đại đức! Trong cuộc hội họp vừa rồi, có ngài tỳ khưu nào vắng mặt chẳng?

Một vị tâu:

- Kính bạch tôn giả! Đại đức Rohana đang nhập đại định bảy ngày trong hang động là không đến hội họp.

- Vậy phiền hiền giả cho mời đại đức ấy đến đây.

Trong lúc ấy, tỳ khưu Rohana vừa xả diệt định, hướng tâm đến, biết đại hội Thánh nhân A-la-hán đang cho triệu thỉnh mình, bèn tức khắc rời hang động, hiện diện ngay trước mặt Chư Tăng. Sau khi đánh lễ chư vị trưởng lão, đại đức Rohana ngồi qua một bên.

Các vị trưởng lão hỏi rằng:

- Này hiền giả Rohana! Trước khi nhập định diệt, thọ tướng bảy ngày, hiền giả có hướng tâm quán xét việc gì sẽ xảy ra trong bảy ngày ấy không?

Đại đức Rohana bước ra, quỳ bạch:

- Thưa quý ngài trưởng lão, vì không quán xét nên con không biết.

Chư vị trưởng lão ngồi im lặng.

Một vị trưởng lão nói rằng:

- Vì không biết cho nên không cố ý, không cố tình; không cố ý, không cố tình vậy không có tội.

Đại đức trưởng lão Assagutta nhẹ nhẹ gật đầu.

Một vị trưởng lão lại nói:

- Trong lúc chánh giáo đang gặp đại nạn, bản tăng đề nghị từ nay trước khi thọ hưởng hạnh phúc giải thoát, dầu thời hạn 3 ngày, quý ngài cũng nên quán xét việc gì sẽ xảy ra trong thời gian ấy.

Chư Tăng đồng ý ý kiến ấy bằng cách làm thinh.

Đại đức Rohana tâu:

- Thưa quý ngài trưởng lão, con có phạm tội, tội gây ra dù không cố ý; vậy con xin nhận hình phạt do Tăng quyết định, hành phạt tương đương với tội "không cố ý" ấy!

Chư Tăng đồng nở nụ cười hàm tiếu, im lặng.

Đại trưởng lão Assagutta hỏi:

- Này hiền giả Rohana! Trong mười pháp ba-la-mật, hiền giả thành tựu chưa được thuần thực, viên mãn là ba-la-mật nào?

- Thừa tôn giả kính mến! Ba-la-mật kém nhất của con là tinh tấn và nhẫn nại.

Đại trưởng lão Assagutta hội ý với các vị trưởng lão một lát rồi nói với đại chúng rằng:

- Ở xứ Katangala, phía xa dưới chân ngọn tuyết lãnh này, có người bà-la-môn tên là Sonuttara, sẽ sanh hạ một đứa con tên là Na-tiên, hậu thân của thiên tử Mahàsenà. Vậy cảm phiền đại đức Rohana hãy dùng hạnh ba-la-mật tinh tấn và nhẫn nại ấy đi gieo duyên, trì bình khát thực nơi nhà bà-la-môn ấy, cho đủ kỳ hạn bảy năm và mười tháng. Sau đó tìm cách độ cho trẻ Na-tiên xuất gia. Đây chính là hình phạt cao thượng mà tôi đề nghị dành cho ngài Rohana, chẳng hay Chư Tăng có chuẩn y không?

Chư Thánh Tăng thấy đều im lặng chấp thuận.

Đại đức Rohana quỳ bạch:

- Hình phạt ấy con rất hoan hỷ, nhờ vậy, con sẽ bổ sung được công hạnh ba-la-mật của chính con.

Đây là thời mà thiên tử Mahàsenà rời khỏi thiên cung, gá vào thai bà vợ của ông bà-la-môn Sonuttara, là hương trưởng của xứ Katagala. Ngay lúc ấy, thế gian xuất hiện ba hiện tượng lạ thường:

- Tất cả khí giới phát lên chói sáng.

- Không phải mùa đông mà mưa tuyết rơi.

- Khắp trên không trung nổi lên những tiếng vang động.

Các nhà tinh thông điềm triệu bèn giải rằng:

- *Khí giới phát sáng* là sẽ có một cuộc chiến tranh sắp xảy ra , nhưng là cuộc chiến tranh , luận tranh do khí giới kiến thức và trí tuệ chói sáng.

- *Không phải mùa đông mà mưa tuyết rơi* là một hiện tượng nghịch lý, đảo lộn sự tuần hoàn của vũ trụ, vậy thì phải có một nhân cách phi phạm, *người mà không phải người* xuất hiện trên trần thế.

- Sự xuất hiện của vị ấy, đáng ấy, không những chỉ lợi ích cho con người mà còn lợi ích cho rất nhiều cõi trời.

Về phần đại đức Rohana, sau khi thọ nhận hình phạt cao thượng, ngài bộ hành đến xứ Katangala. Sau khi tìm hiểu dân tình, ngài biết rằng, thôn làng này là xứ sở ngoại giáo rất thịnh hành. Muốn sống được ở đây, hóa đạo ở đây thì ngài phải kiên trì tinh tấn và nhẫn nại bất thối chuyển.

Tìm được một khu rừng mát mẻ tốt tươi, không gần mà cũng không xa xóm làng, đại đức Rohana chuẩn bị một cuộc ngụ cư lâu dài. Sau khi thu xếp được chỗ ở dưới bóng hai tàn cây đại thụ, trong một động đá thiên nhiên, đại đức Rohana lấy cỏ tranh kết tọa cụ rồi đi vào đại định, nghỉ ngơi dưỡng sức.

Mấy hôm sau, xả diệt định khi vàng thái dương vừa ló dạng ở chân trời, đại đức Rohana đắp y mang bát hướng đến làng Katangala. Rồi tuần tự nhà này sang nhà kia cho đến gia đình ông bà-la-môn Sonuttara; nhưng ở đâu cũng bị đóng cửa hoặc đưa mắt nhìn hờ hững, khinh thị, chối từ...Mỉm nụ cười của bậc Thánh ở trong tâm, đại đức Rohana trở lại khu rừng u tĩnh của mình, kiếm lá cây, trái cây ăn tạm rồi vào động đá thọ hưởng hạnh phúc giải thoát...

Những ngày hôm sau đều như vậy, với khuôn mặt từ bi, hiền hòa, với bước đi thanh thoát, trầm tĩnh, đại đức Rohana xuất hiện trước cửa mọi nhà; rồi lại với bát không, nhận lãnh những đôi mắt thiếu thiện cảm, vài lời nói xa gần chỉ trích, phỉ báng... rồi lại lặng lẽ đi về, ăn lá cây, trái cây và thiền định. Cuộc sống đều đặn như vậy trôi qua, các gia đình trong làng lần lượt thương mến, quý trọng vị sa môn hiền lành, họ cúng dường cơm, sữa, đường, mật ong...; và bao giờ nhận được vật thực gì, ngài đều đọc tụng lên một lời phúc chúc ngắn rồi bước sang một nhà khác.

Dù nắng nóng nung người, mưa gió bão bùng hay đông hàn tuyết rơi; đại đức Rohana vẫn tinh tấn, chuyên cần, nhẫn nại, xuất hiện trước cửa mọi nhà như một chiếc đồng hồ chính xác nhất. Ngài không hề bỏ một ngày trong suốt 7 năm 10 tháng ròng rã như thế. Cả làng Katangala đều được đại đức Rohana cảm hóa, thỉnh thoảng có vài gia đình thỉnh ngài về nhà để bát và xin được nghe pháp. Đặc biệt, gia đình ông bà-la-môn Sonuttara vẫn đóng kín cửa trước bước chân của ngài suốt bảy năm mười tháng, đại đức Rohana không hề nhận được dầu chỉ một lời nói dễ nghe, một biểu hiện thân thiện, một sự kính trọng xã giao nào nơi nhà người bà-la-môn ấy. Một vá cơm, một muống cháo, một cái bánh...

lại càng không! Ngài chỉ nhận được lời chưởi chớ, mắng mềo, lời rầy la con cái, lời thô lỗ cộc cằn, lời nói đâm xóc, cạnh khỏe, chửi mắng, phỉ báng v.v...

Hôm kia, theo lệ thường, đại đức Rohana ôm bát đứng trước ngôi nhà ấy, gia chủ bà-la-môn Sonuttara đi vắng, một người nô bộc cảm thấy tội nghiệp lên bước ra nói nhỏ nhẹ rằng:

- Bạch ngài, xin ngài vui lòng đi độ thực nơi khác, khổ thân ngài thôi, gia đình này họ không dâng cúng chút gì đâu.

Nghe được vậy, đại đức Rohana hoan hỷ mỉm cười dõng dạc đi. Sau khi khát thực vừa đủ dùng, ngài trở lại khu rừng. Bà-la-môn Sonuttara sau công việc trở về, gặp ngài ở giữa đường, cất giọng mỉa mai:

- Nay ngài tu sĩ, sáng nay đứng trước cửa nhà tôi, chắc ngài có nhận được chút gì đó chứ?

Đại đức Rohana cất lời nhã nhặn:

- Thưa gia chủ quý mến! Cảm ơn lời chào hỏi, sáng nay, quả thật bần tăng có nhận được!

Nghe vậy bà-la-môn Sonuttara tức giận, hối hả bước về, kêu cả nhà ra hạch hỏi xem ai là người cả gan trái ý ông, đem dâng cúng vật thực cho ông sa môn. Khi biết rằng, chẳng có ai đem cho gì cả, ông bà-la-môn giận run lấy bầy: "*hoá ra là ông này nói dối, ta sẽ mặt đối mặt chỉ trích ông ta một phen.*"

Sáng mai, vừa thấy bóng đại đức Rohana, bà-la-môn Sonuttara đã đứng chặn ở đầu ngõ, kêu mọi người trong xóm ra chứng kiến, rồi ông ta chất vấn:

- Ông thầy tu kia, hôm qua, ở tại đây, chẳng có ai để bát cúng dường gì cho ông cả, thế tại sao gặp tôi, ông lại nói dối là "*có nhận được*"? "*có nhận được*" cái gì nào, trước mặt bà con lối xóm, ông hãy nói rõ cho tôi nghe?

Đại đức Rohana điềm đạm nói:

- Thưa gia chủ, bần tăng không hề nói dối, quả thật, hôm qua bần tăng có nhận được.

- Gia đình tôi chẳng ai cho thì ông nhận được gì? Tu hành mà nói dối thế sao?

Đại đức Rohana ngược nhìn mọi người xung quanh với tư thái trầm thản rồi nói với bà-la-môn Sonuttara:

- Gia chủ hãy bình tĩnh nghe bần tăng nói đây. Bần tăng đến ngôi làng này tính đến nay là bảy năm mười tháng. Suốt trong thời gian ấy, bần tăng đều đặn đi khát thực mỗi ngày, không bỏ một ngày, dù thời tiết khắc nghiệt thế nào chẳng nữa. Nhờ ơn Phật, bà con trong làng đã khởi tín tâm, hộ trì vật thực cơm cháo đầy đủ. Nhưng riêng gia đình gia chủ đây, gần ba ngàn ngày ấy, bần tăng vẫn kiên trì khát thực - mà bần tăng không hề nhận được một muống cháo, một vá cơm hoặc một chút vật thực dính trên đầu ngọn cỏ kusa! Cho chí một lời xã giao, một lời nói nhỏ nhẹ, dễ nghe... cũng không có! Lỗi tai bần tăng chỉ nhận được những lời cay chua, độc địa, những lời nói cạnh khoe, ác khẩu, ác ngữ...; thế nhưng, sáng hôm qua, bần tăng có nghe được một lời nói nhã nhặn, lễ độ... của một người tở gái, cho nên bần tăng rất hoan hỷ, rất cảm ơn. Vậy thì thưa gia chủ, bần tăng nói với ngài là "*bần tăng có nhận được*" là đúng với sự thực, đâu phải là lời nói dối?

Nghe xong câu chuyện, bà con trong xóm rất cảm động trước lời nói của vị chân tu. Riêng ông bà-la-môn Sonut--tara thì kinh cảm đến từng chân tơ kẽ tóc, lòng bùng bùng hoan hỷ, nghĩ rằng: "*Chỉ với một lời nói dễ nghe mà ông ta đã tỏ vẻ cảm ơn như thế ấy, huống hồ ta thành kính cúng dường cơm bánh vật thực thượng vị thì ông ta sẽ thỏa thích và tri ân gia đình ta đến chừng nào?"*

Nghĩ thế xong, bà-la-môn Sonuttara chăm chú quan sát đại đức Rohana, ngạc nhiên làm sao, khi ông thấy vị sa môn kia sao thanh khiết quá, đức hạnh quá. Khuôn mặt vị ấy như tỏa ra ánh sáng dịu hiền, đôi mắt từ bi, đáng đáp ứng dung, siêu thoát, tự tại, lục căn buông xả và nhàn tịnh. Một niềm tịnh tín dâng lên, một niềm hỷ lạc dâng lên, ông bà-la-môn bèn bước đến, quỳ mọp bên chân đại đức Rohana, kính cẩn bạch rằng:

- Hôm nay con đã có tâm trong sạch với ngài, xin ngài hãy khoan thứ những tội lỗi do con đã mạo phạm. Vậy bắt đầu từ đây về sau, xin ngài vì lòng bi mẫn hãy thương tưởng đến con, tế độ con bằng cách cho con được cúng dường mỗi bữa!

Đại đức Rohana im lặng nhận lời.

Khi câu chuyện xảy ra ở trên, đồng tử Na-tiên do thiên tử Mahàsena hạ sanh, sau mười tháng trong thai bào, bây giờ đã được bảy tuổi. Bà-la-môn Sonuttara cho mời một thầy ba-la-môn uyên bác đến dạy học. Họ sửa soạn bàn ghế, trải những tấm thảm quý để chuẩn bị cho lớp học khai tâm.

Nhìn vị đồng tử tướng mạo phi phàm, thầy A-đồ-lê soạn ba bộ kinh Phệ-đà rồi lần lượt đọc tụng lên, xem thử trí nhớ của trẻ như thế nào! Hễ cứ đọc một đoạn, thầy bảo Na-tiên đọc lại và Na-tiên đọc không sai một chữ. Kinh ngạc, thầy A-đồ-lê đọc tiếp. Suốt nửa tháng, ba bộ kinh Phệ-đà mới đọc xong và Na-tiên đã thuộc nằm lòng.

Thầy A-đồ-lê giảng giải:

- Đây là tất cả kinh điển của giai cấp thượng đẳng bà-la-môn, con đường đến Phạm thể, những đức tính cao cả cùng những tri thức minh triết trên đời này mà một con trai bà-la-môn thông thái phải am tường. Kỳ lạ làm sao, con đã học thuộc, vậy bây giờ hãy nghe ta giảng đây.

Nửa tháng sau thì Na-tiên đã thông suốt tam Phệ-đà, dẫu thầy A-đồ-lê hỏi xuôi ngược, hỏi nghĩa đen, nghĩa bóng, ẩn dụ, đoán ngôn,v.v... Na-tiên đã trả bài lâu lâu không vấp vấp.

Bất đồ, Na-tiên hỏi lại thầy:

- Kính thầy A-đồ-lê! Tam Phệ-đà là ba con đường dẫn đến Phạm thể, đáng vô thượng chí tôn! Tri thức của thầy thông thái như vậy, nhưng con đường thực hành thì như thế nào? Thầy lựa chọn con đường nào?

Thầy bà-la-môn nín lặng.

- Hoặc là thầy đã từng thấy đáng Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ ấy chưa?

Để cho vị thầy già bối rối với những câu hỏi, đồng tử Na-tiên đi đến gặp bà-la-môn Sonuttara:

- Thưa cha! Con không học nữa. Tri thức Phệ-đà thật vô ích vì chính thầy dạy học của con cũng không biết đáng Phạm thể ấy là thế nào, và cũng chưa từng chứng nghiệm hạnh phúc thể nhập Đáng Ấy ra sao?

Bà-la-môn Sonuttara sững người, ông cũng không biết ăn nói làm sao với con, đành nói át:

- Nhưng con cần phải học nữa.

Đồng tử Na-tiên lễ độ:

- Vâng, thưa cha, con sẽ học, nhưng không biết là còn phải học những gì nữa?

- Con phải học chữ, học viết; và cần phải học năm bộ sách nữa.

- Thừa cha! Học chữ, học viết thì không cần nữa, vì một tháng nay con đã tự học rồi. Còn năm bộ sách kia là những bộ sách gì?

Bà-la-môn Sonuttara lại cầu viện thầy A-đồ-lê giảng giải về năm bộ sách ấy như sau:

1. Về phúng tụng, nghi lễ.
2. Về thiên văn địa lý.
3. Xem xét thế giới, đức Iso và sự sáng tạo núi sông, cây cỏ, muôn loại...
4. Đoán mộng, xem tướng.
5. Vệ sinh thường thức như: rửa mặt, tắm, thọ dụng vật thực, đại tiểu tiện v.v...

Đồng tử Na-tiên chăm chú nghe xong, hỏi:

- Thừa cha! Năm bộ sách ấy đã có viết sẵn chưa?

- Có viết sẵn, và gia đình chúng ta cũng có thờ năm bộ ấy.

- Vậy xin cha hãy trả thù lao hậu hĩ cho thầy dạy học của con. Bắt đầu từ nay con có thể học được.

Thế rồi, trước sự sững sờ, kinh ngạc của mọi người, đồng tử Na-tiên ôm năm bộ sách, xin ở nơi một căn nhà trống trong khu vườn xinh đẹp để đọc, nghiên cứu, học tập. Trọn cả bảy ngày như vậy, Na-tiên chỉ rời sách khi dùng cơm và khi ngủ.

Sau khi nắm trọn vẹn cả năm bộ sách, Na-tiên bần thần suy nghĩ:

"- Có lợi ích gì đâu là những môn học này? Ngoại trừ về vệ sinh thường thức, còn ngoài ra chúng trừu tượng, xa vời so với đời sống, sự sống của con người. Nó chẳng cho ta hiểu rõ về nguồn gốc của sinh tử và nỗi khổ đau chung của sanh loại. Ôi! Thật là rỗng không và phù phiếm thay!"

Suốt trong thời gian ấy, đại đức Rohana đã lui tới thường xuyên nơi ngôi nhà này, nhận sự cúng dường những món ăn thượng vị của bà-la-môn Sonuttara. Và hình bóng ngài đã trở nên thân thiết, ấm cúng cho mỗi người trong gia đình. Ngài theo dõi sự học tập và tâm tư của đồng tử Na-tiên trong mỗi ngày. Ngài biết rằng Na-tiên do nhờ công hạnh và trí tuệ tu tập nhiều kiếp theo Chánh pháp, vững chắc chánh kiến, nên những tư tưởng ngoại giáo thật khó tương ứng. Và hiện giờ Na-tiên đang chán nản, sầu muộn, hoài nghi. Biết vậy, như lực sĩ với

cánh tay duỗi, đại đức Rohana đã xuất hiện trước mặt đồng tử Na-tiên với dung nghi chói sáng, với đôi mắt từ bi và nụ cười hiền dịu.

Vừa thấy ngài, đồng tử Na-tiên tâm phát sanh phỉ lạc, hân hoan nghĩ rằng: "*Ta từng thấy vị chân tu này mà chưa được đối mặt, chưa được hầu chuyện với ngài. Ôi! Được gặp vấn với ngài vài câu chắc lợi ích cho ta lắm.*"

Bèn kính cẩn nói:

- Bạch tôn trưởng! Tại sao tôn trưởng có phẩm mạo và y phục khác với kẻ thế?

Đại đức Rohana thân ái ngồi xuống một bên:

- Này con thân! Vì ta là kẻ xuất gia!

- Người xuất gia là gì?

- Là người tình nguyện lìa bỏ gia đình, quyền thuộc, tài sản, vợ con; sống đời đi xin ăn rày đây mai đó, chẳng có trú xứ nhất định, chẳng có nhà cửa, mái che; chỉ mang theo bên mình ba y và cái bát khất thực.

- Xuất gia như vậy có lợi ích gì không, thưa tôn trưởng?

- Có chứ! Có lợi ích nhiều lắm chứ con! Người xuất gia thường lánh xa điều ác, thường bỏ dũ làm lành, thường sống đời rỗng lặng, thanh tịnh, không có khổ đau, phiền muộn.

Đồng tử Na-tiên suy nghĩ hồi lâu, lặng lẽ gật đầu ra chiều đã lãnh hội, rồi hỏi tiếp:

- Tại sao tôn trưởng phải cạo bỏ râu tóc?

Đại đức Rohana ân cần giải thích:

- Người xuất gia vì muốn sống đời giải thoát như hư không nên phải cạo bỏ râu tóc; vì cạo bỏ râu tóc là muốn tránh tất cả những công việc bận rộn vô ích sau đây:

1. *Tốn tiền và mất thì giờ do kiếm thợ cắt tóc và gội đầu.*
2. *Tốn tiền và mất thì giờ do mua trâm cài tóc, bôi tóc, cột tóc hoặc chải tóc.*
3. *Tốn tiền mua hương liệu, dầu thơm và mất công xoa ướp.*
4. *Tốn tiền và mất công mua hoa kết làm tràng hoa.*

Ngoài ra, muốn cho đầu tóc được đẹp người ta còn trang điểm bằng những đồ trang sức như vàng, bạc cùng những loại đá quý khác nữa. Vậy, nhờ tránh những bận rộn ấy mà người xuất gia có nhiều thì giờ dành cho sự tu tập đó con!

Nhè nhẹ gạt đầu, Na-tiên hỏi tiếp:

- Còn tại sao lại mặc y nhuộm bằng vỏ cây, rễ cây?

- Cũng tương tự như cạo bỏ râu tóc vậy, nghĩa là tránh những bận rộn do kiếm vải vóc, tốn tiền, tốn thời gian may vá, tìm kiếm thuốc nhuộm v.v..., áo quần đẹp như kẻ thế lại còn tốn thời giờ sửa soạn thân thể, vật trang điểm, vật thoa, vật thơm cùng những phiền phức khác nữa...

- Con hiểu! Quả là mất thì giờ vào những việc phù phiếm ấy thì không đáng tí nào! Tất cả những lời nói của tôn trưởng đều rất hay, đều rất hợp với sở thích của con. Vậy chẳng hay tôn trưởng có thể chỉ dạy cho con phương pháp tu tập cao thượng như của tôn trưởng chăng?

Đại đức Rohana mỉm cười:

- Có thể được, con ạ! Nhưng có điều khó khăn, không biết con có vượt qua được chăng?

- Con sẽ cố, thưa tôn trưởng!

- Là con phải dứt bỏ tất cả các điều bận rộn như ta nói ở trên; nghĩa là phải xin phép cha mẹ cạo bỏ râu tóc, mặc y nhuộm bằng vỏ cây thô xấu cho đúng với phẩm mao của người xuất gia; sống không nhà cửa, đi theo ta mới mong thực hành, tu tập theo pháp môn cao thượng của ta được.

Nghe lời đại đức Rohana, đồng tử Na-tiên ôm năm bộ sách về trả lại trên bàn thờ, ngồi lặng lẽ, buồn bã, bỏ ăn, bỏ ngủ. Bà-la-môn khi hiểu được ý định xuất gia của con trai, tự nghĩ: "*Nếu cho nó đi xuất gia theo vị sa môn khả kính kia cũng là điều hay; khi lớn tuổi, khôn ngoan, hiểu biết, ta lại bắt về, lo gì!*"

Thế là đồng tử Na-tiên được phép gia đình đi theo đại đức Rohana, bắt đầu con đường tôi luyện, tu tập, hy vọng sau này trở nên một pháp khí đại dụng cho chánh pháp thời pháp nạn.

Hai thầy trò làm lữ đạ tuyệt dâm sương nhắm hướng Hymalaya đi thẳng. Thấy đồng tử Na-tiên còn quá nhỏ sợ không kham nổi nắng gió đường xa nên đại đức Rohana cho nghỉ chân tại chùa Niya Vijambuvatthu để dưỡng sức. Mấy ngày

hôm sau họ mới tới được hang động Rakkhita kỳ vĩ, nơi ẩn cư của hội chúng Thánh nhân A-la-hán .

Đồng tử Na-tiên thấy càng lúc càng đi sâu vào núi non cheo leo hiểm trở, khí lạnh buốt xương, rất nhiều loại thú rừng hoang dã lui tới đó đây, bèn cảm thấy sợ hãi. Đại đức Rohana trấn an:

- Cả hàng trăm vị ẩn sĩ đang sống rất yên lành, thú dữ ở đây chúng không làm hại ai cả.

Họ bước vào một hang động thiên nhiên hùng vĩ, không khí mát mẻ tỏa ra. Rất nhiều vị Thánh A-la-hán ngồi yên lặng thiền định, thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả trên những tảng đá bằng phẳng trơn tru.

- Hiền giả đã làm xong bốn phận và đã về rồi đấy à, Rohana?

Một vị Thánh Tăng mày bạc như hai vệt tuyết, người gầy khô, khẳng khiu nhưng cứng cáp như một cỗ tùng già, mở mắt cất tiếng hỏi.

Đại đức Rohana dẫn đồng tử Na-tiên đến quỳ tâu:

- Thưa vâng, con đã thi hành xong hình phạt cao thượng, và đây là đồng tử Na-tiên!

Đại trưởng lão quan sát trẻ một hồi rồi nói:

- Hạnh Ba la mật tinh tấn và nhẫn nại của hiền giả rõ ràng là đã thành tựu viên mãn, bản tăng xin chúc mừng hiền giả.

- Con không dám!

- Hình phạt tuy đã xong, nhưng hiền giả có nhân duyên làm thầy hòa thượng tế độ và làm thầy giáo thọ cho đồng tử Na-tiên nữa đấy!

- Con xin vâng!

Thế rồi, buổi chiều, đồng tử Na-tiên được cạo tóc, mặc chiếc y thô xấu, xuất gia làm sa di với sự chứng minh của hội chúng Thánh nhân A-la-hán, thầy tế độ là hòa thượng Rohana.

Sau khi làm lễ xuất gia xong, ngài đại trưởng lão Assagutta vân du về chùa Niyaka mà ngài từng ở trước đây, các vị A-la-hán khác chia nhau đi nhiều phương hoặc dờn vào các hang động sâu trong tuyết sơn.

Sa di Na-tiên liền tâu với đại đức Rohana:

- Phàm mạo xuất gia con đã làm xong rồi, vậy xin tôn trưởng chỉ giáo cho con phương pháp tu tập cao thượng.

Đại đức Rohana nghĩ thầm: "*Sa di này có trí nhớ phi phàm, hy vọng y sẽ thuộc nằm lòng được Thắng nghĩa pháp. Nhờ lâu thông tạng Thắng nghĩa này, sau này sẽ là kho tàng trí tuệ để y tranh luận với đức vua Mi-lan-đà.*"

Rồi ngài nói:

- Nay Na-tiên con! Giáo pháp đầy đủ gồm có 3 tạng, tổng cộng kinh chữ viết trên lá buôn, số lượng rất kinh khiếp, 16 con voi kéo cũng không hết! Ấy là tạng Kinh, tạng Luật và tạng Thắng nghĩa pháp hay là Vi diệu pháp. Bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ dạy con học tạng Vi diệu, là tạng khó nhất, con có kham nhẫn được chăng?

- Con sẽ cố gắng!

- Tốt. Bắt đầu từ ngày mai, chúng ta sẽ ra bãi cát ven suối, học tại đây!

Thế rồi, tuần tự, đại đức Rohana tụng đọc, viết, cắt nghĩa bảy bộ Abhidhamma cho sa di Na-tiên cùng với những giảng giải cặn kẽ, chi tiết:

Dhammasanghani: Bộ pháp tụ.

Vibhangha: Bộ phân tích.

Dhàtukathà: Bộ chất ngữ.

Puggala pannati: Bộ nhân chế định.

Kathàvatthu: Bộ ngữ tông.

Yamaka: Bộ song đối.

Patthànamahàpa karana: Bộ vị trí.

Suốt mấy năm trường sa di Na-tiên chuyên cần học Vi diệu tạng. Khi đã học thuộc lòng cả bảy bộ, Na-tiên thưa với thầy:

- Bạch tôn trưởng! Ngài dạy cho đệ tử như vậy là đã quá nhiều, chưa cần thiết phải dạy thêm. Hãy cho đệ tử suy gẫm giáo pháp cao siêu này cho tới nơi tới chốn.

Cũng trong thời gian này, đại đức Rohana cặn kẽ chỉ dạy cho Na-tiên cách đi đứng nằm ngồi, mặc y, mang bát; cách cung kính, lễ bái các vị trưởng lão, cách sống với chúng ở giữa rừng núi, ở giữa phố thị, làng mạc v.v... Mỗi mỗi oai nghi, hành động, ăn nói phải cẩn trọng, thu thúc, gìn giữ như thế nào để cho xứng

đáng phẩm hạnh của một sa môn. Na-tiên đã được dạy sơ về một số giới luật như thế, thêm một số kinh căn bản, vài pháp môn hít thở, thiền định, thiền quán v.v...

Khi đã đến tuổi thiếu niên, có lẽ đã suy gẫm sâu xa về Vi diệu tạng cùng với những lý nghĩa rất ráo của nó, Na-tiên quý bạch với đại đức Rohana, xin được thuyết lại bảy bộ Vi diệu tạng trước sự chứng minh của chư tỳ khưu Tăng. Đại đức Rohana hoan hỷ bằng lòng, với tâm truyền tâm, ngài thỉnh mời tất cả các vị trưởng lão, các vị Thánh nhân đồng quy hội tại hang động Rakkhita.

Đến ngày, đại đức Rohana trang trọng kết một bảo tòa bằng lá cỏ để cho vị pháp sư tí hon đăng đàn thuyết pháp. Thế rồi, như sấm gióng giữa trời mưa, sa di Na-tiên thuyết như nước chảy mây trôi từng bộ Thắng nghĩa pháp với đầy đủ lý nghĩa sâu rộng; đầy đủ ẩn dụ, so sánh, phân tích, đoản ngôn, kệ ngôn v.v... một cách linh hoạt, dí dỏm, sắc bén, chưa từng được nghe.

Bảy tháng, bảy bộ kinh Vi diệu tạng mới được thuyết xong! Cử tọa, thánh chúng Thánh nhân rất vui mừng vì tâm huyết của các ngài thế là đã thành tựu bước đầu. Quả đất dày bốn mươi do tuần rung rinh chấn động. Chư thiên hoan hỷ tán dương công đức của vị sa di. Chư phạm thiên sắc giới cũng hết lòng khen ngợi biện tài của vị pháp sư siêu việt. Hoa Mạn-đà-la giữa hư không rơi xuống ngày đêm cúng dường Pháp Bảo.

Lúc sa di Na-tiên tròn 20 tuổi, chư vị A-la-hán cho thọ đại giới làm thầy tỳ kheo; rồi được đại đức Rohana dẫn đi thăm các chùa dưới chân núi.

Hôm kia, cùng thầy đi khát thực trong một ngôi làng, ý nghĩ sau đây khởi lên trong tâm của vị tân tỳ kheo: "*Sao mấy năm nay thầy của ta không dạy thêm gì cho ta hết, hay ngài chỉ biết có bảy bộ Vi diệu tạng kia thôi, chẳng thông thuộc một giáo pháp nào khác?*".

Đại đức Rohana, với tâm biết tâm, biết ý nghĩ xấu quấy của Na-tiên, bèn mỉm cười nói rằng:

- Này con! với tâm niệm như thế thật không xứng đáng cho con, một tu sĩ xuất gia phạm hạnh. Tâm niệm ấy là kiêu căng, ngã mạn, con có biết thế chẳng?

Tỳ khưu Na-tiên hoảng sợ, tóc dựng ngược, nghĩ rằng: "*Ôi! Quả thật ta đã quấy quá, thầy ta quả thật là bậc đại trí thức, ta chẳng nên tự làm hại ta bởi những ý nghĩ xuẩn ngốc.*"

Rồi Na-tiên quỳ mọp xuống đất, ôm chân bụi của đại đức Rohana:

- Xin thầy từ bi xá tội cho đệ tử, đệ tử nguyện sẽ không còn dám tái phạm nữa.

Đại đức Rohana lắc đầu:

- Ta không thể xóa tội ấy cho con được!

Để cho Na-tiên quỳ xin sám hối đúng ba lần, đại đức Rohana mới nói:

- Thôi được rồi, cũng không muộn gì. Con phải siêng học *pháp học* cho thành tài, phải đi vào *pháp hành* cho rốt ráo. Bao giờ con có thể dùng trí tuệ của mình khuất phục được đức vua Mi-lan-đà, kinh đô Sàgala, để nhà vua phát tâm trong sạch, quy ngưỡng theo Phật giáo, thì khi ấy ta sẽ xá tội cho con.

Tỳ khưu Na-tiên chấp tay, cúi đầu nhũn nhặn:

- Bạch tôn trưởng! Lúc nào là đúng thời? Và đức vua ấy là người ra sao?

- Trái cây kia còn xanh, không thể mong nó chín vội. Vậy đến lúc nào đó, tự con sẽ thấy là đúng thời, tự con sẽ biết.

- Đệ tử sẽ còn học và hành bao lâu nữa?

- Con còn phải văn, tư và tu nhiều lắm, hãy biết như vậy!

Suy nghĩ một lúc, tỳ khưu Na-tiên lại hỏi tiếp:

- Ba tháng mưa tới đây, đệ tử sẽ nhập hạ ở đâu để có được sự tấn ích lợi lạc?

- Con hãy bộ hành đến chùa Niyaka và thọ giáo với vị đại trưởng lão ở đấy. Nói rằng ta gởi lời vấn an sức khỏe của người.

Đến ngày tỳ khưu Na-tiên từ giả thầy bổn sư để lên đường. Tại chùa Niyaka, Na-tiên gặp lại đại trưởng lão mà ngài từng gặp ở thạch động Rakkhita, đánh lễ, vấn an sức khỏe của người rồi ngồi sang một bên.

Vị đại trưởng lão chính là ngài Assagutta, giả vờ hỏi rằng:

- Người tên chi?

- Tên của đệ tử, ngài rõ rồi.

- Vậy tên ta là gì?

- Thầy bốn sư của đệ tử biết rõ tên của ngài.

- Bốn sư của người tên gì?

- Ngài đã biết rõ tên bốn sư của đệ tử.

Đại trưởng lão Assagutta rất thú vị, bèn nói:

- Đúng thế!

Rồi thâm nghĩ: "*Ngài Rohana gợi ý đến ta là cốt ý để ta mài giũa cái "pháp khí" này cho sắc bén, nhưng ta sẽ không mài giũa, ta sẽ làm cho nó cùn nhụt bớt đi. Hãy dập tắt kiêu căng, ngã mạn nơi tỳ khưu Na-tiên này.*"

Kể từ hôm ấy, đại trưởng lão Assagutta giữ im lặng, không nói một lời dầu cho tỳ khưu Na-tiên có hỏi gì chẳng nữa. Ngoài ra, chỗ nào mà Na-tiên quét dọn, cất đặt, đại trưởng lão Assagutta cất đặt, quét dọn lại. Nơi nào Na-tiên múc nước đầy, ngài nghiêng đổ đi, múc nước nơi khác rửa mặt, tay chân v.v...Tuy nhiên, Na-tiên không lấy thế làm phiền hà, một lòng nhẫn nại, mềm mỏng để vượt qua tất cả mọi thử thách.

Ba tháng như vậy qua đi.

Một bữa kia, có người cận sự nữ thân tín, lâu năm, đến chùa thỉnh đại trưởng lão xin cúng dường để bát tại nhà, rồi nói:

- Dường như ở chùa có vị khách tăng từ phương xa đến an cư, phải thế không, bạch ngài?

- Có, là tân tỳ kheo Na-tiên .

- Đệ tử xin thỉnh luôn vị ấy.

Đại trưởng lão Assagutta im lặng nhận lời. Hôm sau, cũng không mở miệng, ngài ra dấu hiệu bảo Na-tiên đắp y mang bát đi theo. Người cận sự nữ sau khi tự tay mình dâng cúng thực phẩm thượng vị đến bát cho hai ngài, đợi hai ngài dùng xong bèn thưa thỉnh muốn được nghe pháp.

Đại trưởng lão chợt nói với Na-tiên:

- Ông hãy tùy nghi thuyết pháp làm sao cho thí chủ của ông được hoan hỷ.

Nói xong, chẳng đợi Na-tiên "ừ hử" ra sao, đại trưởng lão đã quăng bát qua hư không, bay về chùa Niyaka trong thời gian chớp mắt. Na-tiên ngờ ngẩn, xuất thần mà bà tín nữ cũng ngờ ngẩn xuất thần một lúc lâu.

Người cận sự nữ bèn tâu:

- Thỉnh đại đức thuyết pháp. Đệ tử đã 30 năm tu học làm một cận sự tại gia, hôm nay chỉ thích nghe pháp sâu xa mầu nhiệm hầu mở mang trí tuệ.

Tỳ kheo Na-tiên định tâm một lát, đoán căn cơ, rồi với tâm chân thật và lòng bi mẫn, nói rằng:

- Hãy nghe đây bà tín nữ! Bà không muốn nghe nhiều lời mà tôi cũng mới chỉ là tân tỳ kheo, tu học chẳng bao lâu, không có nhiều pháp. Vậy tôi chỉ thuyết tóm tắt một kệ ngôn thôi, bà hãy nhiếp tâm và chăm chú lắng nghe!

- Vâng, thưa đại đức.

Rồi với giọng phát âm chuẩn mực, chính xác nhất, tỳ kheo Na-tiên ngâm một kệ ngôn như sau:

"Yamkincisamudayadhamma sabbantam nirodhadhammam;

có nghĩa là:

*"tất cả các pháp được cấu tạo, kết hợp, hữu vi;
nó do duyên sanh thì phải theo duyên diệt".*

Như chìa khóa mở cửa kho tàng, câu kệ ngôn được thuyết lên hàm nghĩa tinh yếu giáo pháp đã vén mở trí tuệ cho bà tín nữ. Thanh âm trầm hùng, vi diệu của câu kệ như tiếng chuông ngân vừa chìm lắng trong không gian, bà đã đắc quả Tu-đà-huờn, nhập vào dòng Thánh. Xiết bao hoan hỷ, bà tín nữ già nua quỳ mọp xuống đánh lễ với những giọt nước mắt rơi lã chã: giọt nước mắt mừng vui, vì bà biết rằng từ đây, còn rất ít phiền não, bà sẽ nhẹ nhàng cất cánh bay về cõi Bình an Vĩnh hằng!

Trong lúc ấy, ở chùa Niyaka, đại trưởng lão Assagutta dùng thần thông theo dõi và biết rõ mọi chuyện, ngài thốt lên: "Lành thay, lành thay!" rồi suy nghĩ:

"Tỳ kheo Na-tiên vừa được trí vừa được tâm, khá lắm! Ngã mạn, tự cao giờ y đã lắng dịu! Bài pháp ngắn gọn vừa rồi chứng tỏ y đầy đủ công hạnh ba-la-mật từ quá khứ. Chỉ với một mũi tên buông ra là trúng đích, cũng vậy, một câu kệ ngôn

thôi mà đã làm cho bà tín nữ cắt đứt một lúc ba sợi dây trói buộc là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Hy hữu thay!"

Trên hư không, đại trưởng lão Assagutta còn nghe được rất nhiều chư thiên phát tâm thỏa thích, rải hoa cúng dường và hết lòng tán thán trí tuệ ba-la-mật của tỳ kheo Na-tiên .

Trở về chùa, tỳ kheo Na-tiên đến đánh lễ đại trưởng lão rồi ngồi xuống một nơi phải lễ.

Tôn giả Assagutta nói:

- Người đã thuyết gì?
- Bạch, ngài đã biết rõ hơn cả đệ tử nữa!

Im lặng.

- Người thuyết "*hay*" nhỉ?
- Bạch tôn trưởng, ngài đã quá khen, vả lại, ngài cũng rõ, không phải đệ tử thuyết "*hay*", mà nhờ may mắn là đúng căn cơ!

Im lặng.

- Chân thực, hẳn nài là những ba-la-mật mà người đã tự thành tựu!
- Đệ tử nhờ sự chỉ dạy của tôn trưởng.
- Tất cả những ba-la-mật khác cũng cần phải được tu tập cho trọn vẹn, sung mãn như thế.
- Thừa vâng!

Im lặng.

Đại trưởng lão chợt ân cần nói với Na-tiên:

- Bây giờ ta phải trở lại Hy-mã-lạp sơn, còn người thì hãy đi đến phía tây của thành phố Pataliputta, chùa Asoka, đánh lễ vị trưởng lão tên là Dhammarakkhita. Ở đấy người có thể học hỏi được ít nhiều.
- Bạch tôn trưởng, ngài không chỉ dạy gì thêm cho đệ tử nữa sao?

- Ta còn một vài việc nữa trước khi Niết-bàn, nhưng đối với người thì ta đã hết trách nhiệm và bổn phận. Hãy chuẩn bị và lên đường vào sáng hôm sau.

Na-tiên chợt xúc động quỳ ôm chân bậc tôn trưởng, lát sau mới hỏi:

- Đệ tử không còn gặp ngài nữa chăng?

- Duyên đã mãn.

Im lặng.

- Từ đây đến chùa Asoka là bao xa, thưa tôn trưởng?

- Chừng một trăm do tuần.

Im lặng.

- Xin ngài bi mẫn dạy cho con một lời cuối cùng?

- Hãy thấp sáng ngọn đuốc Chánh Pháp!

Khi Na-tiên quỳ xuống thành kính đảnh lễ, ngược lên thì không còn trông thấy đại trưởng lão Assagutta nữa; ngài bùi ngùi đứng lặng nhìn vào giữa hư không, cảm thán thốt lên: "*Ồi! Các bậc Thánh nhân trên đời này họ đến đi nhẹ nhàng, thanh thoát, gót chân họ không hề dính dù là một chút bụi hư không.*"

Sáng ngày, vị tân tỳ kheo Na-tiên làm lữ nhúm thành phố Pàtaliputta lên đường. Đi mới được một đôi, một đoàn năm trăm cỗ xe với hàng hóa chất đầy tung bụi lướt qua. Tỳ kheo Na-tiên đứng nép vào gốc cây ven lộ.

Thấy ngài, người bá hộ khách thương cho dừng xe lại, đến bên cung kính hỏi:

- Bạch ngài, ngài định bộ hành về đâu?

- Bàn đạo đến thành phố Pàtaliputta, chùa Asoka.

- Con cũng về hướng ấy, vậy xin thỉnh ngài cùng đi với con.

- Cảm ơn lòng tốt của thí chủ.

- Xin ngài đừng cảm ơn con, con là một cư sĩ, con làm việc ấy vì tâm hoan hỷ, vì bổn phận thích đáng của người Phật tử.

Tỳ kheo Na-tiên từ tốn mỉm cười, khẽ gật đầu.

Thế rồi họ cùng lên xe tiếp tục hành trình. Người khách thương lặng lẽ quan sát tướng mạo, ngôn ngữ, cử chỉ của vị sa môn trẻ trung, xinh đẹp mà không ngớt khen thầm trong lòng. Khắp nơi, Tăng lữ ly tán, chùa chiền hoang phế; chỉ còn năm, bảy am thất khuất tịch là còn sinh hoạt - thế mà ở đâu lại sản sinh ra một vị tỳ kheo phi phạm như thế này?

Vị khách thương chợt nói:

- Từ đây đến chùa Asoka, chúng ta phải đi mất bảy, tám ngày đường, vậy trong thời gian ấy, đại đức hãy cho phép con được dâng cúng vật thực vào mỗi bữa trưa.

Tỳ kheo Na-tiên nhận lời bằng cách làm thinh.

Đường xa, người khách thương được dịp hầu chuyện.

- Vị bổn sư mà con quy y là một vị luận sư tinh thông Vi diệu tạng, nên con cũng mê say môn học ấy. Vậy chẳng hay đại đức có thể chỉ giáo cho con một vài điểm trong tạng ấy chăng?

Tỳ kheo Na-tiên ngạc nhiên nói:

- Là cư sĩ mà ông cũng học Vi diệu tạng ư? Về tạng ấy bản đạo cũng có học được chút ít. Ông cư sĩ cứ hỏi, bản đạo sẽ trả lời bằng khả năng hiểu biết hạn hẹp của mình.

Thế rồi, thầy trò ngày đi đêm nghỉ. Những câu hỏi lần lượt của người khách thương đưa ra, được tỳ kheo Na-tiên khiêm tốn trả lời. Trước dễ, sau khó, từ cạn vào sâu... người khách thương đã thật sự kinh ngạc trước kiến thức bao la như đại dương của vị tỳ kheo trẻ. Ông ta lại càng kính trọng và khâm phục hơn nữa ở đức tính nhũn nhặn, khiêm hòa và sự định tĩnh tâm hồn được biểu hiện qua nụ cười, đôi mắt cùng tứ oai nghi của ngài.

Những câu hỏi về Vi diệu tạng vừa chấm dứt thì thành phố Pataliputta cũng vừa hiện ra ở cuối tầm mắt. Người khách thương như vừa tắm xong trong một dòng suối trong lành của Pháp bảo, ông ta hoan hỷ và thỏa thích vô hạn; huệ nhãn phát sanh, mọi trần cấu, bợn nhơ phiền não thô thiển chợt rụng lãnh đi, những ác pháp không còn dấy khởi lên nữa: ông ta đã chứng quả Nhập lưu!

Khi chia tay, người khách thương phát tâm trong sạch cúng dường xấp vải Kampala quý báu dài mười sáu hắc tay, rộng tám hắc tay. Tỳ kheo Na-tiên nói lời chúc phúc rồi từ giã.

Đến chùa Asoka, Na-tiên tìm gặp trưởng lão Dhamm-arakkhita, dâng lễ, dâng xấp vải quý cho ngài rồi bạch rằng:

- Đệ tử từ chùa Niyaka lặn lội đường xa tới đây, mong ngài từ bi dạy *pháp học* cho đệ tử.

- Ông là đệ tử của ai?

- Bạch, tất cả các vị tôn túc trưởng lão trong hàng đệ tử Rakkhita đều là thầy của đệ tử.

Tôn giả Dhammarakkhita gật đầu rồi hỏi tiếp:

- Thầy trực tiếp là vị nào?

- Thưa, tôn trưởng Rohana, tôn trưởng Assagutta.

- Đây là các bậc đại Tôn túc Thánh nhân! Các ngài ấy đã dạy cho ông những gì?

- Một vị dạy đệ tử Vi diệu tạng và uy nghi giới hạnh, một vị dạy đệ tử đức chân thật, khiêm cung và nhẫn nại.

- Tốt, vậy bây giờ ông muốn học gì nữa?

- Đệ tử *pháp học* còn kém cỏi, thiếu sót, xin ngài vì lòng bi mẫn dạy thêm cho đệ tử về Kinh và Luật.

Tôn giả Dhammarakkhita im lặng nhận lời.

Ngày hôm sau có một vị tăng tên là Tissadatta từ Tích lan vượt biển tìm đến cũng mong được học tạng Kinh bằng ngôn ngữ Magadha. Khi được hỏi, vị tỳ kheo này cho biết là đã học thuộc nằm lòng tạng Kinh bằng tiếng Lankà, nay muốn học thêm tạng Kinh bằng tiếng Magadha để tiện bề so sánh, đối chiếu. Tôn giả Dhammarakkhita và tỳ kheo Tissadatta nói chuyện với nhau bằng tiếng Tích lan. Khi trao đổi xong, tỳ kheo Tissadatta quỳ xuống dâng lễ tôn giả Dhammarakkhita.

Buổi chiều, tôn giả Dhammarakkhita nói với Na-tiên:

- Bắt đầu từ ngày mai, ông cùng học chung với tỳ kheo Tissadatta!

Na-tiên lắc đầu:

- Đệ tử không muốn học chung với vị ấy.

- Tại sao?

- Thưa , người xứ Sàgala không thích ngôn ngữ Lan-kà, nên đệ tử chỉ muốn học tụng kinh bằng tiếng Magadha thôi!

Tôn giả Dhammarakkhita chột nghiêm mặt:

- Dĩ nhiên là ta dạy bằng tiếng Magadha! Nhưng ông đã hiểu làm ta và có ý nghĩ xấu về tỳ kheo Tissadatta, ông có thấy thế không?

Một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng, Na-tiên quỳ mọp xuống xin sám hối, nghĩ thầm trong tâm rằng: "*Những ý nghĩ xấu quấy của ta như thế nào, ngài đều biết rõ cả, vậy hãy cố gắng sống đời tỉnh thức, chánh niệm trong mỗi hơi thở.*"

Thế rồi họ lần lượt học năm bộ kinh Nikàya bằng tiếng Magadha, ấy là: *Dìgha, Majjhima, Samyutta, Angutta-ra* và *Khuddaka*. Trí nhớ của Na-tiên thật phi thường, chưa tới mười hôm đã học thuộc lòng bộ *Dìgha Nikàya*, trong lúc ấy Tissadatta chưa học xong được một nửa!

Ban đầu, tôn giả Dhammarakkhita muốn dìm bớt tính khí kiêu ngạo của tỳ kheo Na-tiên bằng cách không dạy tiếp nếu tỳ kheo Tissadatta chưa thuộc. Nhưng sau thấy Na-tiên không tỏ vẻ nóng nảy, vẫn lặng lẽ chờ đợi, thì giờ rảnh rỗi, ngài thấy Na-tiên tìm chỗ khuất vắng để tìm hiểu nghĩa kinh, hay ngồi thiền định, nên ngài lại đổi ý. Lại nữa, trong lúc này Phật giáo đang gặp nạn, các tôn giả Rohana và Assagutta đã ân cần gọi gắm; vậy sự thành toàn pháp học cho Na-tiên sớm chừng nào sẽ tốt chừng ấy. Vì nghĩ vậy nên tôn giả Dhammarakkhita dạy tiếp cho Na-tiên. Và chỉ vồn vện có ba tháng, Na-tiên đã thuộc nằm lòng năm bộ kinh. Ba tháng sau đó nữa, Na-tiên thuộc lòng luôn cả năm bộ chú giải.

Vô cùng bằng lòng về người đệ tử thông minh tuyệt hảo, không để mất thì giờ, tôn giả Dhammarakkhita dạy luôn tụng Luật cho người học trò yêu. Thế rồi, trải qua bốn tháng nữa, Na-tiên thông suốt thêm tụng Luật và luôn cả chú giải.

Hôm kia, tôn giả Dhammarakkhita dẫn Na-tiên đi dạo qua một vùng đồi, chỉ tay vào một khu rừng xa, ngài nói:

- Có lần, Phật tổ nói gì về nắm lá trong tay so với lá cây trong rừng kia?

- Thưa, ngài bảo rằng, nhiều như lá cây trong rừng kia là hiểu biết của ngài; nhưng những gì ngài chỉ dạy, thuyết ra chỉ bằng nắm lá trong tay của ngài thôi.

- Vậy là thế nào nhỉ?

- Thưa, Đức Thế Tôn chỉ nói những điều đáng nói, cần thiết, điều lợi ích cho chúng sanh; ngoài ra, những điều vô bổ, phù phiếm, những điều rỗng không nhằm thỏa mãn kiến thức, không đưa đến giác ngộ, giải thoát, ngài không nói.

- Đúng thế! Ngay chính những điều mà ngài nói ra, được ghi lại trong Tam Tạng, chúng có phải là Sự thật chẳng? Là chân lý chẳng?

- Thưa, không phải, chúng chỉ là ngón tay trỏ chỉ mặt trăng, chứ chẳng phải mặt trăng!

Tôn giả Dhammarakkhita gật đầu:

- Con hiểu vậy là chính xác!

Lúc ấy, một người chăn bò đang lừa một đàn bò đi ngang qua. Đợi cho đàn bò đi khuất, ngài Dhammarakkhita nói:

- Con có liên tưởng gì về người chăn bò và đàn bò này?

- Thưa, người chăn bò kia có lẽ biết rất rõ đàn bò ấy có mấy trăm con, bao nhiêu đực cái, bao nhiêu bê con, con nào già yếu, con nào sắp sinh v.v... Y lại còn rất rành cách chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sao cho mập, mau phát triển; nhưng vị ngon, vị ngọt của sữa bò như thế nào... thì có lẽ là người khác được hưởng còn y không được hưởng!

- Đúng như vậy.

- Thưa, cũng dường thế ấy, người lậu thông Tam tạng, rành rẽ giáo pháp, có thể giảng nói kinh nghĩa, kệ ngôn thao thao bất tuyệt, tháng này qua tháng nọ; phân tích chi ly từng mục, đoạn, phần..., các chi pháp rất rạch ròi, phân minh...; nhưng nếu y chưa nếm được hương vị của Pháp, chứng nghiệm Pháp, sống trong Pháp... thì so với người chăn bò có khác gì đâu?

- Đúng như vậy! Nay con, con đừng làm người chăn bò tội nghiệp kia nhé!

Tỳ kheo Na-tiên nghe rúng động cả châu thân, thâm cảm kích sâu xa sự giáo giới, nhắc nhở của vị thầy siêu việt, ngài quỳ xuống ôm chân bụi bực tôn trưởng:

- Lậu thông Tam tạng cũng trở nên rỗng không, vô ích nếu chưa chứng ngộ Pháp mầu. Đệ tử biết là đệ tử phải làm gì rồi.

Sau buổi đàm đạo ấy, Na-tiên rút vào một cốc vắng để chuyên tu thiền định và thiền quán. Ngài nhất mực tinh tấn theo đuổi *pháp hành*. Ngoài việc khát thực để

nuôi mạng, thì giờ còn lại ngài gia công chuyên niệm ngày đêm, chỉ nghỉ nghiêng lưng vào canh cuối. Hôm kia, tuệ giác bừng sáng, thấy rõ Diệt đế, ngài đắc A-la-hán quả, luôn cả 4 tuệ phân tích (*Patisambhidanana*) và thần thông. Ngay khi ấy trời đất có những hiện tượng phi thường như địa cầu chấn động, biển cả sóng dâng cao, núi Tu-di rung rinh, chư thiên hoan hỷ và hoa trời rơi xuống cúng dường v.v...

Tôn giả Dhammarakkhita xuất hiện, mỉm nụ cười hoa sen:

- Ta chúc mừng con việc lớn đã thành. Hiện giờ các đại tôn giả ở đỉnh núi Himalaya đang chờ con để giao phó công việc đấy!

Xiết bao cảm kích, tỳ kheo Na-tiên lạy tạ từ biệt thầy, tức khắc biến mất khỏi chỗ và có mặt ngay tại hang động Rakkhita trước mặt hội chúng Thánh nhân A-la-hán. Sau khi đảnh lễ các vị đại tôn giả, tỳ kheo Na-tiên nhìn quanh không thấy đại trưởng lão Assagutta, biết ngay là ngài đã Niết-bàn rồi. Đại đức Rohana biết ý, nói rằng:

- Bậc đại tôn trưởng Assagutta trước khi diệt độ có dạy lại rằng, con phải tìm cách phục hưng Chánh Pháp.

- Đệ tử phải làm như thế nào? Và đây có phải là thời mà tôn trưởng sẽ xá tội xưa của đệ tử?

- Phải rồi! Mọi nhân mọi duyên đều đã đầy đủ. Các vị tôn túc trưởng lão đã phải khổ công thành toàn Pháp học và Pháp hành cho con. Trước mắt, con phải làm hai công việc.

- Đệ tử xin nghe!

- Việc thứ nhất là phục hưng tất cả các chùa chiền hoang phế, quy tụ Tăng lữ trở về, cho xuất gia thêm, đào tạo Tăng tài, tổ chức các buổi thuyết pháp ở nhiều nơi để cận sự nam nữ có cơ hội trở lại với những sinh hoạt y như trước đây!

- Thưa, một mình đệ tử sợ không kham nổi.

- Con chớ lo lắng, ở đâu cần sự giúp đỡ, chư tôn túc trưởng lão ở đây sẽ xuất hiện kịp thời!

- Vậy đệ tử xin hoan hỷ nhận lãnh trách nhiệm mà quý ngài đã giao phó.

- Việc thứ hai là sau khi việc thứ nhất đã đi vào nề nếp, con hãy đến tại kinh đô Sàgala chùa Sankheyya, có vị đại đức tên là Ayupàla ở đấy, con chuẩn bị để gặp gỡ đức vua Mi-lan-đà và khôn khéo sử dụng tất cả mọi khả năng trí tuệ của mình. Con phải nhiếp phục đức vua ấy, đấy là mệnh lệnh tối hậu.

- Đệ tử có nhiếp phục được chăng?

- Hãy quán nhân duyên, con sẽ thấy!

Nghe lời, tỳ kheo Na-tiên nhiếp tâm, theo dõi tiến trình sinh tử của chính mình từ kiếp này sang kiếp kia; lâu sau, ngài thấy một ngôi chùa lớn ven sông, thời Phật Ca diếp, ngài làm một vị tỳ kheo như thế, vua Mi-lan-đà hiện nay, trước kia làm một vị sa di như thế. Vì lời nguyện của cả hai như vậy nên bây giờ có nhân có duyên như vậy. Xúc động Chánh Pháp, tỳ kheo Na-tiên quỳ xuống dưới chân các bậc tôn trưởng:

- Quý ngài đã khổ tâm vì đệ tử, vì nhân duyên của chính đệ tử mà từ lâu đệ tử không thấy, không biết. Vậy xin quý ngài tha thứ tất cả lỗi lầm của đệ tử dù cố ý hay vô tình mà xâm phạm đến quý ngài!

Tiếng "lành thay, lành thay" vang lên. Khi Na-tiên ngừng đầu thì chẳng còn ai ở đấy nữa, hang động vắng tanh, lạnh lùng... dường như chỉ còn thoảng mùi hoa hương vi diệu mà chư thiên rải xuống cúng dường.

Ngơ ngẩn, xuất thần, Na-tiên đánh lễ hang động Rakkhita lần cuối cùng rồi sửa lại y bát xuống núi theo con đường hạnh nguyện.

2.3. Thấp thoáng bóng SỰ TỬ

Nhắc lại chuyện vua Mi-lan-đà.

Sau khi đi hỏi đạo, vấn đạo, tất cả các bà-la-môn, sa môn hữu danh trong quốc độ, đức vua Mi-lan-đà vô cùng thất vọng vì chẳng ai thỏa mãn được cho ngài vài câu, hướng hồ là đi sâu vào giáo pháp! Chán nản, ngài đành vùi đầu vào chính sự, rảnh rỗi, ngài lại xem kinh, đọc sách, suy tư. Đức vua thấy rằng, tư tưởng của đạo Phật rất uyên thâm, hầu như nói ra được toàn bộ về đời sống con người, sự vui khổ cũng như sự sống chết của nó. Nhưng giáo pháp ấy cũng hàm tàng biết bao nghi vấn mà tri thức của ngài không với tới được, không kiến giải được. Ôi! hỏi ai bây giờ? Các bậc A-la-hán thật sự vắng mặt trên cuộc đời này rồi sao?

Đã bao năm, nhốt mình trong cung cấm, đức vua cũng không nhớ nữa. Hết xuân khứ rồi đông lai, tuổi già lại đến mà vấn đề "tử sinh đại sự" không giải quyết được thì phỏng đời sống này còn có tích sự gì!

Hôm kia, khi nhà vua đang dạo chơi trong vườn thượng uyển thì có một vị đại thần tìm đến xin được ra mắt ngài. Đức vua cho phép viên đại thần cùng ngồi dưới bàn đá bên gốc cây sàla tỏa bóng xanh mát.

- Tâu đại vương! Hạ thần thấy một hiện tượng rất lạ lùng.

Đức vua ưu ái ban cho viên lão thần một chung ngự tửu rồi phán:

- Khanh cứ nói đi!

- Hạ thần thu lượm rất nhiều nguồn tin khác nhau, đều là những nguồn tin đáng tin cậy. Rằng là các chùa chiền, am thất, tu viện, tự viện trước đây hoang tàn, đổ nát ở nhiều nơi, bây giờ đang được xây dựng lại quy mô hơn, tráng lệ hơn!

Đức vua thoáng nhăn mày, nhưng lại nói:

- Điều ấy tốt thôi! Bản tâm của trẫm cũng thấy rõ đạo Phật xứng đáng được như vậy.

- Rồi Tăng lữ không biết từ đâu xuất hiện mà đông đúc thế không biết!

- Còn các sinh hoạt khác?

- Cận sự nam nữ hai hàng trở lại chùa sinh hoạt còn đông đảo hơn trước đây, với những lễ như: cầu an, cầu siêu, an vị Phật, trai tăng, lễ bát, thọ bát quan trai giới, nghe thuyết pháp v.v...

- Khanh còn nghe gì nữa chăng?

- Tâu, nghe đâu hiện có rất nhiều bậc Thánh nhân xuất hiện, họ đều là các bậc A-la-hán có nhiều thần thông; ngoài ra còn có hàng chục vị pháp sư siêu việt có mặt đó đây để chủ trì các buổi thuyết giảng, có nơi đông đến hàng chục ngàn người nghe.

Đức vua nghe đến đây bỗng thấy rạo rức trong người, hưng phấn nói:

- Thế là hay lắm! Vậy trong kinh đô ta thì thế nào? Đã mấy năm nay trẫm không hề ra ngoài.

- Tâu, ngôi chùa Sankheyya to lớn, hùng vĩ ở kinh đô bao năm nay chỉ có mấy vị sư già kinh kệ, nhang khói; mấy tháng nay có vị trưởng lão tên là Àyupàla dẫn Chư Tăng từ đâu về đông hơn cả một trăm vị. Thiện nam tín nữ lục tục kéo tới cúng dường, nghe pháp.

Đức vua Mi-lan-đà chột đứng dậy, niềm vui vỡ òa theo với lời nói:

- Hay lắm ! Vậy trẫm lại được dịp đi hỏi đạo nơi vị đại đức Àyupàla ấy. Ôi! Hạnh phúc thay!

Thế rồi, hôm sau đức vua cho người đến chùa Sankheyya thông báo trước rồi cùng với tùy tùng xa mã, ngự giá lên đường. Rất kính trọng chốn Phật điện, đức vua ra lệnh ngừng xe ở ngoài cổng, rồi cùng với năm trăm tùy tùng, thị vệ chậm rãi đi bộ vào chốn thiền môn. Các vị sư thị giả lịch thiệp dẫn đức vua vào gặp đại đức Àyupàla, đang chờ ngài ở giảng đường mệnh môn, rộng lớn, có khả năng dung chứa cả hàng vạn người.

Sau khi chào hỏi cung kính, xã giao, yên vị chủ khách rồi, đức vua hỏi:

- Bạch đại đức! Sự xuất gia của ngài đây có lợi ích như thế nào? Cao quý như thế nào?

Trưởng lão Àyupàla đáp:

- Tâu đại vương! Người xuất gia có ba điều lợi ích và cao quý như sau: nhờ thọ trì giới, người ấy thường lánh xa điều ác, thành tựu điều lành, tăng trưởng điều lành, người ấy sẽ trở thành một con người đức hạnh. Đây là sự lợi ích và cao quý thứ nhất. Thứ hai, nhờ thực hành thiền định, người ấy tìm được sự quân bình và yên tĩnh tâm hồn, người ấy sẽ không còn bị tham sân nung đốt, quấy nhiễu nữa. Thứ ba, nhờ thực hành thiền quán mà người ấy phát sanh trí tuệ, viên mãn trí tuệ... để lần lượt chứng đắc đạo quả Thánh nhân, chấm dứt khổ đau, phiền não...

Đây là ba điều lợi ích lớn, cao quý lớn của người xuất gia, tâu Đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu hài lòng rồi nói:

- Trẫm rất hoan hỷ về cách đáp vấn tất nhưng đầy đủ của đại đức. Nhưng trẫm còn thắc mắc rằng, là người cư sĩ tại gia có thể thực hành để gặt hái ba điều lợi ích lớn, ba điều cao quý lớn ấy chăng?

- Có thể được, tâu đại vương !

- Xin đại đức từ bi chỉ giáo cho !

- Người xuất gia nhờ tu tập theo *giới định tuệ* nên gặt hái được ba điều lợi ích lớn, cao quý lớn. Còn người cư sĩ tại gia dù họ tu tập theo bố thí, trì giới, tham thiền, nhưng họ còn có cơ hội nghe Pháp mà tăng trưởng trí tuệ. Bố thí có công năng tạo trừ phước báu, mở rộng tấm lòng và học hạnh xả ly. Thọ trì ngũ giới hoặc bát quan trai giới làm cho con người trở nên hiền thiện, đức hạnh. Tham thiền có công năng làm cho tham sân lặng yên. Và nghe pháp có thể khai mở trí tuệ, chứng đắc các đạo quả Thánh như . Như vậy, người cư sĩ tại gia cũng có thể thực hành và thành tựu ba điều lợi ích, cao quý ấy, tâu đại vương !

- Đại đức nói vậy thì có gì làm bằng chứng?

- Có chứ, tâu đại vương! Lúc Đức Thế Tôn thuyết về Túc sanh truyện, nhất là truyện kể về thái tử Vessantara với 700 đại thí, ở gần cửa thành Sankassa, hằng chục ngàn cư sĩ dự nghe đều đắc được quả Thánh, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà chợt cất lời tán thán:

- Ôi! Thật là vi diệu! Hôm nay nhờ đại đức khai mở kiến thức cho trẫm thấy rõ ràng: chỉ nghe Pháp thôi cũng có thể thành tựu được đạo quả Thánh nhân, không kể là xuất gia hay tại gia!

- Đúng thế, tâu đại vương!

Bất ngờ nhất, đức vua Mi-lan-đà hỏi vặn lại:

- Thế thì, thưa đại đức! Sự xuất gia của ngài và của hơn trăm vị tỳ khưu trong ngôi chùa Sankheyya này, trong khắp quốc độ này, quả thật là vô ích, rỗng không, chẳng lợi ích gì ráo, chẳng cao thượng gì ráo. Vì sao vậy? Vì làm một tại gia cư sĩ cũng có thể thành tựu ba điều lợi ích lớn, ba điều cao quý lớn? Thưa, có phải vậy chăng?

Trưởng lão Āyupāla Phật học uyên thâm nhưng không sở trường về tranh luận, không nắm rõ những câu hỏi nom có vẻ bình thường nhưng ẩn dấu nhiều gút mắc, nên ngài đã không trả lời được, nín lặng.

Đức vua Mi-lan-đà còn tấn công tiếp, không khoan nhượng:

- Như vậy, giống dòng của sa môn Thích tử xuất gia, giữ gìn trai phạm nghiêm cẩn, không dùng quá nạn là vì đã tạo trừ những việc làm xấu xa từ trước, nghiệp còn dư sót nên kiếp này phải bị trả quả ăn mỗi ngày một bữa, có phải thế

chăng? Có phải các vị xuất gia ấy trước đây đã cướp đoạt món ăn của kẻ khác, bỏ đói kẻ khác nên kiếp này phải ăn ít lại để trả nợ mình đã gieo?

Có một số các vị xuất gia khác, theo hạnh đầu đà sống đời không nhà cửa, ngụ ở cội cây, rừng, nghĩa địa, chỗ không có mái che ... trông rất là tội nghiệp. Tại sao thế? Các vị ấy trước đây lỡ gây nhân trộm cướp, đốt phá xóm làng, dỡ nhà cửa của kẻ khác, cướp đoạt nhà cửa của kẻ khác làm cho người ta không có mái che trên đầu, chẳng còn nhà để ở; nên kiếp này, suốt đời phải bị trả quả xấu do nghiệp mình đã làm, chứ cao thượng cái nỗi gì?

Có rất nhiều vị thọ đầu đà bậc thượng, suốt đời ngăn oai nghi nằm, họ cũng chẳng cao thượng gì đâu! Tại sao? Vì họ đã từng làm trộm cướp, sau khi đón đường tước giật của cải, tài sản của kẻ lữ hành còn bắt trói họ, buộc hai cánh tay vào sau, bắt họ ngồi không cho họ nằm! Thế đấy, gây nhân sao thì gặt quả vậy chẳng sai trật tí nào.

Thưa đại đức! Vậy những giới, những định của các bậc sa môn xuất gia chẳng hơn gì người tại gia, mà trái lại, còn tệ hơn nữa vậy. Sống đời tại gia được phước báu nhiều hơn; được thọ hưởng ngũ dục nhưng rồi cũng đắc đạo quả Thánh nhân như ai. Có phải thế không, đại đức hãy trả lời cho trẫm nghe đi?

Trưởng lão Àyupàla thấy lập luận của nhà vua không đúng với sự thật, không đúng với vận hành nhân quả qua các kiếp sống, nhưng vì không có biện tài nên ngài không đáp được, đành ngồi giữ im lặng của bậc Thánh.

Một vị lão thần trong năm trăm người tùy tùng tâu rằng:

- Thưa Đại vương! Theo hạ thần được biết, ngài đại đức trưởng lão thâm uyên Phật học, từng thuộc lòng năm bộ kinh Nikàya, nhưng vì do không được lợi khẩu, lợi trí nên không đáp được đầy thôi. Ngưỡng mong đại vương mở lượng hải hà dung thứ!

Lòng cao ngạo chợt khởi lên, đức vua Mi-lan-đà nói to, giọng như sấm động:

- Chẳng phải chỉ riêng có đại đức đây không đáp được, mà toàn cõi châu Diêm-phù-đề này cũng thế, chẳng có sa môn nào đáp được đâu. Tất cả đều rỗng không, điều tàn, hoang phế... là kiến thức và trí óc của các sa môn Thích tử đời nay! Cho dầu họ có tự xưng mình là bậc A-la-hán, là bậc Chánh Đẳng Giác đi chăng nữa thì cũng ngồi mà toát mồ hôi vì những câu hỏi của trẫm đưa ra!

Trưởng lão Àyupàla tự nghĩ: "*Đúng là ta chẳng thể nào soi sáng vấn đề cho đức vua dựa vào kinh điển ta nắm vững. Các vị đại tôn túc đã nói rất rõ ràng, lúc cần thiết, tỳ kheo Na-tiên sẽ có mặt ở đây, sẽ dùng trí tuệ biện tài để khuất phục đức vua này. Trách nhiệm bước đầu của ta thế là xong.*"

Từ giã chùa Sankheyya, đức vua vô cùng buồn bã. Ba hôm sau lại có vị đại thần tên là Nemittiya vào tâu với đức vua:

- Mấy năm nay hạ thần có nghe danh một vị Thánh tăng tên là Na-tiên, còn đang độ thanh xuân nhưng sức học bao trùm thiên hạ. Vị ấy xuất thân trong gia đình bà-la-môn, thuở mới bảy tuổi đã thông suốt Tam Phệ-đà luôn cả chú giải cùng năm bộ sách truyền thống của tôn giáo này. Thế rồi, vị ấy từ bỏ truyền thống, bao năm tu học trong nhiều hang động ở tuyết sơn và các thảo am dưới chân ngọn Hymalaya. Vị ấy đã thọ giáo chân truyền từ các bậc đại ẩn sĩ. Sau đó, mới hơn hai mươi tuổi đầu, vị ấy đã được các bậc đại sư phụ cho xuống núi. Từ đó, suốt từ miền đông đến miền nam, chùa chiền được chỉnh tu, am thất, tự viện mọc lên, Tăng chúng từ đâu đổ về, những chiếc y vàng chói lọi dày đặc khắp các thành phố, thị trấn, hang cùng ngõ hẻm...

Tâu đại vương! Vị ấy quả thật có thần cơ diệu toán, phục hưng Phật giáo rất có chiến lược và chiến thuật. Vị ấy đánh ngoài vào trong và hiện đang bao vây kinh đô của đại vương! Cuộc luận chiến cách đây mấy hôm ở ngôi chùa Sankheyya mà đại vương đã gặp, đấy chỉ là một đội quân "tiền trạm", thăm dò thực lực của đại vương đấy thôi!

Đại thần Nemittiya vốn là viên võ tướng nên cách trình bày, ngôn ngữ nhuốm mùi trận mạc. Vừa nghe đến tên Na-tiên, đức vua đã cảm thấy xao xuyến, rúng động cả châu thân, không biết tại sao!

Vị đại thần vô tình không hay biết, cứ thao thao bất tuyệt:

- Vị Thánh Tăng Na-tiên ấy từ nơi này sang nơi khác, lần lượt luận thắng các danh sĩ bà-la-môn, lần lượt khai đàn thuyết giáo độ cho rất nhiều tu sĩ và thiện nam tín nữ. Đi đâu, vị Thánh Tăng ấy cũng rất đông đảo đệ tử tùy tùng cùng đồ chúng. Người ta nói rằng dung mạo vị ấy đẹp như đức Ànanda, là vị thị giả của Đức Phật thời sinh tiền, đạo hạnh và trí tuệ thì đúng là tôn giả Sariputta, đại đệ tử trí tuệ đệ nhất của Phật tổ hóa sanh!

Tâu đại vương! Hiện tại, vị Thánh Tăng ấy với đông đảo tùy tùng vừa đến chùa Sankheyya sáng nay, kinh đô Sàgala của đại vương đã bị hằng trăm ngàn tu sĩ áo vàng đánh chiếm mất rồi!

Bần thần, đức vua đứng dậy làm rơi vỡ một tách trà, trong lúc ấy, viên đại thần tên là Devamantiya xuất hiện:

- Tâu đại vương!

- Cứ nói - đức vua phán.

- Vị Thánh Tăng Na-tiên mà quan thượng thư vừa trình bày là đúng sự thật. Vị ấy thông suốt Tam Phệ-đà, thông suốt Tam Tạng là chuyện không phải ngoa truyền. Không kể vị ấy, chính những đệ tử của vị ấy, mới xuất gia từ kheo hai, ba năm mà cũng rất nhiều vị thuộc lòng một tạng, hai tạng. Họ chẳng sợ hãi một ai cả, chia nhau từng người đi hoằng pháp đó đây.

Đức vua Mi-lan-đà đã lấy lại bình tĩnh, chậm rãi hỏi:

- Các khanh có nghe nói đến sở học và trí tuệ của vị ấy chăng?

- Tâu, đại vương thông suốt mười tám môn học nghệ, thì nghe đâu vị ấy còn thuộc vào loại tổ sư! Như vậy mọi kiến thức về triết học, thắng luận, thiên văn, địa lý, toán học, văn chương, sử truyện, ngữ ngôn, cú pháp, cổ văn, tử vi, chiêm tinh v.v... thì đại vương chớ nên đụng đến làm gì! Còn Phật học thì kiến thức của vị ấy nghe đâu được một trăm lẻ tám vị Thánh Tăng A-la-hán trên Hy mã Lạp sơn trao truyền. Vị ấy còn là bậc lợi khẩu, lợi trí, lợi tuệ; ăn nói lại du dương, trầm bổng, lưu loát; quần chúng như bị mê hoặc bởi từ nhiều vẻ đẹp: kiến thức, tâm hồn cùng tướng mạo của vị ấy nữa.

Tâu đại vương! Nghe đâu, các vị chư thiên, Tứ đại Thiên vương, Đế Thích Thiên vương cũng bị vị ấy nhiếp phục, thân làm đệ tử. Nếu thế, vị ấy muốn làm thầy không những chỉ cõi người mà còn làm thầy cả cõi trời nữa!

Vị ấy hiện giờ đang ở trong kinh đô của đại vương, chùa Sankheyya; Tăng chúng và thiện nam tín nữ từ mười phương đang kéo nhau về đây để nghe pháp, cúng dường. Năm con sông đổ tuôn về biển như thế nào thì mọi ngã đường người ta đổ tuôn về chùa Sankheyya cũng dường thế ấy!

Đức vua Mi-lan-đà đi tới đi lui, đi lui rồi đi tới, trời không nóng mà ngài chảy mồ hôi. Đức vua đã cảm thấy sợ hãi thật sự, mọi biện pháp trấn an, làm chủ cảm xúc chợt trở nên vô ích khi nghe kể về vị Thánh Tăng tên là Na-tiên!

Thật lâu sau, đức vua mới nói:

- Các khanh hãy đến chùa Sankheyya, nói với đại đức Na-tiên rằng, là hoàng đế Mi-lan-đà sẽ đến thăm đại đức và Tăng chúng ngay ngày mai.

Thế rồi hôm sau, đức vua sửa soạn long xa cùng với thị vệ tùy tùng năm trăm người, ngự giá đến chùa Sankheyya. Khi ấy, ngài Na-tiên đã chuẩn bị sắp xếp đâu vào đó sẵn sàng: ngài đang ngồi giữa giảng đường to lớn cùng với tám mươi ngàn tỳ khưu! Sở dĩ ngài Na-tiên tập trung số Tăng chúng đông đảo như vậy là muốn đánh mạnh vào tâm lý của đức vua; vì uy lực của Tăng thường làm cho cả loài chúa sơn lâm kiêu hùng nhất cũng phải cụp đuôi!

Và quả thật như vậy, vừa bước vào, ngó lên giảng đường, tóc đức vua đã dựng ngược! Tăng chúng lớp lớp uy nghi, trang nghiêm ngồi bất động, trầm mặc tạo nên một uy lực làm cho đức vua run sợ thật sự!

Đức vua hỏi nhỏ nhỏ vị đại thần thân tín:

- Này Devamantiya! Tăng chúng ở đâu mà đông đúc kinh khiếp như thế?

- Tâu, hạ thần cũng không biết nữa, chắc là họ dùng thần thông biến hóa ra!

- Hoang đường!

- Vậy thì hạ thần xin tâu rõ: bốn mươi ngàn vị ngồi ở đằng sau đều là tân tỳ kheo, thọ đại giới từ một hạ đến sáu hạ! Bốn mươi ngàn vị ngồi đằng trước cao hạ hơn, từ tám hạ đến hai mươi hạ.

Tuy nhiên, dầu nhỏ, dầu lớn, họ đều là tùy tùng, đang theo học với vị Thánh tăng Na-tiên cả thầy! Đại vương đã khiếp chưa, họ đều quy giáo, khâm phục ngài Na-tiên!

- Sao khanh biết rõ vậy?

- Tâu, vì khâm phục và sợ hãi vị ấy nên hạ thần đã điều tra tận tường!

Đức vua Mi-lan-đà lúc ấy như con voi bị vây khốn giữa bầy tê ngưu, như loài rồng nằm co lại trước móng vuốt của những con chim đại bàng, như con chó chóc bị con trăn quấn chặt và sắp nuốt, như con gấu ngựa bị trâu rừng bao vây, như con ếch bị con rắn rượt đuổi, như con nai bị sập bẫy thợ săn, như con chuột run sợ trước oai lực của mèo, như loài tà tinh quỷ mị ở trong tay ông thầy pháp, như mặt trăng bị nhật thực ăn nuốt... Hoặc như rắn bị bắt trong giỏ, chim bị nhốt

trong lòng, cá bị dính lưới, như trẻ đi lạc trong rừng sâu nhiều thú dữ, như dạ xoa có tội gặp mặt Tỳ sa môn Thiên vương (*Vessavanna*), như vị trời hết thọ mạng rời thiên cung v.v... Cũng như thế ấy là sự sợ hãi của đức vua khi đối diện với tỳ kheo Na-tiên cùng với Tăng chúng của ngài. Tuy nhiên, vốn là người trí dũng song toàn, văn võ toàn tài, đức vua đã vội trấn an bằng ý nghĩ như vậy: *"Đại đức này dầu có ghê gớm đúng như lời đồn đãi, với khí thế uy mãnh, hùng lực hôm nay, cũng không làm gì nổi ta đâu!"* Rồi ngài mỉm cười nói với viên đại thần thân tín:

- Khanh khỏi cần giới thiệu. Giữa tám mươi ngàn vị tỳ kheo, trăm có thể nhận ra ngay ai là Na-tiên đại đức.

Và quả đúng như vậy, tỳ kheo Na-tiên ngồi giữa như một vầng trăng sáng bởi diện mạo uy nghi và cốt cách tỏa ra, chẳng thể làm lẫn được.

Quan đại thần Devamantiya gật đầu:

- Đúng thế, tâu đại vương! Ngài đã nhận ra chúa sư tử lông vàng rồi vậy.

Dầu đã tự trấn áp, tâm của đức vua vẫn bị chao đảo, như bị sóng đánh, nó không thể lặng yên: ngài đã không làm chủ được mình trước cuộc luận tài vô tiền khoáng hậu trong lịch sử loài người!

Cuộc vấn đáp giữa vua Mi-lan-đà và tỳ kheo Na-tiên bắt đầu!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

001-020

1. Danh

Đức vua Mi-lan-đà sau khi đánh lễ Tăng chúng tám mươi ngàn vị cùng với đại đức Na-tiên, ngồi một nơi phải lễ, đức vua khởi chuyện:

- Bạch đại đức, Trẫm muốn đàm luận với ngài vài điều được chăng?

Tỳ kheo Na-tiên đã quan sát vị vua hữu danh đã từng làm cho các tôn giáo điên đảo từ bấy lâu nay. Quả thật là không hư truyền, vì ngài chưa từng gặp một

người có tướng mạo phi phàm như thế. Nhưng với thẳng đũng, thẳng trí và thẳng tuệ, ngài cảm thấy không khó khăn gì khi nhiếp phục đức vua này.

Khi nghe hỏi, Na-tiên tỳ kheo mỉm cười đáp:

- Tâu đại vương, ngài cứ hỏi, bản tăng sẽ nghe.
- Bạch đại đức, trăm hỏi rồi, ngài hãy nghe đi.
- Tâu đại vương, bản tăng nghe rồi, ngài hãy nói đi!
- Bạch đại đức, Trăm hỏi rồi.
- Tâu đại vương, bản tăng đáp rồi.
- Ngài đáp như thế nào?
- Đại vương hỏi như thế nào?

Chỉ vài câu vấn đáp khởi đầu, cử tọa thính chúng gồm tám mươi ngàn Tăng chúng, năm trăm tùy tùng của đức vua cùng với cận sự nam nữ đông đặc bên ngoài giảng đường... đều cảm thấy thú vị, họ cất tiếng hô "lành thay" vang rền như sấm dội.

Đợi cho không khí yên lặng, nhà vua hỏi tiếp:

- Bạch đại đức, ngài tên gì?
- Tâu đại vương! Bản tăng tên là Na-tiên! Thầy tổ, huynh đệ, pháp hữu của bản tăng cũng gọi tên bản tăng như thế. Còn cha mẹ của bản tăng không những gọi tên bản tăng là Na-tiên, mà đôi khi kêu là Viranasena, Surasena hoặc Sihasena! Tuy nhiên, dù gọi tên gì đi nữa thì nó cũng chỉ là cái tên, cái tên suông, chẳng liên hệ gì đến bản tăng cả. Cái tên ấy chỉ để mà phân biệt giữa người này và người kia, thế thôi, chẳng có gì là "tôi" là "của tôi" như ngã chấp và tà kiến thế gian thường nhận lầm, tâu đại vương được rõ!

Đức vua Mi-lan-đà ngạc nhiên, đưa tay lên, phân bua với mọi người xung quanh:

- Xin tất cả các vị hãy làm chứng cho trăm. Đại đức Na-tiên vừa nói rằng, cái tên Na-tiên là tên do cha mẹ đặt, các vị đồng phạm hạnh cũng gọi như thế, nhưng chẳng có cái gì là Na-tiên ở đấy, chẳng có gì là "tôi" và "của tôi" cả. Mọi người nghe rõ rồi đấy chứ?

Rồi quay sang tỳ kheo Na-tiên, đức vua phản vấn:

- Bạch đại đức! Nếu không có cái gọi là "ta" và "của ta" thì những người bố thí cúng dường y bát, vật thực, thất liêu, chỗ ở, thuốc ngựa bệnh, vật dụng v.v... thì ai là người thọ nhận tứ sự ấy? Ai trì giới? Ai tham thiền? Ai chứng ngộ đạo quả và Niết bàn? Từ đó suy ra, những tội ác như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói lời hư dối, uống rượu; cho chí những ngũ nghịch đại tội vô gián địa ngục, cũng chẳng có ai làm gì cả! Và như vậy thì nghiệp lành, nghiệp ác cũng không, chẳng có ai tạo tội cả, lành dữ đều không có quả báo. Nếu thế có kẻ giết chết đại đức họ cũng không phạm tội giết người. Và thầy tiếp dẫn, thầy giáo thọ, hòa thượng tế độ cho đại đức cũng không có. Các vị đồng phạm hạnh gọi tên đại đức Na-tiên là gì đó cũng không có luôn. Vậy cái gọi là Na-tiên đó là ai? Mong đại đức giảng giải cho trẫm. Đại đức nghe rõ rồi đấy chứ.

- Tâu đại vương! Bần tăng nghe rõ rồi!

- Người nghe đó có phải là Na-tiên chăng?

- Tâu, không phải.

- Chẳng có gì là Na-tiên cả sao?

- Vâng, chính thế!

- Tóc, lông, móng, răng da... kia là Na-tiên sao?

- Tâu, đại vương, không phải.

- Thịt, tủy, gân, xương là Na-tiên chăng?

- Thừa, không phải!

- Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Na-tiên chăng?

- Tâu, Đại vương, không phải.

- Hay lục căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là Na-tiên?

- Tâu, không phải thế.

- Vậy ngũ uẩn hợp lại là Na-tiên?

- Tâu, cũng chưa chắc là vậy.

Đến ngang đây chợt đức vua Mi-lan-đà cất giọng nói lớn:

- Bạch đại đức! Hồi nãy giờ trẫm đã cặn kẽ hỏi về ba mươi hai thể trước, lục căn, ngũ uẩn v.v... có phải là Na-tiên chăng, tất thấy đều bị đại đức phủ nhận. Và quả thật, trẫm cũng công nhận như thế. Vì khi quán tưởng một cách tận tường từng phần được nêu ra trong câu hỏi, thì chẳng có cái gì được gọi là Na-tiên cả. Thế tại sao, trước đây khi trẫm hỏi, đại đức bảo đại đức là Na-tiên? Té ra là đại đức nói dối! Nay, năm trăm tùy tùng thân tín của trẫm và tám mươi ngàn Tăng chúng tỳ kheo, xin quý vị hãy làm chứng cho trẫm đây nhé!

Đại đức Na-tiên là một Thánh nhân A-la-hán đắc thần thông và đắc cả 4 tuệ phân tích: tuệ về nhân, tuệ về quả, tuệ văn tự, ngữ nghĩa, tuệ biện tài, biện luận. Tâm ngài như đỉnh núi chúa, trí ngài như mặt trời, mặt trăng, lòng từ của ngài bao la như biển lớn. Do vậy, ngài độ lượng với đức vua Mi-lan-đà như mẹ đối với con; với tâm nguyện là phải nhiếp phục đức vua, tế độ đức vua, đặt đức vua trong Chánh đạo; nên dù đức vua có nói gì ngài cũng chỉ ngồi làm thinh và mở rộng lòng từ.

Để cho ngạo khí và sự xao động trong tâm trí đức vua yên lắng lại một chút, đại đức Na-tiên mới chậm rãi nói:

- Tâu đại vương! Ngài là một bậc đế vương nhiều phước báu và nhiều an vui, tháng ngày sống trong hạnh phúc cao sang. Nhưng vì tâm cầu đạo, ngài chẳng quản đường xa, đến đây giữa cơn nắng nóng oi bức nên có lẽ ngọc thể cũng bất an. Lại nữa, từ hoàng cung đến đây mà sao đại vương không đi bằng xe mà lại đi bằng chân cho mệt?

- Bạch đại đức! Trẫm đến chùa bằng xe chứ! Chỉ đi bộ từ cổng, nhưng vào giảng đường mới đi bằng chân không!

- Thế ra đại vương tới đây bằng xe.

- Vâng, trẫm đến bằng xe.

Đại đức Na-tiên giờ cũng làm như cách của vua Mi-lan-đà , phân bua với mọi người:

- Năm trăm tùy tùng quan chức, thị vệ của đức vua và tám mươi ngàn chư tỳ kheo đại chúng hãy xác nhận cho: đức vua đã nói rằng ngài đến đây bằng xe!

Rồi quay sang đức vua, ngài Na-tiên hỏi lại:

- Đại vương bảo rằng đại vương đến đây bằng xe, đây là lời nói thật chứ?

- Chắc chắn là thật.
- Vậy đại vương hãy nói cho rõ về cái xe ấy! Cái gì gọi là xe? Cái gọng chăng?
- Không phải.
- Hay cái trục, cái bánh là xe?
- Cũng không phải.
- Cái thùng, cái mui là xe chăng?
- Chẳng phải đâu.
- Hoặc roi, dây cương là xe?
- Chẳng phải.
- Thế chắc cái ách, cãm xe?
- Không phải nốt.
- Vậy cái gì là xe?

Đức vua Mi-lan-đà im lặng.

Đại đức Na-tiên cất giọng chậm rãi:

- Tâu đại vương! Bần tăng đã đưa từng bộ phận một, và hỏi rằng cái gì là xe thì đều bị đại vương phủ nhận. Mà quả thật, bần tăng cũng thấy vậy, chẳng có cái gì được gọi là xe trong tất cả các bộ phận chi tiết ấy. Tuy nhiên, đại vương là vị hoàng đế cao cả, là đấng nhân chủ, là bậc anh minh cai quản một quốc độ mệnh mông; quả thật là không thích đáng khi đại vương nói dối rằng, ngài đến đây bằng xe! Xin tất cả chư vị và Chư Tăng đại chúng ở đây hãy làm chứng cho!

Mọi người không ngớt lời tán dương ca ngợi biện tài của đại đức Na-tiên . Riêng năm trăm người tùy tùng thì cung thỉnh đức vua tìm cách luận thắng đối phương.

Sau một hồi làm thinh, đức vua Mi-lan-đà nói:

- Đại đức biện luận hay lắm! Nhưng mà hãy nghe trẫm nói đây! Tất cả những bộ phận chi tiết như thùng, mui, cãm, bánh, trục v.v... nếu nằm riêng lẻ thì không thể gọi là xe, nhưng chúng kết hợp toàn bộ lại thì giả danh gọi là xe, có phải thế chăng? Vậy trẫm bảo rằng, trẫm đến đây bằng xe đâu phải lời nói dối?

- Tàu đại vương! Cũng thế, tất cả những cái gọi là tóc, lông, móng, răng, da, ngũ uẩn, lục căn... nếu chúng nằm riêng lẻ thì làm sao được gọi là Na-tiên? Nhưng nếu được kết hợp lại thì giả danh gọi là Na-tiên! Bàn tăng nói rằng, bàn tăng tên là Na-tiên thì đâu phải lời nói dối?

Nghe đến đây, đức vua Mi-lan-đà vô cùng thích thú, hết lòng tán thán đại đức Na-tiên:

- Hay lắm! Hôm nay, lần đầu tiên trong đời cái lỗ tai của trẫm rất là hoan hỷ, đại đức có biết thế chăng?

Cả đại giảng đường vang lên tiếng "lành thay, lành thay" làm chấn động cả kinh đô Sàgala.

2. Con số hạ lạp

Để cho không khí im lắng lại một lúc, đức vua hỏi tiếp:

- Đại đức năm nay được bao nhiêu hạ lạp rồi?

- Thưa, bàn tăng tu mới được bảy hạ.

- Con số 7 ấy là đếm luôn cả đại đức vào trong, hay là chỉ đếm cái hạ không thôi? Con số 7 ấy là con số của đại đức hay con số của hạ?

Khi ấy, đức vua đang mặc y phục vương giả với những đồ trang sức quý báu, cái bóng sáng rỡ của ngài rọi vào trong chai đựng nước ai cũng trông thấy rõ ràng. Đại đức Na-tiên đưa tay chỉ, rồi hỏi ngược lại rằng:

- Tàu đại vương! Cái bóng với đồ trang sức rực rỡ trong chai nước kia là đại vương, hay người đang đối thoại với bàn tăng đây là đại vương?

- Trẫm đây mới thật là trẫm, còn cái bóng kia nương nơi trẫm mà có. Nó có là bởi trẫm.

- Cũng thế, tàu đại vương! Số 7 kia là số hạ lạp chứ không phải bàn tăng, nhưng nó có được là do nương gá nơi bàn tăng. Nó có là bởi bàn tăng.

- Hay lắm! Quả thật đúng như vậy! Cục đá quăng qua thì cục chì ném lại. Thật thú vị làm sao!

3. Đàm thoại như một Trí giả hay như một Vương giả?

Sau hai câu hỏi mở đầu, đức vua biết là gặp được bậc trí tuệ, nên ngài muốn đi sâu vào giáo pháp, bèn ướm lời:

- Bạch đại đức! Trẫm rất thích đàm đạo với đại đức về nhiều vấn đề khác nữa, nhưng không rõ đại đức có hoan hỷ không?

- Tâu đại vương! Cái đó còn tùy thuộc nơi đại vương! Nếu đại vương đàm thoại mà lấy tư cách một Trí giả (*Panditavàda*), thì bản tăng sẵn sàng hầu đáp. Nhưng nếu đại vương đứng trên tư cách mình là bậc Vương giả (*Ràjavàda*), thì xin thưa thẳng, bản tăng sẽ không thể hầu đối được.

- Tư cách một Trí giả là như thế nào?

- Tâu đại vương! Phàm là Trí giả nói chuyện với nhau, bao giờ cũng nói lời ngay thật, muốn trao đổi hiểu biết, soi sáng hiểu biết cho nhau. Trong câu chuyện, nếu có những lý lẽ đưa ra, dù đúng, dù sai, dù cao, dù thấp, dù phải, dù trái v.v... các bậc Trí giả không bao giờ vì thế mà phiền lòng hay nóng giận. Họ tôn trọng nhau, dù ý kiến, tư tưởng có bất đồng chẳng nữa. Thắng, bại không hề làm cho họ chau mày, mà chính chân lý, sự thật mới thuyết phục được họ. Nếu gặp phải đối phương là tay lợi trí, lợi khẩu, hùng biện đại tài, bậc Trí giả không vì thế mà tìm cách cản ngăn, áp chế, bắt ngừng nói, đuổi ra khỏi chỗ ngồi; hoặc lươn lẹo dùng những xảo thuật miệng lưỡi, ngụy biện nhằm tranh thắng cho kỳ được! Đây là cốt cách, phong thái đầy hiểu biết của bậc Trí giả, tâu đại vương!

Đức vua gật đầu mỉm cười:

- Đúng bậc Trí giả là vậy! Còn tư cách của bậc Vương giả là thế nào, thưa đại đức?

- Tâu đại vương! Bậc Vương giả vì quen sống trong quyền lực, nhất hô bá ứng, nên khi đối thoại thường quen áp đảo, bắt buộc kẻ khác chấp thuận quan điểm của mình. Nếu có ai đó nói một câu không vừa ý, hoặc đối nghịch với tư kiến của mình; bậc vương giả sẽ không hài lòng, sẵn sàng dùng quyền uy của mình mà bắt tội, chẳng dựa vào lẽ phải và công bằng. Những cuộc nói chuyện như thế rồi chẳng đi đến đâu, vì thái độ và lối xử sự của các bậc Vương giả đã tự ngăn chặn con đường về với sự thật, đốt cháy mối cảm thông và cắt đứt sự hiểu biết. Đối thoại trong tư thế bậc Vương giả thường rơi vào một chiều, phiến diện và ngộ cục như vậy đấy, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà lại gật đầu nữa:

- Hay lắm, thưa đại đức, trẫm đã hiểu rõ rồi. Trẫm chẳng thích cách nói chuyện của người Vương giả, trái lại, trẫm sẽ cố gắng xem mình là người Trí giả để hầu chuyện với đại đức. Khi đối thoại, đại đức hãy quên cái hào nhoáng cao sang bên ngoài của trẫm đi, mà hãy tiếp xúc với chính con người của trẫm thôi. Đại đức cứ nói chuyện một cách tự nhiên, bình thường như đại đức nói chuyện với chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, cận sự nam, nữ v.v...; thậm chí như nói chuyện với người hộ tự, người quét rác, người nấu ăn trong ngôi chùa này cũng được vậy, trẫm không bắt lỗi gì đâu!

- Tâu đại vương! Ngài đã phán những lời rất cao quý, rất hay, rất đúng đắn, đúng là lời của một bậc minh quân vĩ đại nhất trên thế gian. Bần tăng rất khâm phục, và bần tăng sẽ rất hoan hỷ, thoải mái để hầu chuyện với Đại vương như là một bậc Trí giả

- Vậy đại đức hãy nghe Trẫm hỏi.

- Tâu, xin ngài cứ hỏi đi?

- Bạch, trẫm đã hỏi xong rồi.

- Thưa, bần tăng đã đáp rồi.

- Đại đức đáp như thế nào?

- Đại vương hỏi như thế nào?

Đức vua Mi-lan-đà vì vui thích mà thử trí tuệ của đại đức Na-tiên đó thôi, các câu hỏi này chỉ lặp lại, nhưng giảng đường thì mọi người hoan hô, tán thán vang rân.

4. Thịnh mời vào Hoàng cung

Lúc ấy, đức vua nghĩ rằng: "*Vị tỳ kheo này trí tuệ bất khả tư nghì, lại hoàn toàn tự chủ, tự tin. Hiếm có được một người như thế trên thế gian này. Ôi! Ta còn biết bao nhiêu là câu hỏi về lẽ tử sinh, về niềm vui, nỗi khổ, về bí mật đằng sau kiếp sống, nó hằng gặm nhấm ta ngày đêm không nguôi, không dứt. Nhưng hôm nay hỏi thế là vừa đủ, ngày mai ta sẽ thỉnh ngài vào hoàng cung, thì giờ rộng rãi, tha hồ mà đàm đạo.*"

Nghĩ thế, đức vua bảo viên đại thần Devamantiya đến đánh lễ đại đức Na-tiên và xin mời ngài vào hoàng cung ngày mai. Đại đức Na-tiên mỉm cười bằng lòng.

Đức vua cúi đầu, chắp tay chào đại chúng và ngài Na-tiên rồi, rời khỏi chỗ ngồi, theo phái đoàn tùy tùng hộ giá, từ giả. Ngồi trên long xa mà tâm trí đức vua như để đâu đâu, cứ vẫn mơ tưởng đến hình bóng của ngài Na-tiên, chẳng khác gì một ám ảnh! Bất chợt, đức vua thốt thành lời: "Na-tiên ... trí tuệ vô song"!

Sáng hôm sau, trời vừa hửng sáng, 4 viên đại thần Nemittiya, Antakàya, Mankura và Sappadinna cùng nhau vào hầu đức vua, đồng tâu rằng:

- Chúng hạ thần nên thỉnh đại đức Na-tiên như thế nào?

- Thỉnh vào thọ thực và giảng đạo.

- Tâu, cùng bao nhiêu vị tỳ kheo tháp tùng?

- Bao nhiêu vị cũng được, tùy ý đại đức Na-tiên.

Vị đại thần Sappadinna vốn là vị quan thủ khổ, muốn tiết kiệm cho hoàng gia, nên tâu rằng:

- Xin đại vương cho phép mời đại đức Na-tiên với cùng mười vị tỳ kheu nữa là lẽ phải.

- Khanh chớ nhiều lời, trăm đã bảo là hãy để đại đức Na-tiên tùy nghi.

- Tâu đại vương, nếu lỡ đại đức Na-tiên dẫn theo cả trăm ngàn vị thì vật thực tiêu tốn hằng trăm xe và cả hằng ngàn người phục dịch cũng lo không xuể!

Đức vua chột nghiêm mặt lại:

- Nhà ngươi thật là bủn xỉn, keo kiệt! Của tiền, vật thực là của hoàng gia chứ không phải là của ngươi mà tính toán, so đo như thế! Trăm là bậc Đế vương, giàu sang bốn biển; lẽ nào trăm không lo nổi một bữa ăn cho Tăng chúng chùa Sankheyya hay sao? Các ngươi hãy đi đi, ai lo việc nấy, nếu công việc không chu toàn sẽ bị tội "khi quân" đấy!

Bốn vị đại thần sợ hãi, khấu đầu rút lui. Rồi một vị chuẩn bị xuất kho, vị lo lương thực, vị đi huy động người; còn viên đại thần Antakàya tức tốc lên ngựa đi mời thỉnh đại đức Na-tiên.

Đại đức Na-tiên hỏi:

- Mỹ ý của Đức vua muốn bàn tăng cùng đến với bao nhiêu vị?

Đại thần Antakàya cúi đầu:

- Thừa, hoàng cung rộng rãi, của tiền như biển, vật thực như rừng; đức vua bảo rằng, hoàng gia hân hạnh được cung nghinh, cúng dường Tăng chúng đông chừng nào tốt chừng ấy!

Lúc bấy giờ, đại đức Na-tiên đã chuẩn bị đầu đầy xong, với y bát chỉnh tề, ngài cùng với tám mươi ngàn vị tỳ khưu trang nghiêm khởi hành. Thế rồi, cả rừng mây vàng như sóng cuộn tràn qua kinh đô Sàgala, lần lượt tuôn đổ về cung điện. Dân chúng đông nghẹt các ngã đường, nô nức chen lấn nhau để xem một hiện tượng hy hữu: thời của một Tăng chúng huy hoàng và cực thịnh chưa từng thấy ở châu Diêm phù đề!

Viên đại thần Atakàya trao ngựa cho quân hầu, đi bên cạnh đại đức Na-tiên, với lòng vô cùng ngưỡng mộ, y lân la hỏi chuyện:

- Bạch đại đức! Cuộc vấn đáp hôm qua hay quá chừng nhưng tiếc là đệ tử không nắm được nghĩa lý sâu xa, nên còn lăm điều thắc mắc. Trước ngài bảo rằng tên ngài là Na-tiên, sau đó ngài lại phủ nhận Na-tiên ấy, và bảo rằng không hề có Na-tiên?

Đại đức Na-tiên mỉm cười, nói nhỏ:

- Vậy theo ngài, cái gì là Na-tiên?

- Thừa, hơi thở còn là sanh mạng còn, hơi thở duy trì sự sống. Chẳng hay hơi thở ấy có phải là Na-tiên không?

- Thế hơi thở kia có ra mà không có vô thì sao?

- Tâu, sẽ chết ạ!

- Những người thổi kèn, thổi sáo, thổi ống tiêu... họ chỉ thổi ra, mà không thổi vô, là sao nhỉ?

Viên đại thần im lặng.

- Có những đạo sĩ bà-la-môn họ tu phép nhện thở năm ngày, bảy ngày, chẳng vô mà cũng chẳng ra thì phải giải thích làm sao?

- Đệ tử quả thật là không biết, mong đại đức chỉ giáo cho?

- Này Atakàya! Đại đức Na-tiên chậm rãi thuyết giảng - Hơi thở vào ra kia chỉ làm cái phần việc thở vô thở ra mà thôi, tương tự như phận việc của con mắt, của lỗ

tai, của cái lưới ...vậy. Trong tất cả chúng chẳng có cái gì được gọi là chúng sanh, là thức tánh ở đáy cả. Chúng chỉ là "*thân hành*", ngài nên biết như vậy.

- "Thân hành" ấy nó trú ở đâu, bạch ngài?

- Nó trú trong ngũ uẩn, chính xác là trong "sắc uẩn"! Đi sâu vào toàn bộ sắc uẩn ấy, chúng chỉ là rỗng không, chẳng có gì được gọi là Na-tiên, ngài nên hiểu như thế! [*]

Đại thần Atakàya nghe xong, tâm trí sáng suốt, vững niềm tin trong sạch với giáo pháp, thành kính chấp tay nói:

- Bạch đại đức, từ rày xin ngài cho phép đệ tử được làm một cận sự nam trong Phật giáo!

[] Không những sắc uẩn mà thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng trống rỗng như thế. Nhưng khi ngũ uẩn được kết hợp làm một tiến trình, một "ảo tượng", có một chúng sanh (một linh hồn, một tự ngã) ra đời. Thật ra, tiến trình ngũ uẩn ấy sinh diệt liên tục, thay đổi liên tục ...*

5. Cứu cánh của Sa môn hạnh

Sau buổi cúng dường trọng thể, đức vua thỉnh tất cả tỳ khưu Tăng về chùa an nghỉ, chỉ xin lưu lại mười vị cùng với đại đức Na-tiên dự buổi Pháp đàm.

Đức vua thỉnh đại đức Na-tiên cùng mười vị tỳ khưu ngồi cao phía trên, ngài ngồi bên dưới cùng với quần thần, rồi bạch:

- Thưa, trăm đã sẵn sàng rồi.

- Tâu, bàn tăng cũng đã sẵn sàng rồi, đại vương hãy tùy nghi.

- Thế thì trăm xin hỏi đây: Sống đời xuất gia có gì là lợi ích? Có gì là cao thượng?

- Tâu đại vương! Người sống đời xuất gia thành tựu được bốn điều lợi ích:

Thứ nhất là không còn sầu khổ khi một ngũ uẩn sanh, hay gọi là "*khổ sanh*".
Thứ hai, không còn sầu khổ khi ngũ uẩn héo mòn, tiêu tụy, hay gọi là "*khổ già*".
Thứ ba, không còn sầu khổ khi ngũ uẩn đau đớn, nhứt nhối, khó chịu, hay gọi là "*khổ bệnh*".

Thứ tư, không còn sầu khổ khi ngũ uẩn tàn hoại, diệt mất, hay gọi là "*khổ chết*".

Sự thay đổi, biến hoại, tiêu diệt của ngũ uẩn từ sanh, lão, bệnh, đến tử - người xuất gia hằng suy niệm, hằng quán tưởng nên sẽ thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối - là những lợi ích thù thắng đấy, tâu đại vương!

- Đúng thế! Quả thật là lợi ích to lớn giữa cõi nhân sinh này. Còn có cái gì là cao thượng, thật sự cao thượng của người xuất gia, thưa đại đức?

- Thưa, khi người xuất gia không còn bị sinh lão bệnh tử của ngũ uẩn ma vương ấy chi phối nữa, vị ấy thân chứng một trạng thái quân bình tuyệt hảo, hạnh phúc tuyệt hảo; vượt cao, vượt trên tất cả hạnh phúc của trần thế, siêu việt ý niệm, ngũ ngôn: cái ấy giả danh là Niết bàn; nơi không còn sanh tử, khổ đau và phiền não nữa! Đấy là sự cao thượng trên tất cả mọi sự cao thượng, tâu đại vương!

Đức vua rất hoan hỷ hỏi tiếp:

- Tất cả sa môn đều có nguyện vọng như thế sao?

- Tâu đại vương! Cứu cánh sa môn hạnh thì như thế, nhưng trong hàng Tăng lữ hiện có bảy hạng người xuất gia vì lý do khác nhau:

1. Có người xuất gia vì muốn trốn luật vua, phép nước.
2. Có người xuất gia là để được thân cận giới quyền quý cao sang.
3. Có người xuất gia là mong được quyền hành trong một ngôi chùa hay lãnh đạo Tăng lữ, đồ chúng.
4. Có người xuất gia vì thất nghiệp, muốn kiếm miếng cơm manh áo.
5. Có người xuất gia vì cô thế, cô thân, trốn kẻ thù nghịch.
6. Có người xuất gia vì mang công mắc nợ.
7. Có người xuất gia vì sợ sanh tử luân hồi, muốn chấm dứt khổ đau, phiền não.

Thấy đại đức Na-tiên trả lời đâu ra đó rất rõ ràng, minh bạch, lại tự nhiên như hít thở khí trời; ngài phục lẩm, thử ướm hỏi:

- Vậy chắc chắn đại đức vì mục đích cao thượng của hạng người thứ bảy mà xuất gia làm sa môn?

Đại đức Na-tiên mỉm cười gật đầu:

- Thưa, không phải thế! Bàn tăng rời khỏi gia đình lúc bảy tuổi, còn rất nhỏ thì nào biết gì! Sau dần lớn lên, nhờ Thầy tổ, nhờ các vị trưởng lão dày công giáo hóa, trí óc mới khơi mở được chút ít. Hiện giờ thì có thể nói rằng, bàn tăng tu là cốt ý để diệt khổ, đấy không còn là lời nói dối nữa!

Đức vua Mi-lan-đà nghe cách trả lời, cách nói đầy khiêm tốn của đại đức Na-tiên, ngài kính trọng quá, quỳ xuống vấp đầu và nói lớn:

- Ôi lành thay! Cao quý thay!

6. Tái sanh - Vô sanh

Nghĩ ngợi một lát, vua lại hỏi:

- Có ai chết rồi mà không sanh trở lại chẳng?

- Thưa, có kẻ sanh trở lại và có người không sanh trở lại.

- Điều kiện nào để một người bị tái sanh? Và điều kiện nào để một người được vô sanh?

- Tâu, người nào còn tham sân si, phiền não, người ấy còn tái sanh; người nào tiêu diệt được tham sân si, phiền não, người ấy sẽ vô sanh.

Nghe trả lời vậy, đức vua lại đâm ra tò mò:

- Vậy đại đức đã vô sanh chưa?

- Tâu, nếu bản tánh còn phiền não, còn ham muốn sự sống thì bản tánh còn tái sanh; ngược lại, bản tánh sẽ vô sanh!

Đức vua lại tán thán:

- Tuyệt vời thay là cách trả lời của bậc trí tuệ!

7. Chú tâm

- Bạch đại đức, tâm niệm đúng, chú tâm đúng thì có thể nào thành bậc vô sanh được chẳng?

- Tâu đại vương, không phải đơn giản như thế! Bậc vô sanh phải thành tựu đầy đủ 3 pháp sau đây:

1) *Chú tâm đúng.*

2) *Trí tuệ.*

3) *Thiện pháp đầy đủ.*

Thiếu một trong ba chẳng thể vô sanh được đâu.

- Vậy chú tâm đúng không phải là trí tuệ sao?

- Thừa, chú tâm đúng chỉ mới đưa đến chánh định! Chú tâm thì trâu, bò, heo, ngựa ... các loài súc sanh đều có khả năng đó, nhưng trí tuệ thì hơn, thiên mới có!

- Kỳ lạ vậy thay!

8. Hành tướng [*] của chú tâm và trí tuệ cùng sự khác nhau giữa chúng

[*] *Lakkhana*: có thể dịch là tướng trạng, tính chất v.v...

Đức vua hỏi tiếp:

- Xin đại đức cho biết *hành tướng* của *chú tâm* ra sao?

- Thừa, muốn chú tâm phải cần có hai yếu tố: một là phải có một sự cố gắng, một nỗ lực ở bên trong (*ussàhalakkh--ana*); hai là phải nắm bắt, chụp bắt, bắt dính được đối tượng (*gaharalakkhana*).

- Thế còn trí tuệ (*panna*)? *Hành tướng* của *trí tuệ* ra sao?

- Ở đây, tâu đại vương, *hành tướng* của *trí tuệ* là sự cắt đứt, sự tiêu diệt, sự phá hoại, sự đốn bỏ; như cắt đứt tham, sân, si, tiêu diệt phiền não v.v...

- Đại đức làm thế nào đưa ra một ví dụ thực tiễn, cụ thể về chú tâm (*manasikàra*) và trí tuệ (*panna*) để cho trẫm dễ lãnh hội, được chăng?

- Có thể được, tâu đại vương! Đại vương đã từng có khi nào quan sát người nông dân cắt lúa chưa?

- Thừa, trẫm biết rõ lắm.

- Họ làm như thế nào hờ đại vương?

- Thừa, thợ cắt bước xuống ruộng, tay trái gom lúa lại, tay phải cầm lưỡi hái rồi cắt!

- Cũng thế, tâu đại vương! Bước xuống ruộng là một nỗ lực, một cố gắng (*ussàha*); tay trái gom lúa lại là nắm bắt, bắt dính (*gahara*). Bắt dính gì? Bắt dính tham sân si, tùy miên kiết sử. Còn trí tuệ thì cắt lìa, đoạn lìa tất cả phiền não ấy. Như vậy được gọi là chấm dứt luân hồi, được vô sanh, Niết bàn, tâu đại vương!

Đức vua lại cảm thán thốt lên:

- Hay quá! Chẳng có ví dụ nào mà sống động, dễ nghe, dễ thấy, dễ hiểu đến vậy!

9. Tất cả Pháp lành lấy Giới làm sở y

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Trước đây đại đức có nói, muốn thành tựu Niết bàn, vô sanh, phải đầy đủ 3 pháp: chú tâm đúng, trí tuệ và thiện pháp. Chú tâm và trí tuệ thì trẫm đã hiểu rồi, nhưng còn *thiện pháp*, những gì được gọi là thiện pháp?

- Thiện pháp thì rất nhiều, nhưng *Giới* mới chính là nền tảng cho các thiện pháp nảy nở, tăng trưởng, tâu đại vương!

- Xin đại đức hãy giảng cho rộng ra!

- Vâng, Giới là nơi vững trú, nảy nở, tăng trưởng của những thiện pháp sau: ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, bốn thiền, tám pháp giải thoát, một pháp định, ba pháp nhập định ...

- Đại đức hãy cho ví dụ.

- Vâng, ví dụ như đất là nơi mà các hạt giống nảy mầm và lớn lên; đất là nơi mà các loại củ có thể nứt mộng đâm nhánh, đâm cây. Cũng như thế ấy, GIỚI là nơi nảy mầm, tăng trưởng của ngũ căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ ... cùng những thiện pháp khác, tâu đại vương!

- Đại đức có thể cho thêm ví dụ nữa được chăng?

- Thưa, có thể được! Đại vương hãy đưa mắt quan sát đời sống của người nông phu trên thửa ruộng của họ! Phải chăng những người nông phu ấy, họ cày, họ bừa, họ gieo mạ, cấy lúa, gặt hái, ... ở trên đất! Rồi họ có cơm ăn, áo mặc, cưới vợ, sinh con cũng nhờ đất! Đất đã nuôi sống họ, đất đã cho họ đời sống có phải chăng?

Lại nữa, đại vương hãy quan sát những khách thương buôn bán lộ trình xa với một trăm cỗ xe hàng hóa, năm trăm cỗ xe hàng hóa. Họ phải qua sông, qua biển, qua sa mạc, qua rừng núi, thị trấn, làng mạc ... Như vậy, rõ ràng là đất đã chuyên chở họ, đất đã nuôi sống họ. Nếu không có đất không biết hàng hóa di chuyển ở đâu.

Cũng vậy, một hành giả lên đường, đầu tiên là phải biết nương tựa Giới, lấy Giới làm sở y, phát triển Giới cho sung mãn, thanh tịnh thì các thiện pháp mới có cơ hội tụ thành. Xin tâu đại vương rõ!

- Cũng chưa rõ lắm đâu, thưa đại đức! Trẫm muốn nghe nhiều ví dụ nữa.

- Được thôi, đại vương hãy nghe đây! Đại vương chắc đã từng thấy người ta tập luyện, biểu diễn các môn thể thao, các trò vui chơi công cộng chứ?

- Trẫm có thấy!

- Muốn tập luyện hay biểu diễn những nơi lộ thiên công cộng như thế, đầu tiên người ta phải làm sao?

- Đầu tiên người ta tìm một bãi đất trống, rồi sau đó người ta phát sạch lùm bụi, dẫy cỏ, dọn sạch gai góc, miếng sành, miếng chén, đá sỏi v.v..

- Cũng thế, tâu đại vương! Đất làm nơi nương tựa nhưng cũng phải dọn sạch sẽ, bằng phẳng, phong quang thì các trò thể thao, du hí, vui chơi mới biểu diễn được, ý nghĩa này như thế nào thì Giới cũng phải được hiểu như vậy.

- Hay lắm - Đức vua gật - nhưng trẫm muốn nghe ví dụ nhiều cách, nhiều kiểu khác nhau.

- Bàn tăng sẽ cố gắng làm cho đại vương vừa lòng, nhưng đại vương cũng cho phép bàn tăng được hỏi vài câu.

- Rất hoan hỷ - Đức vua nói - Đại đức cứ hỏi đi!

- Quốc độ của đại vương rộng lớn và đẹp đẽ, rất nhiều nơi xứng đáng để xây dựng kinh đô, sao đại vương chọn xứ Sàgala này?

- Vì nó là thượng nguồn của năm con sông lớn nhất Ấn độ. Nơi đây rừng núi bao quanh, sông xanh uốn khúc, quả thật là một nơi sơn thủy hữu tình.

- Đại vương trên thông thiên văn, dưới thông địa lý, lại còn là một nhà chiến lược quân sự nữa; vậy khi xây dựng kinh đô, ngài bắt đầu công việc như thế nào?

- Đầu tiên, trẫm cho vời một số các vị kiến trúc, dưới sự hướng dẫn của trẫm, họ lên một bản vẽ tổng quát toàn bộ hoàng thành: la thành, tường, hào, các lối đi, chính điện, bảo điện, nơi ngự triều, ngọc môn quan, các kho đụn, nơi khánh tiết, lễ hội, hí trường, sân thể thao, hội trường v.v.. và v.v..

- Rồi sau đó, lúc bắt đầu xây dựng, phải làm sao?
- Dĩ nhiên, phải san phẳng toàn bộ mặt bằng, dọn dẹp mặt bằng mới xây dựng được.
- Cũng thế ấy, tâu đại vương! Toàn bộ lâu đài, cung điện, thành quách... của đại vương đều được xây dựng trên đất sau khi đất ấy được làm cho sạch sẽ, phong quang như thế nào thì Giới cũng như thế ấy, phải được làm cho thanh tịnh thì các lâu đài Thiện pháp mới xây dựng ở trên đó được. *Tứ thanh tịnh giới* là chỗ trú mình, chỗ sở y của người xuất gia để thành tựu *tín, tấn, niệm, định, tuệ* cùng các thiện pháp tối thắng khác.

Đức vua gật đầu:

- Tuyệt vời thay là cách dẫn chuyện của đại đức, nhưng chưa đâu, trăm muốn nghe thêm một ví dụ nữa.
- Xin vâng, thế thì cho phép bản tăng được hỏi.
- Đại đức cứ hỏi tự do.
- Trước đây, đại vương từng là một đại tướng lãnh bách chiến bách thắng, ngài đã từng chỉ huy bốn loại quân binh một cách thiện xảo, thiên tài, ngài đã từng chiến thắng những "*trận địa chiến*" rất lớn. Bản tăng xin được hỏi là đại vương thường thiết lập, bố trí "*trận địa chiến*" ấy ra sao?
- Không dấu gì đại đức, chuyện ấy đối với trăm thì dễ dàng như mặc áo, ăn cơm vậy. Đầu tiên trăm quan sát các thế núi, sông, rừng, sa mạc, đồng ruộng, thôn làng. Rồi dự định chỗ tấn, chỗ thoái, chỗ lập đồn lũy, chỗ hư binh, chỗ phục binh v.v.. sau đó, lập sa bàn, tập trận giả, rồi tập trận thật trên địa thế núi sông tương tự ...; rồi còn chiến thuật, tâm lý ... và nhiều lãnh vực chuyên môn khác nữa.
- Chừng đó là bản tăng hiểu rồi, tâu đại vương! Muốn chiến thắng, bách chiến bách thắng, đại vương phải thiết lập vững vàng trận địa, nơi thế đất này, thế núi kia ... tất cả đều được chuẩn bị, dự phòng sẵn. Dường thế ấy, từ Giới lập trận thế, từ Giới lập chiến thuật, chiến lược; từ Giới lập sa bàn; từ Giới mà tiêu diệt đối phương ... thì mười đội binh ma quân phiến não sẽ cởi giáo quy hàng. Nhờ Giới mà *tín* sẽ vững chắc không xao động. Nhờ Giới mà *tấn* không thối thất. Nhờ Giới mà *niệm* không buông lơi. Nhờ Giới mà *định tâm* thêm kiên cố. Nhờ Giới mà *tuệ* càng thêm sáng tỏ.

Tâu đại vương! Đức Phật tổ cũng hằng giáo giới chư tỳ khưu như vậy. Giới năng sanh *thiện pháp*. Giới năng sanh *định*, *định* năng sanh *tuệ*. Có Giới là có tất cả. Nơi nào có Giới thì nơi ấy có *tuệ*. Nơi nào có *tuệ* thì nơi ấy có Giới.

Quả địa cầu là nơi sanh của các loài thảo mộc, động vật, long vương, dạ xoa, đại bàng, muôn thú, người ... như thế nào - thì Giới là nơi sanh trưởng của ngũ căn, ngũ lực ... các cõi trời, phạm thiên, các tầng Thánh quả; cho chí quả vị tối thượng Chánh đẳng giác ... cũng từ Giới mà sở y, nương tựa, tâu đại vương được rõ!

- Hay lắm! Trẫm không còn có lý do gì mà nghi ngờ về Giới nữa. Thật là tuyệt hảo!

10. Hành tướng của Tín

Đức vua lại hỏi tiếp:

- Các thiện pháp đầu tiên lấy GIỚI làm nơi nương tựa, đại đức có nhắc đến ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Vậy hành tướng của Tín là thế nào? Nhờ đại đức giảng rõ.

- Thứ nhất là, Tín có công năng làm cho tâm yên lặng, trong sạch (*Sampasàdanalakkhana*); thứ hai là, Tín có công năng làm cho tâm luôn có khuynh hướng tiến về phía trước (*Sampakkhamdanalakkhana*), tâu đại vương!

- Công năng thứ nhất ấy lợi ích như thế nào?

- Tâu đại vương, Tín phát sanh trong tâm rồi thì nó như cái màng chắn các bụi bặm phiền não, không cho lan vào. Các bụi bặm phiền não ấy thường dấy sinh từ năm *pháp cái*; tức là năm pháp che lấp, ấy là *hôn trầm thuy miên*, *buông lung phóng đật*, *sân*, *dục* và *nghi*. Nhờ vậy, tâm được yên lặng, trong sạch.

- Xin đại đức hãy cho ví dụ để trẫm được sáng tỏ về lợi ích ấy.

- Ví như đại vương dẫn 4 loại quân binh vượt qua một con rạch, nước bị khuấy lên đục ngầu. Lúc bấy giờ đại vương muốn uống nước, bèn sai quân hầu lấy lên bình lọc nước đặt xuống lòng rạch. Bình lọc nước ấy có công năng gạn lọc tất cả bùn dơ đục vẩn, chỉ còn lại nước trong sạch như thế nào thì Tín cũng có công năng lọc sạch ứ phiền não như thế ấy, tâu đại vương.

- Trẫm hiểu điều đó rồi, vậy còn công năng thứ hai, tại sao lại có khuynh hướng tiến về phía trước?

- Ấy là vì người có Tín luôn luôn hướng theo thiện pháp mà đi tới, tự sách tấn mà vượt qua, vượt lên mãi. Như thấy người đắc quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A-na-hàm, A-la-hán ... người có Tín thường nhắc nhở tâm mình làm sao để chạy theo các đạo quả ấy, cố gắng cho đến lúc giác ngộ, giải thoát mới thôi.

- Đại đức có ví dụ nào chẳng?

- Thưa, có chứ! Ví như trận mưa lớn ngập lụt tất cả đường sá, sông hồ. Một đoàn bộ hành dừng chân, e ngại chẳng dám vượt qua vì không biết mực nước nông sâu. Chợt một người đàn ông có vẻ thành thạo ngắm nhìn con rạch, đưa mắt nhìn thế nước, ước lượng dòng chảy, chỗ cạn, chỗ sâu, rồi xắn quần, vén áo thản nhiên lội qua. Bất chước người đàn ông, theo dấu người đàn ông, đoàn bộ hành nhờ vậy mới tiếp tục được lộ trình. Người có Tín cũng như thế ấy, thấy người đi trước mình lội qua được dòng sông sinh tử, thì theo dấu người ấy để lội theo. Thấy người trước mình xắn quần, vén áo lội qua "bờ kia", y cũng cố gắng xắn quần, vén áo quyết bỏ "bờ mê" bên này cho bằng được. Những quả vị Thánh nhân đều là mục đích cho người có Tín hằng nỗ lực để vươn tới, lướt tới cho thành tựu hẳn thôi, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức! Trẫm hiểu rõ Tín là gì rồi.

11. Hành tướng của Tấn

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi:

- Đại đức có nói thiện pháp thứ hai là Tấn, vậy hành tướng của nó thế nào?

- Tấn có công năng hộ trì, nâng đỡ các thiện pháp cho được vững chắc, tăng trưởng; không để cho thiện pháp hư mòn, tiêu hoại hoặc sụp đổ, tâu đại vương!

- Xin đại đức lấy ví dụ cho rõ nghĩa.

- Ví dụ một ngôi nhà muốn được vững bền, lâu năm không bị xiêu ngã thì các cột, kèo, đòn tay... cần phải được chắc chắn. Ngôi nhà chính là thiện pháp; cột, kèo, đòn tay chống đỡ là Tấn, tâu đại vương!

- Trẫm muốn nghe thêm ví dụ.

- Ví như đức vua ra trận mà quân giặc quá mạnh, phải phái thêm viện binh mới thắng địch được. Quân giặc mạnh ví như ác pháp mà viện binh chính là Tấn. Như vậy, Tấn có hai công năng, thứ nhất là hộ trì thiện pháp (*ví dụ đầu*) và thứ hai là tiêu trừ ác pháp (*ví dụ sau*), đúng như kệ ngôn Đức Thế Tôn đã thuyết:

"Này các thầy tỳ khưu! Tấn là sức mạnh của bậc Thánh Văn, nó hộ trì thiện pháp và tiêu trừ ác pháp; làm cho tội lỗi tiêu hoại và phước đức phát triển. Có Tấn thì chẳng bao giờ lìa xa Chánh pháp."

- Thế là trăm đã sáng tỏ!

12. Hành tướng của Niệm

- Còn *Niệm* là thế nào, thưa đại đức?

- Niệm cũng có hai chức năng. Thứ nhất là nhắc nhở tâm, thứ hai là giúp tâm cầm nắm.

- Nhắc nhở tâm như thế nào?

- Thưa, bất cứ một pháp nào phát sanh lên, Niệm có bốn phận nhắc nhở tâm ghi nhận pháp ấy. Ghi nhận một cách thuần túy khách quan. Chức năng thứ nhất của Niệm là như vậy đó, tâu đại vương!

- Xin đại đức cho thí dụ.

- Vâng! Ví như người canh cửa của đức vua, y phải tự nhắc nhở mình thường xuyên là đừng có lơ đãng nhiệm vụ, người nào đi vô đi ra phải biết. Như vị quan giữ kho của đức vua, y phải biết rõ đây là kho lương thực, đây là kho vàng bạc, vải vóc, quân nhu, khí giới v.v... Như vậy, Niệm như là người canh cửa, như vị quan giữ kho - đấy là chức năng thứ nhất, tâu đại vương!

- Vậy là trăm đã hiểu. Còn "*cầm nắm*" là thế nào hờ đại đức?

- Tâu đại vương! Một pháp phát sanh lên, niệm không những nhắc nhở tâm ghi nhận pháp ấy mà còn "*cầm nắm*" trọn vẹn cái thiện, cái ác ấy nữa. Các pháp như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, ngũ căn, ngũ lực... nghĩa là ba bảy trợ đạo phẩm, tứ vô lượng tâm cũng phải được hiểu như vậy.

- Trăm muốn nghe ví dụ để hiểu rõ vấn đề hơn.

- Được thôi, tâu đại vương! Ví như người canh cửa của đức vua, sau khi không lơ đãng nhiệm vụ thấy rõ người nào đi vô đi ra, mà còn biết đây là quan, đây là dân, đây là người được phép vào, đây là người không được phép vào. Ví như quan giữ kho của đức vua sau khi biết đây là kho vàng, kho bạc, kho lương thực mà còn nắm vững tình trạng của kho ấy, biết kho vàng, kho bạc nhiều hay ít, biết kho lương thực đầy hay vơi, v.v... Để khi vua cần hỏi, vị quan giữ kho có thể cho

đức vua nắm rõ tài sản, kim ngân trong cung khổ của mình. Chức năng thứ hai của Niệm là có thể trình cho biết các pháp lui tới tâm như thế nào, nó thiện hay ác, tốt hay xấu như vị quan giữ kho trình lên đức vua vậy tâu đại vương .

- Cảm ơn đại đức. Ví dụ vậy là tuyệt hảo, trẫm "nắm giữ" được pháp và nghĩa của Niệm rồi.

13. Hành tướng của Định

- Thế nào là *Định*? Đức vua hỏi tiếp - hành tướng của Định là như thế nào, thưa đại đức?

Đại đức Na-tiên đáp:

- Tâu đại vương! Định là quy tâm về một mối, là *cột tâm*, là tập trung tâm lại không cho loạn động. Trong tất cả thiện pháp, Định là chủ trì, Định là nguyên đĩnh, Định là tối thắng, Định là chỗ hướng về, Định là nơi tụ họp, Định là chỗ tiến tới, Định là chỗ chảy xuống...!

- Đại đức hãy cho ví dụ.

- Ví như đại vương dẫn 4 loại quân binh ra trận mạc. Bốn loại quân binh ấy sẽ y cứ nơi đức vua, họ xem đức vua là lớn, là bậc thống lĩnh tối cao, đức vua là chủ trì, là nguyên đĩnh, là tối thắng, là chỗ hướng về, là nơi tụ họp, là chỗ tiến tới, là nơi chảy xuống... tâu đại vương! Ví dụ này như thế nào thì các thiện pháp sẽ y cứ Định là bậc chủ trì như vậy, do Định mà phát sanh y như thế ấy; đúng như câu Phật ngôn mà Đức Thế Tôn đã thuyết:

"Này các thầy tỳ khưu! các thầy hãy tinh cần tiến tu thiền định. Người nào có thiền định rồi, người ấy sẽ dễ dàng chứng đắc đạo quả, giác ngộ ba minh."

- Tâu đại vương! Vậy đại vương có thắc mắc gì về Định nữa chăng?

- Không. Đức vua đáp - trẫm đã thông suốt lắm rồi.

14. Hành tướng của Tuệ

- Xin đại đức giảng giải cho trẫm nghe về Tuệ?

- Tuệ cũng có hai chức năng, tâu đại vương! Chức năng thứ nhất là cắt lìa, cắt đứt, đốn bỏ, diệt tận, hủy diệt như bàn tăng đã trình bày. Còn chức năng thứ hai là soi sáng, là chiếu soi, là tự chiếu..., tâu đại vương!

- Chức năng thứ nhất thì trẫm đã lãnh hội rồi, vậy hãy cho nghe chức năng thứ hai? Cái gọi là soi sáng tỏ tường ấy là gì?

- Tâu đại vương! Khi Tuệ tâm sở phát sanh lên rồi thì nó có công năng soi tỏ cho ta thấy rõ đâu là mê si, đâu là vô minh, đâu là khổ, đâu là nguyên nhân khổ, đâu là vô thường, đâu là vô ngã, đâu là con đường thoát khổ ... một cách rõ ràng minh bạch.

- Xin cho nghe ví dụ?

- Ví như người cầm cây đèn sáng đi vào căn nhà tối tăm; nhờ ngọn đèn soi sáng họ thấy rõ đường đi lối lại, thấy rõ đây là bàn, ghế, tủ, giường v.v... Ngọn đèn sáng là Trí tuệ mà các vật dụng trong nhà là các thiện pháp, ác pháp ở trong tâm đấy, tâu đại vương!

- Trẫm đã rõ. Nhờ đèn sáng mà bóng tối tự lui, cũng vậy, nhờ Tuệ mà vô minh tự diệt. Hay thay!

15. Ngũ căn - riêng và chung

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi tiếp:

- Đại đức vừa trình bày xong ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ và gọi đó là những thiện pháp. Những thiện pháp ấy có tên gọi, chức năng, công dụng khác nhau. Thế chúng đứng độc lập, riêng biệt; chẳng có cái "*chung*" gì cả sao?

- Có chứ, tâu đại vương!

- Cái "*chung*" ấy là gì?

- Cái chung ấy là cùng hướng về một mục đích, cùng thành tựu một lợi ích, tâu đại vương.

- Mục đích ấy là gì? Lợi ích ấy là gì?

- Mục đích và lợi ích ấy chính là ngăn tất cả các điều dữ, diệt tất cả các phiền não, tâu đại vương!

- Xin đại đức cho ví dụ.

- Ví như đại vương dẫn bốn loại quân binh: bộ binh, tượng binh, mã binh, xa binh ra trận. Bốn loại binh ấy có tên gọi khác nhau, hình tướng, chức năng, công

dụng khác nhau nhưng đều thành tựu chung một lợi ích, một mục đích: ấy là đem về vinh quang và chiến thắng cho đại vương!

- Đúng thế! Trẫm rất hài lòng về ví dụ ấy.

16. Tương quan thân trước và sau

- Trẫm có điều thắc mắc. Chúng sanh trong thế gian này có nhiều loài, nhiều loại; như đàn ông, đàn bà, bàng sanh, noãn sanh, thấp sanh v.v... Khi chúng chết đi, thác sanh trở lại, thì đàn ông vẫn làm đàn ông, đàn bà vẫn làm đàn bà; loài hai chân thành loài hai chân, loài bốn chân thành loài bốn chân... hay sao, thừa đại đức?

- Ý đại vương nói rằng, *thân trước thân sau* vẫn mang hình tướng ấy? Con người cũ ấy?

- Đúng là trẫm muốn hỏi như thế!

- Nói con người cũ là không phải, mà nói chẳng phải con người cũ cũng không phải, tâu đại vương!

- Xin đại đức cho nghe rõ hơn?

- Ngay trong kiếp sống này thôi mà lập ngôn như thế cũng đã sai rồi. Khi chúng ta sanh ra trên đời này, kể từ khi thai nhi nằm trong bụng mẹ, hài nhi nằm trong nôi, lớn lên biết bò, biết đi rồi khôn lớn trưởng thành, trung niên, già lão. Nay đại vương! Vậy đứa bé và ông lão ấy cùng là một con người hay là hai con người?

- Một cũng thật, hai cũng chẳng nhầm!

- Bệ hạ lúc còn là hài nhi, còn ẵm ngửa trong lòng quốc mẫu với bệ hạ bây giờ có khác gì nhau không?

- Khác chứ sao không! Hồi đó nhỏ dại mà bây giờ lớn khôn. Thân thể đã khác mà hiểu biết cũng khác nữa.

- Nếu đại vương nói thế thì không những bệ hạ khác mà mẫu hoàng, phụ hoàng, thầy dạy học của bệ hạ cũng khác nữa. Bần tăng nghi ngờ lắm. Nghi ngờ rằng, cha mẹ của bệ hạ bây giờ không phải là cha mẹ thuở xưa của bệ hạ. Phụ hoàng và thầy dạy học của bệ hạ cũng là người khác rồi. Một kẻ tội đồ, gây ác nghiệp cách đây mấy năm là một người khác, bây giờ bị cắt tay, cắt chân lại là một người khác nữa hay sao?

- Không phải thế! Ý trẫm không phải là vậy. Nếu là đại đức thì đại đức trả lời sao?

- Tâu đại vương! Bần tăng sẽ trả lời rằng, lúc còn bé nhỏ là bần tăng, mà lúc lớn lên cũng là bần tăng chứ không phải người khác. Cái thân có thay đổi từ bé, trung niên đến già lão, nhưng vẫn tồn tục một sinh mạng ấy thôi.

- Xin cho ví dụ.

- Ví như cây đèn đốt cháy đầu hôm cho đến sáng, đầu hôm thì đầy dầu, sáng thì cạn dầu. Tâu đại vương! Vậy thì đầu hôm, giữa khuya và sáng là ba cây đèn khác nhau chăng?

- Chẳng phải thế. Nó chỉ là một cây đèn ấy được cháy đỏ liên tục đầu hôm đến sáng.

- Tất cả chúng sanh cũng y như thế đó, tâu đại vương. Danh và sắc đầu tiên kết hợp thành thân và tâm này tạo nên một sanh mạng, một đời sống hữu tình; tuy thân và tâm đều vô thường, thay đổi nhưng nó vẫn duy trì tồn tục sanh mạng cho đến lúc chấm dứt tuổi thọ. Già lão có thay đổi nhưng vẫn là một con người ấy mà thôi

- Cho xin ví dụ nữa.

- Ví như sữa tươi, để lâu thành sữa chua, thành sữa đặc, thành sữa trong v.v... Nói sữa tươi là sữa chua thì hẳn không đúng, nhưng nếu nói sữa chua không do sữa tươi mà ra thì sai. Tương quan thân lão và thân hài nhi là vậy, cho chí kiếp này qua kiếp kia cũng y như thế, tâu đại vương!

Đức vua gục gặc đầu:

- Chí lý! Sanh trở lại, bảo là con người cũ là sai, không phải con người cũ cũng sai nốt. Hay lắm! Chí lý lắm!

17. Tái sanh và Vô sanh

Đức vua hỏi:

- Thế người không còn tái sanh, có thể tự mình xác tín, biết rõ điều đó chẳng hở đại đức?

- Có thể được, tâu đại vương!

- Bằng cách như thế nào?
- Thưa, ai thấy mình không còn gây nhân phiền não, cấu sanh; nghĩa là không còn vô minh và ái dục thì người đó biết chắc mình không còn sanh lại trong ba cõi, sáu đường nữa.
- Trẫm muốn nghe ví dụ.
- Ví như người làm ruộng, đầu mùa lo cày bừa, gieo mạ thì cuối vụ ông ta gặt lúa, cất lúa vào bồ. Năm sau, vì một lý do nào đó, người làm ruộng kia không còn cày bừa, gieo mạ nữa - thì ông ta có còn gặt lúa, cất lúa vào bồ chẳng, tâu đại vương?
- Có lúa đâu mà gặt, mà cất!
- Tại sao đại vương biết?
- Vì ông ta có cày bừa và gieo mạ đâu!
- Đúng thế! Cày bừa, gieo mạ là nhân; gặt lúa cất vào bồ là quả. Cũng thế, chúng sanh có gây nhân cấu sanh, ái dục nên còn quả tái sanh; người tu hành đắc đạo tự biết mình không gây nhân cấu sanh, ái dục nên biết chắc rằng không còn tái sanh nữa, tâu đại vương!
- Rất dễ hiểu, thưa đại đức .

18. Trí và Tuệ (nana-panna)

- Trí và Tuệ khác nhau như thế nào, thưa đại đức?
- Trí thuộc về nhận thức, kiến thức, hiểu biết; còn Tuệ là thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã. Trí là thông minh mà Tuệ là sáng suốt, vậy nó khác nhau, tâu đại vương!
- Thông minh và sáng suốt khác nhau sao?
- Thông minh là học nhanh, hiểu nhanh, học một biết hai, có thể có kiến thức sâu rộng, nhưng nếu không biết tu tập có thể đi đến tà trí. Còn người sáng suốt thì tự biết tâm mình, có tu tập, thấy rõ pháp; nó cũng được gọi là chánh trí hay chánh tuệ, tâu đại vương!
- Người có được Tuệ có thể biết mọi sự, mọi vật không, thưa đại đức?
- Có điều biết, có điều không biết.

- Tại sao?
- Những gì có học thì biết, những gì không học thì không biết. Đơn giản có vậy. Trí thuộc phạm trù hiểu và biết, Tuệ thuộc về cái thấy không còn làm lẫn như: vô thường cho là thường, vô ngã cho là ngã, khổ cho là lạc!
- Vậy người có Trí còn si mê, làm lẫn; người có Tuệ thì hết si mê, làm lẫn?
- Đúng vậy!
- Thế khi Tuệ phát sanh thì si mê, làm lẫn ấy đi đâu?
- Nó diệt mất.
- Đại đức hãy cho ví dụ.
- Ví như cầm cây đèn rọi vào hóc tối, ánh sáng hiện thì bóng tối tự tiêu, tâu đại vương.
- Còn Tuệ, nó mất chăng?
- Nó cũng diệt mất, nhưng công việc mà Tuệ đã làm, như cho ta thấy biết chân tướng của cuộc đời, cho ta thấy rõ lý vô thường, khổ và vô ngã của pháp thì vẫn còn, tâu đại vương!
- Sao lạ vậy? Điều đó trăm ngờ lắm. Hãy cho trăm nghe ví dụ xem nào?
- Vâng, ví như một người thắp đèn để viết sách, viết xong, tắt đèn; đèn tuy tắt nhưng chữ vẫn còn lưu lại trên giấy, tâu đại vương .
- Xin cho một ví dụ nữa.
- Một người đề phòng hỏa hoạn, sắm sẵn năm chum đầy nước. Khi hỏa tai, người ấy lấy nước trong năm chum đem ra sử dụng, dập tắt được lửa. Tai qua nạn khỏi, người ấy chẳng cần dùng năm chum nước ấy nữa, phải thế chăng? Cũng như thế, năm chum nước được ví cho ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ; khi rưới tắt được lửa tham sân si, phiền não rồi, xong phận sự rồi nó sẽ tự diệt; nhưng không, vô tướng và giải thoát thì vẫn còn, tâu đại vương!
- Trăm muốn nghe ví dụ nữa.
- Ví như vị lương y dùng năm loại dược thảo, bào chế ra phương thuốc trị bệnh cho bệnh nhân. Uống xong, lành bệnh, vị lương y có còn dùng lại năm loại dược thảo kia để cho bệnh nhân uống nữa không, tâu đại vương?

- Không cần thiết nữa.

- Đúng thế, bệnh lành rồi không cần thuốc như thế nào, các tùy miên kiết sử phiền não đã diệt rồi thì ngũ căn tín, tấn, niệm, định, tuệ cũng không dùng nữa y như thế ấy. Chỉ còn lại *niềm hạnh phúc chân thật* thôi, tâu đại vương!

- Đã rõ lắm rồi nhưng đại đức còn có thể cho thêm ví dụ nữa chăng?

- Có thể được chứ! Ví như đại vương có lần cầm quân xuất trận. Cứ mỗi lần đại vương bắn một mũi tên lửa là dấu hiệu tấn công, bắn năm mũi tên lửa là năm đợt tấn công, quân địch bại trận. Thế thì sau khi chiến thắng, đại vương có cần bắn năm mũi tên nữa hay chăng?

- Bắn làm gì nữa, đại đức.

- Đúng thế! Năm mũi tên chính là năm đội quân thiện pháp, quân giặc bại trận ví như ác pháp, vô minh, ái dục. Người giác ngộ sẽ không còn sử dụng binh khí gì nữa mà chỉ thọ hưởng an lạc siêu thế thôi, tâu đại vương!

- Hay lắm! Trẫm không còn ngờ gì nữa.

19. Bạc vô sanh có còn đau khổ không?

Đức vua hỏi:

- Bạc Vô sanh, nghĩa là người đã Niết bàn, có còn đau khổ chút ít nào không, thưa đại đức?

- Một chút ít thọ khổ ấy cũng không có, tâu đại vương!

- Vậy thì trong đời này, các ngài chứng ngộ lý Vô sanh rồi có còn thọ khổ chút ít không?

- Thọ khổ nơi thân thì còn mà thọ khổ trong tâm thì không, tâu đại vương!

- Tại sao thế?

- Thân còn thọ khổ vì thân còn bị già, bị bệnh, còn bị sự biến hoại đổi khác do các định luật tự nhiên chi phối như định luật sinh học, định luật khí hậu, thời tiết, nắng mưa v.v... Tâm không còn thọ khổ nữa là do tâm ấy đã dập tắt tất cả mọi nguyên nhân tạo tác đau khổ: ấy là vô minh, ái dục!

- Giác ngộ, giải thoát rồi mà còn đau khổ nơi thân, thế sao các ngài không Niết bàn đi?

- Tâu đại vương! Các ngài chưa Niết bàn vì các ngài chẳng tham cầu sự sống mà cũng chẳng bất bình, chán ghét sự sống. Các bậc A-la-hán ấy họ sống an nhiên, tự tại giữa cuộc đời, còn duyên thì đến, hết duyên thì đi. Trái cây kia chưa đúng thời, chưa chín thì họ chẳng mong chín mau, chín vội bao giờ! Cho nên tôn giả Xá-lợi-phất thuở còn sinh tiền, có câu kệ ngôn sau:

" - *Tịch diệt chẳng ưa thích
Mà sự sống cũng không
Chẳng hy cầu tham luyến
Chẳng trái ý nghịch lòng
Còn duyên, thời thì ở
Hết duyên, thời thì đi
Không, vô tướng, vô tác
Tùy hữu vi, vô vi!"*

Đức vua Mi-lan-đà cảm thán thốt lên:

- Hay thay! Tuyệt vời thay! trẫm đã hiểu.

20. Cảm Thọ

Đức vua lại hỏi tiếp:

- Thưa đại đức! Khi một người cảm thấy vui thì cái ấy là thiện chăng? Và khi cảm thấy khổ thì cái ấy là ác chăng?

- Cũng tùy trường hợp, tâu đại vương! Thọ vui thiện cũng có, ác cũng có, mà vô ký cũng có, ngược lại thọ khổ cũng y như thế.

- Sao lạ vậy? Vui sao có thể là ác? Khổ sao có thể là thiện? Thiện và khổ có lẽ nào lại tương hợp, đi chung đường?

- Khó nói lắm! Tâu đại vương! Trên thế gian này biết bao người đăm đuối trong ngũ dục, trong ác pháp, trước pháp mà họ cứ vẫn nghĩ là vui, là hạnh phúc? Biết bao người làm việc lành, cố gắng lìa xa ngũ dục mà họ cứ vẫn nghĩ là khổ, và họ bảo rằng đây là khổ thanh cao? Các quan niệm vui khổ quả thật tương đối lắm thay! Nếu như đại vương hiểu rõ về tất cả mọi cảm thọ thì đại vương sẽ không đặt những câu hỏi tương tự.

- Trẫm vẫn chưa hiểu ra điều ấy.

Đại đức Na-tiên hỏi:

- Có người tay mặt nắm lấy một cục sắt nóng, tay trái nắm một phiến băng lạnh! Bàn tăng hỏi thử đại vương; hai tay người ấy thọ nhận cảm giác gì? Cả hai tay đều run rẩy chẳng?

- Không phải.

- Cả hai tay đều bị nóng đốt chẳng?

- Cũng không phải.

- Một tay nóng, một tay lạnh chẳng?

- Trong một lúc làm sao có hai cảm giác?

- Vậy thì nóng lạnh giao hòa, đã hòa nhau thì nóng lạnh triệt tiêu?

- Cũng chẳng phải thế!

Đại đức Na-tiên bèn giảng giải:

- Tâu đại vương! Ngay chính những cảm giác nóng lạnh thô tháo ở nơi thân mà chúng ta cũng khó nhận biết, huống hồ là những cảm thọ vi tế thuộc vui, thuộc khổ ở nơi tâm! Vui khổ, thật ra, rất tương đối vậy!

- Xin đại đức giảng rộng ra cho trẫm được lãm tường.

- Thừa vâng, có sáu lạc thọ nương sáu trần cảnh của người thỏa thích trong ngũ dục, đấy gọi là sáu lạc thọ thô trước của thế gian. Có sáu lạc thọ hành trình trong sáu trần cảnh của người xuất ly thế gian, có *minh sát tuệ*, đấy gọi là sáu lạc thọ thanh cao. Có sáu khổ thọ nương sáu trần cảnh của người đắm say ngũ dục, đấy là sáu khổ thọ thô trước của thế gian. Có sáu khổ thọ hành trình trong sáu trần cảnh của người xuất ly thế gian, có *minh-sát-tuệ*, đấy gọi là sáu khổ thọ thanh cao. Có sáu xả thọ của người thỏa thích trong ngũ dục, đấy gọi là sáu xả thọ thô trước của thế gian. Có sáu xả thọ hành trình trong sáu trần cảnh của người xuất ly thế gian, có hành *minh sát tuệ*, được gọi là sáu xả thọ thanh cao. Tất cả mười hai thọ lạc, mười hai thọ khổ, mười hai thọ xả ấy nhân với ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, tổng cộng có một trăm lẻ tám cảm thọ, tâu đại vương! Vậy thì những cảm thọ ấy, ta có thể xác định được rằng, cảm thọ này là thiện, cảm thọ kia là ác được chẳng?

- Khó nói lắm, thưa đại đức.

- Thằng hoặc, có thể xác định được rằng, thọ khổ chính là ác và thọ lạc chính là thiện chăng?

- Cũng khó nói vậy thay!

Trầm ngâm một lát, đại đức Na-tiên hỏi tiếp:

- Thế đại vương còn thắc mắc gì về cảm thọ nữa chăng?

- Còn đấy, thưa đại đức! Tại sao một tay cầm cục sắt nóng, một tay cầm phiến băng lạnh, ta khó cảm nhận được nóng hay lạnh?

- Tâu đại vương! Vì khi xúc phát sanh thọ, thì thọ ấy chỉ có một tâm. Một tâm thì trong một lúc không thể nhận hai trần cảnh được!

- Trường hợp ấy có thể ví, là nếu đã thọ khổ thì không thể thọ lạc, đã thọ lạc thì không thể thọ khổ, phải thế không thưa đại đức?

- Vâng!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

021-048

21. Cái gì dẫn dắt đi tái sanh?

Đức vua hỏi:

- Cái gì dẫn dắt chúng sanh đi tái sanh, thưa đại đức?

- Là *danh, sắc*, tâu đại vương!

- Nghĩa là danh sắc của con người cũ này sanh trở lại?

- Không phải vậy, tâu đại vương! Chính danh sắc này làm các việc thiện ác; và chính do năng lực của nghiệp thiện ác ấy mà một danh sắc khác kế tục được sanh ra để nhận lãnh quả phước hoặc tội đã tạo tác.

- Nếu danh sắc cũ mà không sanh trở lại, thì đời này làm ác, đời sau đâu có chịu tội báo? Và như thế có nghĩa là mình đã thoát khỏi luân hồi sinh tử sao?

- Không phải vậy, tâu đại vương! Chỉ có người không còn gây nhân thiện ác mới chấm dứt tái sanh, chứ nếu còn gây nhân thiện ác thì sẽ sanh trở lại để thọ nhận quả báo, vòng sinh tử vì thế sẽ tiếp nối mãi không ngừng. Danh sắc cũ và danh sắc mới cũng chính là mình đấy chứ không phải ai khác.

- Xin đại đức hãy cho ví dụ.

- Ví như kẻ trộm xoài, chủ nhà bắt được quả tang dẫn đến đại vương nhờ xử trị. Bị cáo cãi rằng: "*Hạ thần không hái xoài của người ấy. Trái xoài của anh ta trồng hồi trước chỉ là hạt mầm ở dưới gốc còn trái mà hạ thần hái là trái to ở trên cành. Hạ thần không có ăn trộm.*" Tâu đại vương! Với lý lẽ như thế, đại vương có xử phạt y được không?

- Thưa đại đức, dẫu có ngụy biện hay ho, trăm vẫn xử phạt tên ăn trộm kia như thường!

- Sao lại thế được? Y đâu có hái cắp trái của người kia trồng đâu mà xử tội, hở đại vương?

- Đành rằng thế, nhưng mà trái cây y hái trộm ấy cũng do từ trái kia sanh ra, nó nảy mầm, tăng trưởng mà thành. Cho nên người kia cũng không thoát khỏi tội.

Tỳ khưu Na-tiên gật đầu:

- Cũng như thế đó là danh sắc cũ và danh sắc mới, tâu đại vương . Việc tái sanh từ đời này sang đời kia cũng vậy. Các nghiệp thiện ác trong đời giống như đã gieo hạt giống, nảy mầm, tăng trưởng, mai sau tất có quả báo.

Đức vua Mi-lan-đà cũng gật đầu:

- Trẫm đã hiểu, nhưng xin Đại đức cho một ví dụ nữa.

- Có thể được. Ví dụ có người đốt lửa sưởi ấm bên bờ ruộng, lửa ấy cháy lan sang một đám ruộng, người chủ ruộng bắt dẫn đến đại vương xử trị. Người đốt lửa tâu rằng: "*Lửa của hạ thần đốt lên là lửa khác, lửa cháy ruộng ấy là lửa khác, không phải là lửa của hạ thần.*" Người kia nói lý như vậy, đại vương có bắt tội chăng?

- Dĩ nhiên là bị tội rồi.

- Vì có sao, tâu đại vương?

- Vì lửa cháy ruộng ấy cũng do từ lửa anh ta sưởi ấm trên bờ ruộng mà sanh ra, nên y không thể chạy tội được.

- Cũng vậy, ngọn lửa trước là danh sắc cũ, ngọn lửa cháy ruộng tức là danh sắc mới, có được cũng từ danh sắc cũ mà ra.

- Xin cho nghe một ví dụ nữa.

- Ví như người đốt đuốc ngoài sân để ăn cơm, vô ý để tàn lửa bay sang đồng rơm, lan sang nhà hàng xóm rồi thiêu rụi cả làng. Dân làng bắt y dẫn đến cho đại vương xử tội. Y cãi cố rằng, lửa cháy nhà là lửa khác còn lửa của y là ở nơi bó đuốc dùng để ăn cơm mà thôi! Đại vương có trị tội được y chăng?

- Trị tội được chứ!

- Vì có sao?

- Vì lửa cháy nhà có được là do từ lửa nơi bó đuốc của y.

- Cũng như thế đó là ngũ uẩn cũ và ngũ uẩn mới, tâu đại vương! Ngũ uẩn này (danh sắc cũ) tuy đã tắt nhưng cũng bởi nó mà tạo nên ngũ uẩn mới (danh sắc mới).

- Cho nghe một ví dụ nữa.

- Có người đàn ông nạp lễ vật dạm hỏi một cô gái còn nhỏ, đợi lớn lên hẳn cưới, nhưng sau đó ông ta đi làm ăn xa. Cô gái lớn lên, có người đàn ông khác đem lễ vật hậu hỉ đến cưới đem đi. Người đàn ông đi làm ăn xa trở về vác đơn thưa kiện. Người kia cãi rằng: "*Vợ cũ của anh chỉ là một cô bé, còn vợ của tôi đây là một thiếu nữ.*" Vậy thì trường hợp ấy, đại vương xử cho ai thắng?

- Dĩ nhiên là cho người đàn ông trước thắng kiện.

- Tại sao lại như thế?

- Vì thiếu nữ kia cũng từ cô bé mà trưởng thành chứ có phải là người khác đâu.

- Cũng như thế đó là thân này và thân kia, danh sắc cũ và danh sắc mới, tâu đại vương!

- Đại đức còn có ví dụ nào nữa chăng?

- Có thể được, tâu đại vương! Ví như có người đến một chủ nuôi bò mua sữa. Mua xong, anh ta gửi bình sữa lại hẹn lát sau đến lấy, nhưng vì bận việc, hôm

sau mới tới lấy sữa. Nhưng sữa đã chua, anh ta bảo rằng, anh không mua sữa chua và yêu cầu chủ bò đổi bình sữa mới. Người chủ bò không chịu, bảo rằng sữa chua là vì để cách đêm chứ không phải là sữa khác. Thế rồi hai người cãi vả nhau. Trường hợp đại vương thì đại vương xử cho ai được kiện?

- Chủ nuôi bò.

- Tại sao?

- Sữa để cách đêm thì nó chua chứ có phải là sữa khác đâu.

- Danh sắc cũ tạo nghiệp thiện ác nên có được danh sắc mới cũng y như thế, tâu đại vương .

- Trẫm hoàn toàn lãnh hội rồi, cảm ơn đại đức!

22. Không nên hỏi lại câu đã hỏi

Đức vua Mi-lan-đà chợt hỏi:

- Đại đức hiện nay có còn tái sanh nữa chăng?

- Câu này, đại vương đã hỏi rồi mà bản tăng cũng đã trả lời rồi: rằng, nếu bản tăng còn tham sân si phiền não, còn ham muốn sự sống thì bản tăng còn tái sanh, bằng ngược lại, bản tăng sẽ vô sanh.

Tuy nhiên, đại vương nghĩ như thế nào, nếu có kẻ hết lòng trung thành với đại vương, lập nhiều chiến công cho đại vương, đã được đại vương ban thưởng trọng hậu, thế mà người ấy cứ than phiền với người khác rằng, đại vương chẳng hề cho y cái gì cả! Lời nói của người ấy là lời nói đáng hay không đáng nói, hờ đại vương?

- Thật không nên nói như thế.

- Cũng vậy là câu hỏi của đại vương! Câu hỏi ấy thật không đáng hỏi một tí nào.

Đức vua Mi-lan-đà cười, nói nhũn nhặn:

- Trẫm đã lĩnh ý, cảm ơn sự quở trách khéo léo của đại đức.

23. Danh sắc tương quan liên hệ

Vua hỏi:

- Đại đức đã nói đến danh sắc, vậy cái gì là *danh*, cái gì là *sắc*?
- Thưa, phàm vật gì mắt thấy được, sờ nắm được, xúc chạm được, cái ấy được gọi là sắc pháp; cái gì có tính trừu tượng như tâm vương, tâm sở... thuộc ý niệm, tư tưởng... thì gọi là danh pháp.
- Tại sao các danh pháp thì có tác đến đời sau còn sắc pháp thì không?
- Chẳng phải thế đâu, tâu đại vương! Hai pháp danh sắc này tương quan tương liên với nhau. Danh phải nương gá vào sắc, sắc phải nhờ danh mới hiện hữu để cấu tạo thành một sanh mạng. Chúng luôn luôn nương nhau, không từng lìa nhau bao giờ.
- Xin cho nghe ví dụ.
- Ví như một cái phôi trứng, ban đầu nó trong và ướt, sau đó nó đặc sệt, dần dần tượng hình thành quả trứng rồi nở thành chim, thành con gà. Cái phôi thai ban đầu ấy sờ dĩ có được là do nhờ thức tái sanh (danh) nương gá vào sắc chất (sắc) của gà mà tạo nên mầm sống. Trong mầm sống ấy đã có danh và sắc nương gá lẫn nhau, tương quan tương liên với nhau, đồng sanh, đồng hiện hữu đã từ vô thủy đến nay rồi, trải qua thời gian dài vô tận.
- Hay lắm!

24. Thời gian và không còn thời gian

Đức vua lại hỏi tiếp:

- Đại đức vừa nói đến thời gian, rồi lại còn nói thời gian dài vô cùng tận, điều ấy được hiểu như thế nào?
- Thưa, thời gian thường trải qua ba thì: quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ thì vô thủy (*không có khởi đầu*) vị lai thì vô chung (*không có chấm dứt*), nên nói quá khứ, vị lai đều vô cùng, vô tận; còn hiện tại thì chỉ là cái chớp mắt thoáng trôi, đại vương nên có ý niệm về thời gian như vậy.
- Cả ba thì quá khứ, hiện tại, vị lai tức là thời gian; và thời gian này luôn luôn hiện hữu và chi phối tất cả chúng hữu tình, có phải vậy không thưa đại đức?
- Có khi có, có khi không, tâu đại vương!
- Trường hợp nào không có thời gian, không còn thời gian?

- Trường hợp những người đã dập tắt tất cả pháp hành, tức là pháp hữu vi, tạo tác, đã chấm dứt mọi nguyên nhân sanh tử thì không còn diễn tiến trong thời gian, không còn bị quy định trong thời gian, không còn bị chi phối bởi thời gian. Nói cách khác, các vị Thánh nhân đắc đạo họ sống không có thời gian. Họ vô sanh vậy.

- Trường hợp nào là có?

- Trường hợp tạo tác, còn pháp hành, còn gây nhân thiện ác; nghĩa là còn thọ nhận quả báo từ đời này sang kiếp kia là còn thời gian. Nói cách khác, thời gian đồng nghĩa với tử sinh và luân hồi vô tận vậy.

- Rõ ràng lắm, tri ân đại đức.

25. Nguyên nhân của thời gian

Đức vua hỏi:

- Thưa đại đức! Phạm cái gì có quả thì phải có nhân. Vậy nguyên nhân đâu mà có thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai?

Na-tiên tỳ khưu nói:

- Đại vương đặt câu hỏi hay lắm! Trước khi trả lời, đại vương cho phép bản tăng được hỏi lại ít câu.

- Đại đức cứ hỏi!

- Muốn chấm dứt thời gian thì phải làm sao?

- Là phải chấm dứt pháp hành (*Sankhàra*), pháp hữu vi, pháp tạo tác, pháp cấu sanh... như đại đức đã trả lời trong câu hỏi trước.

- Đúng thế. Vậy muốn chấm dứt pháp hành ấy thì phải làm sao nữa?

- Thì phải chấm dứt vô minh, vì "vô minh" sinh "hành" như Đức Thế Tôn đã thuyết.

- Đúng thế. Và như vậy, câu hỏi của đại vương đã được đại vương tự trả lời rồi.

Đức vua cười ha hả:

- Khéo lắm, nhưng xin đại đức giảng giải cho rõ ràng hơn một tí.

- Có thể được, tâu đại vương! Có thời gian là vì còn bị pháp hành chi phối, pháp hành là do vô minh mà có. Vậy muốn chấm dứt thời gian thì phải chấm dứt vô minh. Từ vô minh, chúng ta sẽ lần theo tiến trình sanh tử ấy như sau:

Vô minh là tình trạng bất giác, thiếu tỉnh thức, thiếu sáng suốt nên khởi tâm vọng động, tạo nên hành, và hành chính là ái, thủ, hữu quá khứ. Do hành nghiệp mà phát sanh năng lực đưa tâm nương gá nơi bào thai [*kết sanh thức* (danh) + *tinh trùng và noãn châu* (sắc)]. Kết hợp danh sắc hiện rõ chức năng sáu căn để nhận thức sáu trần (*lục nhập*). Khi có sáu giác quan của một chúng sanh ra đời, tùy đối tượng nhận thức mà phát sanh nhãn xúc, nhĩ xúc...ý xúc (*xúc*). Từ đây có các cảm thọ khổ ưu, hỷ lạc và xả (*thọ*). Có thọ liền có tham sân si (*ái*). Có ái, chấp thủ, tạo nên các thủ (*dục thủ, kiến thủ, ngã thủ và giới cấm thủ*). Thủ là sức mạnh tạo thành nghiệp (*hữu*) thiện, bất thiện và bất động. Hữu là lực tạo tác để trở thành (*bhava*), nghĩa là tạo năng lực để hiện hữu trong tương lai. Rồi thức tái sanh kết hợp với sắc pháp (*tinh trùng + noãn châu*) tạo tác nên một chúng sanh mới, chịu sự chi phối của già chết và sầu bi khổ ưu não...; và tiến trình của mười hai duyên khởi này chính là tiến trình sinh tử không đầu, không đuôi kéo dài đến vô tận, chẳng thể phanh ra đầu mối. Tìm kiếm nguồn gốc đầu tiên của chúng sanh, của thời gian là một việc làm không thể được, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức đã giảng giải rất tận tường.

26. Thời gian tối sơ?

Đức vua hỏi tiếp:

- Đại đức vừa nói là không thể phanh ra nguồn gốc của thời gian, tức là không thể tìm ra thời gian tối sơ. Điều ấy trăm hiểu, nhưng trăm muốn nghe ví dụ.

- Ví dụ như trái cây. Trái chín rụng, hạt rơi xuống thành cây khác, trái khác; và cứ thế tiếp tục đến vô cùng, vô tận. Đại vương có thể nào tìm ra gốc nguồn của trái cây kia chăng?

- Không thể được.

- Cũng thế là thời gian tối sơ của chúng sanh, chẳng thể tìm được, tâu đại vương.

- Cho nghe ví dụ khác.

- Ví dụ trứng gà ấp nở ra gà. Gà con thành gà mẹ, lại đẻ trứng, ấp nở ra bầy gà con. Gà con lớn lên đẻ trứng, ấp nở ra gà nữa và cứ thế tiếp tục đến vô cùng vô tận. Đại vương có thể nào tìm ra gà sinh trứng hay trứng sinh gà? Có thể tìm ra nguồn gốc của con gà kia chẳng?

- Không thể được.

- Cũng thế là thời gian tối sơ của chúng sanh, chẳng thể phanh tìm được, tâu đại vương.

- Cho nghe ví dụ nữa.

Na-tiên tỳ khưu vẽ theo cái hình bánh xe rồi nói:

- Đại vương có thể chỉ cho bần tăng thấy chỗ nào là điểm khởi đầu trên cái hình bánh xe này chẳng?

- Thưa, chẳng thể.

- Cũng như thế đó là điểm bắt đầu của chúng sanh, chẳng thể tìm ra, tâu đại vương! Trong vòng tử sanh, sanh tử ấy, giống như bánh xe này, không đầu không đuôi; chúng sanh lui tới, vắn xoay mãi mãi không ngừng. Đức Thế Tôn đã giải thích về điều ấy như sau:

"Khi có mắt và có sắc thì có nhãn xúc. Có nhãn xúc liền có các cảm thọ. Khổ, lạc và xả. Có các cảm thọ liền có ái phát sanh. Có ái liền có thủ. Có thủ liền có hữu, tức là tạo nghiệp. Có tạo nghiệp nên phải sanh trở lại để nhận quả báo.

Khi có tai và có âm thanh thì có nhĩ xúc. Có nhĩ xúc liền có các cảm thọ. Có thọ liền có ái, có thủ, có hữu, tức là tạo nghiệp thiện ác hoặc bất động. Có tạo nghiệp nên phải sanh trở lại để thọ nhận quả báo. Cũng giống như thế với mũi và hương, lưỡi và vị, thân và vật xúc chạm, ý và pháp. Tất cả chúng là những tác động, là nhân, là duyên đưa đến tái sanh, tương tục vắn xoay không gián đoạn, vô thủy, vô chung".

Như thế thì làm thế nào tìm ra được đầu mối của sinh tử, thời gian tối sơ, nguyên nhân đầu tiên của chúng sanh được, hờ đại vương?

- Thưa, quả vậy.

27. Có rồi không, Không rồi có!

Đức vua hỏi:

- Thời gian tối sơ không thể phăng tìm được, điều đó thì trầm lãnh hội rồi, nhưng thời gian tối sơ ấy có thể nào khi có, khi không chẳng, hờ đại đức?

- Đúng là như thế, tâu đại vương!

- Xin đại đức nói cho rõ hơn.

- Ví như có một giống cây, chưa mọc thì chưa có, đến khi người ta đem giống ấy, trồng tĩa nên cây, hoa, lá, trái. Như thế được hiểu trước đây là không mà bây giờ là có vậy, tâu đại vương!

- Thế còn từ có mà trở thành không?

- Cũng tương tự thế, có một giống cây trước đây mọc đầy rừng, đầy đất, không biết có mặt từ bao giờ nhưng bây giờ thì hoàn toàn mất hẳn, diệt hẳn. Vậy là có mà trở thành không đấy, tâu đại vương!

28. Pháp hành thì sao?

Đức vua hỏi:

- Thế còn pháp hành (*Sankhàra*) thì sao, hờ đại đức?

- Pháp hành, pháp hữu vi đã sanh rồi thì nó cứ sanh mãi, tương tục mãi như thế.

- Xin đại đức giảng cho rõ.

- Pháp hành này phải được hiểu là những pháp cấu tạo ở trong tâm. Đại vương đã từng hiểu mười hai duyên khởi rồi thì cứ từ cái duyên khởi ấy mà suy ra. Khi có lục căn, lục trần thì có lục xúc. Có xúc thì có thọ, ái, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Khi thọ mạng chấm dứt thì nghiệp lực tạo sức mạnh cho thức tái sanh đi tìm cảnh giới mới. Như thế thì pháp hành (*Ai, thủ, hữu*) đã sanh rồi thì sanh sanh đến vô tận theo vòng luân hồi tử sanh của chúng sanh vậy.

- Trầm hiểu. Nhưng đại đức có nói là có thể chấm dứt pháp hành ấy, nghĩa là có thể từ có mà trở thành *không*?

- Đúng thế.

- Xin đại đức giảng giải.

- Điều ấy đại vương hiểu rồi mà! Nghĩa là nếu không có vô minh thì không có hành, chấm dứt hành thì không có thức đi tìm cảnh thú tái sanh để cấu tạo nên danh sắc mới... cứ thế mà suy diễn ra, nếu mười hai duyên khởi không còn tồn

tục được thì vòng luân hồi tử sanh ấy sẽ chấm dứt. Pháp hành từ có mà trở thành không là vậy, tâu đại vương.

- Hay vậy thay!

29. Tự nhiên sanh?

- Thế có vật gì mà do tự nhiên sanh, hờ đại đức?

- Không có vật gì trên thế gian này mà do tự nhiên sanh cả, tâu đại vương .

- Thế sao đại đức bảo có vật từ không mà thành có?

Tỳ khưu Na-tiên mỉm cười:

- Trước đây khi dẫn quân đi chinh chiến, đại vương có ở trong cung điện này chưa?

- Thuở ấy chưa có cung điện này!

- Rồi sau sao lại có?

- Khi lập kinh đô, trẫm mới làm cung điện.

- Đại vương làm như thế nào?

- Trẫm cho người san bằng đất, chở đá sỏi từ nơi khác đến, cho lấy gỗ trong rừng và để thợ mộc làm cột, kèo, đòn tay, chạm trổ v.v... Sau đó làm thành quách, cửa ngõ, lối đi, trồng cây, đào ao hồ, nuôi chim, thả ca v.v...

- Thế thì cung điện này đâu phải do tự nhiên sanh mà do chính công kiến tạo, tập kết vật liệu, sức người làm, đá, sỏi, vôi, đường v.v... Tất cả chúng kết hợp lại mới thành cung điện, phải thế chăng?

- Đúng như thế.

- Cũng thế, *không* có thể trở thành có, nhưng có ấy không phải tự nhiên sanh mà do sự cấu tạo, kết hợp nhiều yếu tố, nhiều phụ liệu khác mà thành, tâu đại vương .

- Xin cho ví dụ.

- Ví như hạt lúa có thể trở thành cây lúa không, hờ đại vương, nếu như nó không có đất, nước, ánh sáng, phân, công chăm sóc, thời gian và ý niệm trồng lúa của người chủ ruộng?

- Không thể thành cây lúa được nếu thiếu các yếu tố, điều kiện đi sau.

- Cũng như thế, chẳng có vật gì do tự nhiên sanh, do tự nó sanh mà do sự kết hợp nhiều yếu tố, nhiều điều kiện khác, tâu đại vương .

- Xin cho ví dụ nữa.

- Ví như đất sét có thể trở thành đồ gốm không, hờ đại vương?

- Không thể được. Đất sét mang về phải lấy nước nhồi cho nhuyễn, xong rồi phải nặn thành cái nồi, niêu, chén, bát v.v...; kế nữa phải có củi, lửa, bỏ vào lò nung cho chín v.v...Ây mới thành đồ gốm dùng được.

- Thế rõ ràng là nó chẳng do tự nhiên sanh mà do sự kết hợp của nhiều yếu tố, nhiều điều kiện vậy.

- Đại đức còn ví dụ nào nữa chăng?

- Có thể được. Ví dụ như người gảy đàn. Nếu không có dây, phím, da bịt, thùng gỗ v.v... thì âm thanh có thể vang tiếng được không, tâu đại vương?

- Cây đàn, âm thanh như thế cũng không phải tự nhiên sanh, nó cần nhiều yếu tố và điều kiện vậy.

- Có người muốn cưa cây lấy lửa, nhưng y không có hai thanh gỗ, không có bụi nhùi, không có cả người cưa thì có thể tạo ra lửa không hờ đại vương?

- Thưa không.

- Ví như người có kính thủy tinh, có ánh nắng mặt trời, lại có người cầm kính ấy chiếu lên đồng cỏ khô, rơm khô... thì có thể tạo ra lửa được chăng?

- Thưa được.

- Ví như có gương soi, có người đứng trước gương, có ánh sáng thì có hình người hiện ra trong gương không, tâu đại vương?

- Thưa có.

- Hết thầy mọi sự mọi vật trong thế gian đều y như thế, chẳng có cái gì do tự nhiên sanh, phải cần các yếu tố, điều kiện, kết hợp lại mà thành. Nói cách khác, vạn pháp, muôn loài đều do nhân duyên sanh vậy, tâu đại vương!

- Hay lắm! Trẫm đã hoàn toàn lãnh hội.

30. Tự ngã trong thân?

Đức vua hỏi:

- Tất cả mọi nhận thức, hiểu biết dường như là do một *tự ngã* ở trong thân, phải vậy không, đại đức?

- Đại vương hiểu điều đó như thế nào, có thể nói rộng ra được chăng?

- Trẫm nhận thấy thế này. Tất cả chúng sanh có sanh mạng, phải có một chủ thể nhận thức nương gá ở trong thân, nhờ thế mới có thể thấy sắc bằng mắt, nghe tiếng bằng tai, ngửi hương bằng mũi v.v...Nghĩa là tự ngã ấy có thể thấy được ngoại cảnh bên ngoài qua sáu cửa sổ giác quan vậy. Ví như chúng ta đang ngồi trong bảo điện này, nếu muốn nhìn thấy cảnh phía đông, ta mở cửa phía đông, muốn nhìn cảnh phía tây, phía nam, phía bắc thì ta mở cửa phía tây, phía nam, phía bắc. Mở bốn cửa sổ ở bốn hướng ta nhìn thấy ngoại vật như thế nào, thì tự ngã ở trong thân nhìn thấy ngoại vật qua sáu giác quan cũng y như thế. Đây là ví dụ của trẫm, không biết có đúng chăng?

- Bàn tăng đã hiểu. Như bốn cửa sổ ở bốn hướng này, ta muốn xem hướng nào thì mở hướng ấy?

- Đúng thế.

- Nếu tự ngã muốn thấy sắc thì nó mở nhãn môn để thấy sắc?

- Đúng thế.

- Vậy thì tự ngã ấy có thể thấy sắc bằng nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý môn được chăng?

- Không thể.

- Có thể nghe âm thanh bằng mắt, mũi, lưỡi, thân và ý chăng?

- Không thể.

- Có thể ngửi được mùi hương bằng mắt, tai, lưỡi, thân và ý chăng?

- Không thể.

- Tương tự như thế, ném vị bằng mắt, tai, thân và ý? Xúc chạm bằng mắt, tai, mũi, lưỡi và ý? Và suy nghĩ bằng mắt, tai, mũi, lưỡi và thân?

- Không thể.

- Vậy tại sao đại vương lại bảo là muốn thấy hướng nào thì mở cửa hướng ấy bằng ví dụ những cửa sổ? Sáu giác quan mà ví dụ là sáu cửa sổ, ấy là thí dụ không thích đáng, không tương hợp chút nào cả. Đại vương có thấy như thế chẳng?

- Trẫm đã thấy.

- Các cửa sổ ở cung điện này nếu được mở rộng ra thì ta có thể thấy ngoại cảnh xa rộng hơn. Nhưng mắt mà được khoét rộng ra thì có thể thấy ngoại cảnh xa rộng hơn chẳng?

- Không thể.

- Tương tự như thế ấy. Nếu tai, mũi, lưỡi, thân, ý mở rộng ra thì ta có thể nào nghe xa rộng, ngửi xa rộng, nếm xa rộng, xúc xa rộng, suy nghĩ xa rộng được chẳng?

- Thật không thể được.

- Như vậy chứng tỏ luận cứ của đại vương là không tương hợp, không thích đáng. Lại nữa, ví dụ đại vương đứng ở cổng thành bố thí cho dân nghèo, một người ở hướng đông đến, nhận vật bố thí rồi đi, đại vương có thấy chẳng?

- Dĩ nhiên là trẫm thấy.

- Một người ở hướng tây lại, nhận của bố thí xong, người ấy không đi mà đứng yên trước mặt đại vương, thế đại vương có thấy chẳng?

- Có thấy.

- Tương tự như vậy, khi lưỡi nếm vị, cái lưỡi biết rõ ấy là vị chua, ngọt, béo, bùi chẳng?

- Dĩ nhiên là biết.

- Nhưng nếu cái vị ấy chưa đến lưỡi, còn đứng ở ngoài lưỡi, thì đại vương có thể nào biết nó là đắng, chát, ngọt, bùi không?

- Không thể biết được.

- Như vậy, rõ ràng là lỗi ví dụ so sánh của đại vương là không tương hợp, không thích đáng. Lại nữa, nếu ta đem mật ong đổ đầy trong lu lớn, bắt một người nằm vào trong và bịt kín miệng người đó lại, thì y có thể nào biết được cái ngọt của mật chăng?

- Không nếm thì làm sao biết được.

- Như vậy, thêm một lần nữa, đại vương biết rõ đâu là không tương hợp, không thích đáng.

Đức vua Mi-lan-đà suy nghĩ hồi lâu:

- Bây giờ trẫm đã thấy rõ sự kém cỏi, nông cạn của mình, xin đại đức giảng giải cặn kẽ cho trẫm nghe thêm.

Na-tiên tỳ khưu bèn thuyết như sau:

- Tâu đại vương! Con mắt tiếp xúc với sắc nhưng chưa chắc con mắt ấy biết rõ sắc ấy là xanh, đỏ, trắng, vàng đâu, nếu không có nhãn thức. Và nhãn thức ấy cũng không phải là một tự ngã, một chủ thể. Nhãn thức sanh lên khi căn xúc với trần, nhưng nó không phải sanh khởi một mình, nó có những tâm sở đồng sanh khác, gọi là *biến hành tâm sở*: xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, nhất tâm, mạng căn.

- *xúc* là xúc chạm trần cảnh,
- *tác ý* là khởi ý đến trần cảnh,
- *thọ* là cảm giác,
- *tưởng* là tri giác, nhận biết,
- *tư* là tư tác do tham sân hoặc bất động,
- *nhất tâm* làm cho các tâm sở được liên tục
- *mạng căn* duy trì mạng sống của một tiến trình tâm.

Và nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức cũng được hiểu như thế. Tất cả căn, trần, thức, và những tâm sở đồng sanh ấy chúng tương quan tương duyên với nhau. Như vậy thì thức, cái nhận biết, đâu phải là chủ thể, đâu phải là cái độc lập, đâu phải là tự ngã thường hằng nương gá ở trong thân? Đại vương có biết rằng luận cứ của đại vương đã rơi vào *thường kiến*, một tà kiến nguy hiểm cho những người học Phật chăng?

- Cảm ơn đại đức, cái tự ngã ấy chỉ là ảo giác, ảo tưởng, trẫm đã rõ rồi.

31. Nhãn thức và tâm thức (Cakkhu vinnana - Mano vinnana)

- Bạch đại đức! Khi nhãn thức sanh khởi thì tâm thức có cùng sanh khởi không?

- Thưa, có.

- Vậy cái nào trước, cái nào sau?

- Nhãn thức sanh trước, tâm thức sanh sau, tâu đại vương!

- Điều này trầm nghi ngờ lắm! Phải chăng nhãn thức và tâm thức quen biết nhau, hoặc giả nhãn thức có nói với tâm thức rằng: "*Nếu tôi sanh tại chỗ nào thì anh cũng sanh tại chỗ ấy.*" Hoặc tâm thức nói với nhãn thức rằng: "*Anh hãy sanh trước đi, tôi sẽ nương theo anh mà sanh sau.*"

- Chúng không giao hẹn với nhau như thế đâu, tâu đại vương.

- Nếu không có sự kết ước của hai bên, sao anh thì đi trước, anh thì đi sau luôn luôn như thế được?

- Ấy là bởi có bốn tính chất sau đây khiến chúng cùng sanh một chỗ, đi liền nhau chứ không có ký kết, giao ước gì hết.

Một là hành trình theo chỗ thấp, xuôi chiều.

Hai là hành trình theo một hướng, một cửa.

Ba là hành trình theo dấu cũ, đường cũ.

Bốn là hành trình theo thói quen, theo huân tập, theo quán tính.

- Hành trình theo chỗ thấp, xuôi chiều là như thế nào, hờ đại đức?

- Nước mưa trên trời rơi xuống, nó chảy về đâu, hờ đại vương?

- Chảy vào chỗ đất thấp.

- Nếu có đám mưa khác nữa?

- Cũng chảy vào chỗ đất thấp ấy thôi.

- Thế trận mưa trước có nói với trận mưa sau rằng: "*Hễ tôi chảy chỗ nào thì anh chảy chỗ đó.*" Hoặc đám mưa sau nói với đám mưa trước: "*Chỗ nào anh chảy xuống thì chỗ ấy tôi sẽ chảy theo*" không?

- Chúng không hề giao ước như vậy. Nước chảy xuống chỗ thấp là chuyện tự nhiên thôi.

- Nhãn thức sanh khởi trước, tâm thức sanh khởi sau cũng y như thế, chẳng giao ước gì cả, tâu đại vương .
- Trẫm đã hiểu ví dụ ấy. Còn hành trình theo một hướng, một cửa là thế nào?
- Ví như có một tòa trấn thành tường cao, hào sâu nhưng vào ra chỉ có một hướng, một cổng thành duy nhất. Vậy người bên trong muốn đi ra bên ngoài phải làm thế nào, đại vương?
- Phải đi ra bằng cổng lớn.
- Thế người thứ hai, thứ ba?
- Cũng từ cổng ấy mà ra.
- Những người ấy có hò hẹn gì với nhau chẳng mà họ đi ra cùng một cửa?
- Thưa không.
- Người ra trước có nói với người ra sau, người ra sau có nói gì với người ra trước mà họ lại cùng đi chung một hướng, một cửa như thế?
- Thưa không.
- Nhãn thức đi trước và tâm thức đi sau cùng ra một hướng, một cửa là thế đó, tâu đại vương .
- Thế còn hành trình theo dấu cũ, đường cũ là sao?
- Ví như có chiếc xe đi qua cánh rừng để lại một dấu vết, chiếc xe theo sau có theo dấu vết đó mà đi hay tự mở con đường mới?
- Dĩ nhiên là theo dấu vết, theo đường cũ mà đi.
- Họ có hẹn ước gì với nhau chẳng?
- Thưa không.
- Nhãn thức và tâm thức cũng thường theo dấu vết cũ, đường cũ mà sanh khởi y như thế đó, tâu đại vương .
- Tính chất thứ tư của chúng là theo thói quen, huân tập, quán tính là thế nào, đại đức?

- Ví như các môn học tập viết, làm toán v.v... ban đầu ai cũng vụng về, chậm chạp. Nhưng về sau do sự cố gắng, tập luyện, làm nhiều, viết quen tay...; từ vụng về, chậm chạp đã trở nên mau lẹ, nhậm lẹ, tính nhanh, viết thạo. Đây chính là thói quen, là huân tập, lâu ngày trở thành quán tính, như phản xạ tự nhiên vậy. Nhãn thức và tâm thức cùng sanh khởi trước sau cũng mau lẹ, theo thói quen, theo quán tính như vậy đó, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu.

- Không những nhãn thức mà cho chí nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức cũng phải được hiểu như trên, cũng có đầy đủ những tính chất nêu trên, tâu đại vương .

- Trẫm đã hết nghi về điều ấy rồi.

32. Hành tướng của Xúc (Phassalakkhana)

Đức vua Mi-lan-đà hỏi tiếp:

- Còn *xúc tâm sở* thì thế nào? Khi nhãn thức sanh khởi thì xúc tâm sở có cùng sanh khởi chăng?

- Cũng cùng sanh khởi. Khi nhãn thức sanh, không phải chỉ có xúc tâm sở cùng sanh mà những tâm sở khác cũng biến hành sanh khởi: thọ, tưởng, tư, nhất tâm v.v... như bản tạng đã trình bày cho đại vương nghe rồi.

- Đúng vậy, trẫm có nghe rồi nhưng chưa nắm vững lắm. Đại đức hãy giảng cho trẫm nghe về hành tướng của xúc ấy là thế nào?

- Xúc là đụng chạm, chạm nhau, giao nhau...

- Đại đức cho xin ví dụ?

- Như hai con dê đấu nhau, hai cái sừng của chúng đụng nhau. Cái sừng của con này là nhãn căn, sừng của con kia là sắc trần; và chỗ mà hai cái sừng của chúng chạm nhau chính là xúc. Ví như hai bàn tay vỗ vào nhau, chỗ mà hai bàn tay chạm vào nhau là xúc. Ví như cái nồi mới chồng lên cái nồi cũ, chỗ tiếp giáp hai cái nồi là xúc.

Nói tóm lại, con mắt giao tiếp với sắc thì có *nhãn xúc*. Lỗ tai giao tiếp với âm thanh thì có *nhĩ xúc*. Cái mũi giao tiếp với mùi hương thì có *tỷ xúc*. Cái lưỡi giao tiếp với vị thì có *thiệt xúc*. Cái thân giao tiếp với vật trơn, nhám thì có *thân xúc*.

Cái ý giao tiếp với pháp thì có *ý xúc*. Xúc là cái giao tiếp, là cái gạch nối, là cái va chạm, cái đụng nhau giữa *căn* và *trần*, tâm đại vương .

- Hay lắm. Thật rõ ràng.

33. Hành tướng của Thọ (Vedanalakkhana)

- Thế Thọ tâm sở có hành tướng thế nào, ra sao, để dễ nhận biết, thừa đại đức?

- Khi nào có *khổ, lạc, xả*, thì đấy được gọi là Thọ tâm sở, tâm đại vương .

- Xin cho nghe ví dụ.

- Ví như đại đức thuở mới lập quốc, đã ban thưởng trọng hậu cho các bậc công thần, tức là những người đã từng xông pha trận mạc lập được nhiều chiến công hiển hách cho đại vương. Vị công thần ấy sau khi được đại vương ban cho chức vị, phẩm hàm, bổng lộc nên y đã sống một đời vinh hoa phú quý. Sống đời vinh hoa phú quý, được cảm thọ rất nhiều lạc thú về ngũ dục - chính là Thọ đấy, tâm đại vương!

Lại nữa, ví như có người, thuở bình sinh ưa làm việc lành, tích lũy điều hành, biết giữ giới, biết bố thí, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời, cảm thọ năm loại dục lạc đó là thiên sắc, thiên thanh, thiên hương v.v...Cảm thọ năm loại *thiên lạc* ấy là thọ đấy, tâm đại vương!

- Cảm ơn đại đức .

34. Hành tướng của Tưởng (Sannalakkhana)

- Vậy thì Tưởng tâm sở? Đức vua hỏi.

- Là ghi nhận, chụp bắt cái tướng tổng quát của vật, ấy là Tưởng, tâm đại vương

- Xin cho ví dụ.

- Ví như đại vương có một vị quan giữ kho siêng năng và cẩn mẫn trong bổn phận của mình. Tất cả những tài sản quý giá, ngọc ngà, châu báu... y đều nắm vững số lượng một cách tổng quát... chính xác, rõ ràng và không bao giờ nhầm lẫn. Nhận biết, chụp bắt, ghi nhận cái tổng quát ấy là chức năng của Tưởng, tức là tri giác đấy, tâm đại vương!

35. Hành tướng của Tác Ý (*Cetanalakkhana*)

- Đại đức cho biết luôn về *Tác ý tâm sở*?
- Tác ý là khởi ý, khởi ý làm việc gì đó cho mình (tự tác) hoặc cho người (tha tác).
- Trẫm muốn nghe thí dụ.
- Ví như có người chế tạo độc dược, tự mình uống rồi ép người khác uống theo. Như vậy, không những tự làm khổ mình mà còn làm khổ kẻ khác.

Trong thế gian này, có một số người tác ý làm điều ác, xui khiến kẻ khác làm điều ác; đến khi chấm dứt thọ mạng, họ đọa vào bốn đường khổ và những người làm ác kia cũng rơi vào bốn đường khổ giống nhau.

Lại nữa, ví như có người chế tạo một loại nước ngọt, ngon ngọt bổ dưỡng, tự mình uống rồi mời người khác cùng uống. Uống xong, tự mình cảm nghe sảng khoái, thích thú mà người được mời uống cũng cảm thấy thích thú, sảng khoái. Cũng vậy, có người làm việc lành, khuyến hóa kẻ khác làm việc lành; đến khi chấm dứt thọ mạng, cả mình và người đều được hóa sanh đến cảnh trời an vui, sung sướng.

Như vậy, Tác ý này chính là *nghiệp* đấy, tâu đại vương!

- Hay lắm.

36. Hành tướng của Thức (*Vinnanalakkhana*)

- Còn *Thức*? Đức vua hỏi - hành tướng và chức năng của nó là thế nào, đại đức?
- Thức có chức năng thứ nhất là nhận thức, chức năng thứ hai là thu thập kinh nghiệm của lộ trình tâm, tâu đại vương!
- Xin cho nghe ví dụ.
- Như người lính đứng canh cổng thành của đại vương. Người ấy thấy rõ những người đến cung điện từ hướng đông, tây, nam, bắc; biết rõ người ra kẻ vào, biết rõ là vua, quan hay dân, nam hay nữ, tâu đại vương. Ví dụ ấy như thế nào thì thức biết rõ sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp cũng như thế ấy.
- Còn thu thập kinh nghiệm của lộ trình tâm?

- Ví như người lính canh cổng thành ấy, nhờ thói quen, nhờ kinh nghiệm mà biết rõ những người vào ra, đến đi, kẻ nào gian kẻ nào ngay; biết rõ người nào đáng kính trọng, người nào cần phải nghi ngờ, người nào mình thích và người nào mình ghét v.v... Các cảm giác (*thọ*), tri giác (*tướng*) tham sân (*hành*) ở trong các tiến trình của tâm sở ấy; Thức ghi nhận, thu thập, lưu giữ kinh nghiệm cũng y như thế, tâu đại vương!

37. Hành tướng của Tầm (*Vitakkalakkhana*)

- Đại đức giảng luôn cho nghe về *Tâm tâm sở*?

- Tầm chính là tìm kiếm. Đi tìm kiếm đối tượng là Tầm, tâu đại vương .

- Xin cho nghe ví dụ.

- Ví như con ong bay đi tìm kiếm đóa hoa để hút mật, nó thấy đóa hoa, bay quanh đóa hoa, tìm chỗ để đậu xuống trên đóa hoa - Đây là Tầm tâm sở, thưa đại vương .

- Rõ lắm.

38. Hành tướng của Tứ (hay Sát) (*Vicaralakkhana*)

- Còn *Tứ tâm sở*?

- Tứ chính là quan sát, soát xét, kiểm soát và bắt dính đối tượng, tâu đại vương!

- Xin cho nghe thí dụ.

- Con ong sau khi tìm kiếm được hoa (tầm), nó đậu trên đóa hoa, quan sát đóa hoa, rà soát đóa hoa, ấy là Tứ. Như thế, Tứ tâm sở luôn luôn đi theo tầm tâm sở, như con ong tìm hoa (tầm) rồi đậu trên hoa (tứ); như vang và tiếng, tiếng đi trước (tầm), vang đi sau (tứ); như bóng và hình, có hình (tầm) là có bóng (tứ). Hai tâm sở ấy luôn luôn đi liền nhau, tâu đại vương .

- Trẫm đã hiểu.

39. Lại hỏi về "Chú tâm" (*Manasikàra*)

Đức vua lại hỏi:

- Đại đức đã có nói về *manasikàra* rồi! Nhưng khi thì nó có nghĩa là tác ý đến đối tượng, khi được hiểu là Chú tâm, khi được hiểu là quan sát đối tượng; vậy

manasikara khác nhau như thế nào với các tâm sở: tác ý, tầm và tứ tâm sở? Nó có gần giống với *nhất tâm* chăng?

- Đại vương hỏi rất hay. *Manasikàra* nó có nghĩa là khởi tâm đến, hướng tâm đến - nên nó đồng nghĩa với tác ý. Nhưng khi khởi tâm, hướng tâm đã thuần thực sẽ phát sanh chú tâm, giai đoạn này tương đương với tầm và tứ tâm sở. Nhưng khi Chú tâm thuần thực, nó sẽ dẫn đến nhất tâm. Vậy cho nên khi nói *Manasikàra* - là hàm nghĩa, nó đã tự tác ý, qua tầm, qua tứ (Chú tâm) để đi đến nhất tâm. Như thế, Chú tâm đưa đến nhất tâm, tâu đại vương .

- Thật khó nhận biết vậy thay!

- Vâng, rất khó, vì danh pháp là cái trừu tượng, lại nữa, nếu không tu tập thiền quán thì không dễ gì mà thấy chúng một cách rõ ràng được .

40. Những tâm sở đồng sanh

- Bạch đại đức! Những tâm sở mà đại đức vừa trình bày như: xúc, thọ, tưởng, tác ý... đều là những tâm sở đồng sanh trong một lúc hay sao?

- Thật ra, nó có trước có sau, nhưng vì tiến trình ấy diễn ra nhanh quá nên trí tuệ ta không theo dõi được, không phân tích được.

Ví dụ: Tiến trình của ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Khi thấy đóa hoa, biết đóa hoa ấy đẹp và thích đóa hoa ấy thì nó đã đi suốt tiến trình ấy rồi. Mà khi thấy đóa hoa ấy đẹp, thích đóa hoa ấy thì trong nhãn thức cũng có bảy tâm sở khác đồng sanh: xúc, tác ý, thọ tưởng, tư, nhất tâm, mạng căn... và khi thích đóa hoa ấy cũng là tiến trình mười hai duyên khởi đã vận hành rồi. Nó nhanh quá phải không đại vương!

- Vâng, nhanh quá. Nhanh quá, nhưng ta cũng có thể phân tích được, đây là xúc, thọ, tưởng v.v... được chứ?

- Không thể được.

- Đại đức có thể cho nghe thí dụ?

- Vâng, ví như viên quan ngự trù dâng cho đại vương một món ăn nhiều gia vị lạ lùng, rất ngon. Đại vương ăn món ấy, biết ngon, nhưng đại vương có thể nào bảo viên quan ngự trù rằng: người hãy lấy ra cho trẫm xem từng mùi vị một như mặn, ngọt, bùi, thơm, béo... được chăng?

- Không thể được.
- Các mùi vị ấy không thể lấy ra được một cách riêng rẽ như thế nào thì các tâm sở đồng sanh cũng y như thế đó, tâu đại vương rõ.
- Trẫm chưa rõ đâu, đại đức hãy giảng thêm.
- Vâng, khi đại vương biết vật kia là muối, đại vương biết bằng gì?
- Bằng mắt, trẫm có thể biết được?
- Có chắc biết muối bằng mắt không, đại vương?
- Chắc chắn chứ!
- Thế nếu trước đây, đại vương chưa từng nếm muối, thì hiện giờ đại vương có thể nào biết được muối mặn chẳng?
- Đồng ý là thế, nhưng giả dụ có một xe chở đầy muối đi qua trước mặt, đại đức nhận biết xe muối ấy bằng mắt hay bằng lưỡi? Nếu là bằng lưỡi thì số lượng muối bằng sức mạnh của năm con bò kéo - thì lưỡi làm thế nào nếm cho hết được đại đức?
- Chẳng cần nếm hết cả xe muối mà cũng biết được đấy là muối, tâu đại vương .
- Đại đức biết bằng gì?
- Bàn tăng biết bằng mắt.
- Lời nói của đại đức trước sau rất mâu thuẫn, trước thì bác bỏ lời của trẫm, sau thì chấp nhận lời của trẫm. Té ra chúng ta đều biết muối bằng mắt.
- Không phải thế đâu, đại vương! Trước tiên phải dùng lưỡi nếm muối, mới biết rõ vị mặn của muối; nhưng sau do kinh nghiệm, do đã từng thấy muối có hình dáng như vậy, màu sắc như vậy, nên khi thấy biết muối ngay, chẳng cần phải nếm. Như thế chứng tỏ gì? Khi lưỡi nếm vị, khi mắt thấy sắc, bên trong nó khởi lên biết bao kinh nghiệm trước đây, biết bao nhiêu là tâm sở khởi sanh...; thì thử hỏi làm thế nào để phân tích được đây là tâm sở gì, kia là tâm sở gì? Có phải thế không, hờ đại vương?
- Đúng thế! Đại đức giảng điều ấy rất hay!
- Lại nữa, đại vương hãy nghe tiếp đây: Người ta có thể dùng cân để cân được vị mặn của muối chẳng?

- Không thể cân được!

- Ngay chính những vị như ngọt, mặn, béo, bùi...; tức là chỉ một cảm thọ, chúng ta cũng không thể đem ra mà phân tích, mà cân đo được, huống hồ là hằng chuỗi tâm sở, hằng chuỗi cái vi tế? Những danh pháp ấy biến đổi, sanh diệt nhanh gấp mười bảy lần sắc pháp - thì chúng ta có thể nào mang ra để biết rõ đây là thọ tâm sở, đây là tưởng tâm sở... hờ đại vương!

- Thật là tuyệt vời, chẳng có gì rõ ràng hơn thế nữa!

41. Về năm giác quan

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi:

- Thừa đại đức! Ngũ căn tức là năm giác quan của con người, phát sanh do nghiệp khác nhau hay là nghiệp chung nhau?

- Có cái chung, có cái riêng, tâu đại vương .

- Xin cho nghe thí dụ.

- Ví như người ta trồng ngũ cốc trên một cánh đồng, khi các loại giống nảy mầm, lớn lên, tăng trưởng, ra hoa, kết hạt, thì giống nào hiện ra giống ấy không thể lẫn lộn nhau được. Như vậy, đất nước, ánh sáng, phân là cái chung mà lúa, đậu, mè, bắp, kê lại là cái riêng. Cũng như thế, thân tâm là cái chung nhau nhưng năm giác quan sanh ra từ đấy, nó có những chức năng riêng biệt, khác nhau, tâu đại vương!

42. Bất bình đẳng sai khác của chúng sanh là do nghiệp

- Bạch đại đức! Cái *chung* và cái *riêng* ấy trẫm đã hiểu rồi, nhưng trong cái chung, riêng ấy dường như có chung, riêng khác nữa, không hiểu tại sao? Ví như cùng là con người, ai cũng đầy đủ thân tâm, ai cũng đủ ngũ quan, nhưng không hiểu do đâu mà có sự sai khác, bất đồng như vậy.

Có người trường thọ, ít bệnh tật, không mấy khi đau ốm, lại có người chết yểu, nhiều bệnh tật? Có người sắc thân đẹp đẽ, sáng sủa, ai cũng ưa nhìn; lại có người sắc thân xấu xí, đen đúa, dị hợm, ai cũng muốn xa lánh?

Có người phúc phận to lớn, quyền uy sang cả, ai cũng kính nể, phục tùng; lại có người bần tiện, hạ liệt, ai cũng rẻ rúng, coi khinh?

Có người thông minh, mẫn tuệ, tài cao xuất chúng; lại có người ngu dốt, si mê, đần độn?

Có người luôn gặp may mắn, tài vận hanh thông; lại có người suốt đời rủi ro, bết tắc, luôn luôn gặp tai ương, hoạn nạn?

Có người ăn nói hiền lành, dịu ngọt, từ hòa; lại có người ăn nói cộc cằn, thô lỗ, ác khẩu?

Có người thật thà, tốt bụng; lại có người chua ngoa xảo trá, lừa lọc?

Nói ra sự sai khác nữa thì nó không cùng, nhưng tạm phân ra bảy đôi tức mười bốn nhóm người như vậy, đại đức hãy giảng giải lý do tại sao cho trầm nghe?

- Dễ dàng thôi, tâu đại vương: Bần tăng không rõ tại sao nơi khu vườn thượng uyển của đại vương, cũng cùng chất đất ấy, khí hậu, thời tiết ấy, mà cây cối, thảo mộc, muôn hoa lại vô vàn sai khác? Cây lá đều xanh nhưng trái thì có trái ngọt, trái chua, trái béo, trái bùi; hoa thì hoa to, hoa nhỏ, màu sắc sai khác, hương thơm sai khác?

- Vì chủng loại bất đồng, hạt giống khác nhau, thừa đại đức .

- Vậy thì sự sai khác giữa các loại chúng sanh, sự bất đồng giữa con người là do chúng đã tạo trử những hành nghiệp khác nhau. Nghiệp khác nhau chính là những hạt giống khác nhau, tâu đại vương .

- Xin đại đức giảng rộng cho nghe.

- Vâng , Đức Thế Tôn đã thuyết về nghiệp ấy như sau: "*Này thiện nam tử, tất cả chúng sanh đều được sanh ra bởi nghiệp, nghiệp là của mình, phải thọ quả của nghiệp; nghiệp là tạo tác, là chủ tử muôn loài, nghiệp là giống dòng tông chủng, nghiệp tìm đến nhau, nghiệp dẫn dắt nhau đi.*"

Thế nào là được sanh ra bởi nghiệp? Tất cả chúng sanh đời trước làm những việc thiện, ác, tốt, xấu. Những việc làm thiện, ác, tốt, xấu ấy huân tập thành nghiệp nhân; tạo nên sức mạnh đưa chúng sanh đầu thai vào hiện tại này để thọ nhận nghiệp quả của thiện, ác, tốt, xấu. Như vậy là do nghiệp sanh chứ không phải Thượng đế sanh hay tự nhiên sanh!

Thế nào là nghiệp của mình? Khi chúng sanh đã tạo nghiệp rồi, thì nghiệp ấy đi liền theo như bóng không lìa hình; nghiệp ấy đưa ta lên thiên đường, đưa ta xuống địa ngục; nghiệp ấy là tư lương, là hành trang của chúng sanh mang theo

khấp ba cỏi, sáu đường; vui khổ cùng thọ nhận, họa phúc phải chung phần, quý tiện cùng chia xẻ, vinh nhục đều chung ở v.v... Vậy nghiệp dù tốt xấu cũng là của mình, chứ của ai?

Thế nào là phải thọ quả của nghiệp? Nghiệp mà chúng sanh đã tạo tác rồi thì phải sanh ra để thọ nhận quả báo ấy. Chẳng thể trốn trong động hầm hang sâu, dưới đáy biển, giữa hư không... hầu tránh thoát được nghiệp đã gieo.

Tại sao nói nghiệp là tạo tác, là chủ tử? Tại sao thế? Vì rằng trên đời này, nghiệp làm ra mọi sự, nghiệp tạo nên hoàn cảnh, nghiệp xây dựng nên quốc độ, nghiệp tạo ra cây lành trái ngọt, nghiệp tạo tác chiến tranh, nghiệp xây dựng hòa bình, nghiệp làm ra sum la vạn tượng, nghiệp phá hoại cho đổ nát điêu tàn v.v... Thế không gọi nghiệp là tạo tác, là chủ tử là gì?

Nghiệp là giống dòng tông chủng nghĩa là thế nào?

Phàm chúng sanh đã sanh ra trên đời này đều có giống dòng, chủng tộc, thân bằng, quyến thuộc, quốc độ, quê hương v.v... Tự chúng sanh lựa chọn chẳng? Ngẫu nhiên chẳng? Không, tất thảy do nghiệp đấy. Tại sao? Những người tâm ý giống nhau thường tạo nghiệp giống nhau, tạo nghiệp giống nhau thì cảnh giới giống nhau. Từ cảnh giới giống nhau, nếu còn ưa thích, quyến luyến nhiều đời nên bây giờ trở thành cha con, chồng vợ, họ hàng, quyến thuộc của nhau. Từ đó suy ra, nghiệp không là giống dòng, tông chủng là gì?

Thế nào là nghiệp tìm đến nhau, dẫn dắt nhau đi? Vì rằng chúng sanh đã tạo nghiệp, khi trở thành thói quen, thì thói quen thường đưa chúng sanh đi tìm thói quen ấy, dẫn dắt chúng sanh đi theo nghiệp ấy. Lại nữa, người lành thường đi tìm người lành, người ác thường đi tìm người ác; kẻ xấu bạn với kẻ xấu, người tốt bạn với người tốt. Như chúng ta thường nói: "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" là vậy. Đại vương còn thắc mắc, nghi nan gì về sự sai khác dị đồng của chúng sanh trong thế gian này nữa chẳng?

- Trẫm đã hoàn toàn lãnh hội , mắt trẫm đã sạch bớt một lớp bụi mù. Cảm ơn đại đức nhiều lắm!

- Không có gì!

43. Sớm ngăn ngừa điều ác

Đức vua hỏi:

- Trẫm có nghe rằng, người tu hành trong Phật giáo thường ngăn ngừa điều ác, ngăn ngừa nguyên nhân sanh khổ, tại sao không đợi nó đến để dập tắt luôn?
- Không những ngăn ngừa điều ác, mà tất cả các thiện pháp cần phải nên tu tập càng sớm càng tốt mới thu được nhiều lợi ích, nếu để muộn thì thật là nguy hiểm, tâu đại vương!
- Tại sao thế?
- Ví dụ đại vương đợi đến khi khát nước cháy cổ mới sửa soạn sai người đào giếng? Việc làm ấy có thích đáng không, có kịp có nước để uống không?
- Phải đào giếng từ trước.
- Phàm tu hành cũng vậy, nếu khi sự khổ đến mới lo tu thì muộn rồi. Lại nữa, ví như đại vương đợi đến khi đói bụng mới sai người cày ruộng, gieo mạ... thì đến lúc gặt lúa có còn cứu kịp cơn đói của đại vương chăng?
- Chẳng thể cứu kịp.
- Ví như đại vương bảo vệ hoàng thành này, nhưng đại vương lại suy nghĩ: "*Đợi khi giặc đến ta sẽ luyện tập quân sĩ, rèn đức khí giới, huấn luyện ngựa voi v.v...*". Sự suy nghĩ ấy có đúng thời chăng?
- Thì hoàng cung này giặc sẽ chiếm mất.
- Cũng vậy, người tu hành phải biết lo toan từ trước, sớm làm điều lành, sớm ngăn ngừa điều ác, đợi đến khi nước đến chân thì không kịp nữa. Nên Đức Thế Tôn có dạy rằng: "*Người có trí tuệ hằng tìm lợi ích an vui cho mình, đừng như kẻ buôn thóc kia, lúi đi bằng phẳng, dễ dàng thì không chịu đi; lại lựa chọn con đường gập ghềnh, hiểm trở mà đánh xe đi, đến khi gãy trục, gãy vành, ngồi khóc lóc, thở than! Kẻ ngu bỏ lành làm ác cũng y như thế, có hối cũng đã muộn màng.*"

44. Lừa địa ngục

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi:

- Có nhiều vị tỳ kheo đã thuyết cho trẫm nghe rằng: *lừa địa ngục nóng hơn lừa thế gian hằng vạn lần*. Lại còn đưa ra ví dụ rằng, quăng một cục đá vào đồng lừa thế gian, lừa cháy trọn ngày đêm, cục đá vẫn trơ trơ. Nhưng nếu quăng một tảng

đá lớn vào lửa địa ngục, trong giây lát tảng đá kia sẽ bị cháy tiêu mất. Đây là điều khó tin thứ nhất.

Lại nữa, các vị ấy còn thuyết rằng: Những chúng sanh làm ác, đọa vào địa ngục sẽ bị lửa địa ngục thiêu đốt cả ngàn vạn năm mà vẫn không chết, vẫn không bị cháy thành tro. Tảng đá thì bị lửa địa ngục đốt cháy, còn chúng sanh thì vẫn sống nhăn răng! Đây là điều khó tin thứ hai!

Tỳ khưu Na-tiên lại đáp bằng cách hỏi:

- Tâu đại vương! Đại vương học rộng biết nhiều, thế đại vương biết con vật gì ăn được đá sỏi chẳng?

- Các con công, kỳ đà, rùa, gà... có ăn sạn sỏi hoặc thỉnh thoảng có nuốt sạn, sỏi vào bụng.

- Còn ở dưới nước? Các loài thủy tộc?

- Thì cá sấu, trạch, cua, thường luồng...Khi chúng có chữa, chúng cũng thường ăn sạn, sỏi.

- Thế sạn, sỏi có tiêu không?

- Thưa, hẳn là phải tiêu chứ.

- Vậy thì trứng trong bụng chúng có tiêu không?

- Thưa, không.

- Đại vương nói thế bần tăng nghi ngờ lắm. Tại sao sạn, sỏi cứng thế mà lại tiêu, còn trứng dễ vỡ thế mà lại không tiêu?

- Có gì lạ đâu đại đức! Bởi chức năng của bao tử là co bóp nên sạn, sỏi sẽ tiêu, còn chức năng của buồng trứng là nuôi dưỡng nên trứng không tiêu. Một bên sinh, một bên diệt, hai bên có hai sức mạnh khác nhau, công dụng khác nhau.

- Cũng như thế ấy là *lửa ở địa ngục*, tâu đại vương! Tảng đá thì cháy tiêu còn chúng sanh không cháy là do hai bên có hai năng lực khác nhau, công dụng khác nhau, bị chi phối bởi các định luật khác nhau.

- Xin đại đức nói rõ hơn.

- Tầng đá lớn bị lửa cháy tiêu là do định luật vật lý, chúng sanh mà không bị cháy là bởi định luật của nghiệp duy trì. Nghiệp ác tạo nên sức mạnh duy trì mạng sống chúng sanh cho đến khi chúng sanh ấy trả hết quả đã gieo.

- Nếu nghiệp chưa hết thì chưa bị cháy tiêu?

- Đúng thế.

- Đại đức cho nghe thêm ví dụ nữa.

- Bàn tăng có nghe rằng các loài vật như sư tử cái, cọp cái, beo cái, chó sói cái...; lúc có chữa, chúng rất thích ăn xương của các loài thú khác, nhưng không biết xương ấy có tiêu không?

- Tiêu chứ.

- Thế tại sao cái thai của chúng lại không tiêu?

- Là do sức mạnh của nghiệp duy trì.

- Hàng phụ nữ quý phái, các vị mệnh phụ phu nhân, các công nương sang trọng lúc có thai thường thích ăn cá thịt, sơn hào hải vị để tẩm bổ thai nhi. Như vậy là làm tiêu hết cái này để nuôi cái kia? Sao kỳ lạ vậy nhỉ?

- Chấn hấn do nghiệp, thừa đại đức .

- Chúng sanh làm ác, đọa vào địa ngục, chúng sinh ra trong lửa thiêu, già trong lửa thiêu nhưng sẽ không bị cháy tiêu. Như thế, tất cả đều do nghiệp, tâu đại vương!

- Thật là thỏa đáng vô cùng.

45. Nước dựa khí

Vua hỏi:

- Các vị sa môn trong hàng ngũ của đại đức thường thuyết lý rằng: đất dựa nước, nước dựa khí, khí dựa hư không. Điều ấy sao khó tin đến vậy?

Khi ấy, đại đức Na-tiên có cái bình lược nước mang sẵn, ngài đưa cái bình lược nước lên cao, nói rằng:

- Đại vương! nước trong bình này không do khí duy trì, nâng đỡ là gì! [*]

- Vâng, đúng thế!

[] Ngày nay, các thế đặc, lỏng, hơi, chân không nương tựa nhau là điều mà ai cũng có thể biết.*

46. Niết bàn

- Thưa đại đức! Tại sao Niết bàn thường được nói là diệt (*nirodha*), là tịch diệt? Trầm nghi ngờ điều đó lắm!

- Xin thưa, Niết bàn chính là diệt, là tịch diệt, một trạng thái ngưng nghỉ và vắng lặng, đại vương hãy nghe đây, bản tăng sẽ nói.

Chúng sanh hằng chịu thế lực của căn trần chi phối, mãi trôi dạt giữa biển đời sanh tử, mãi quần quanh trong lục đạo luân hồi, mãi chìm đắm giữa dòng ái dục; nên chẳng bao giờ thoát ly được sự bủa vây của phiền não do sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, bất bình, uất ức, thống khổ v.v... Các bậc Thánh văn A-la-hán, do nhờ có tu tập, do nhờ có trí tuệ nên các ngài đã thoát khỏi sự chi phối của căn trần; đã liễu ngộ sanh tử, không còn trôi dạt trong ba cõi, sáu đường, đã chấm dứt ái dục! Khi ái dục đã diệt tận thì mọi chấp thủ tiêu vong [*]; thủ diệt thì ba hữu [**] đâu có còn? Ba hữu không còn thì lấy đâu ra sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não? Như vậy, mọi nguyên nhân của phiền não đau khổ thấy đều ngưng nghỉ, vắng lặng; nếu không gọi là diệt, là tịch diệt thì gọi là gì hờ đại vương?

- Hay lắm! Chính xác lắm!

[] Có bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, ngã thủ và giới cấm thủ.*

*[**] Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.*

47. Ai sẽ đắc Niết bàn?

Đức vua hỏi:

- Ai tu hành đều đắc quả Niết bàn như nhau cả chứ?

- Không chắc như vậy. Người nào thực hành đúng chánh pháp, giác ngộ những pháp mà bậc trí tuệ đã giác ngộ, biết chắc những pháp mà bậc trí tuệ đã biết chắc, dứt bỏ những pháp mà bậc trí tuệ dứt bỏ, tiến hành những pháp mà bậc trí tuệ tiến hành, thấy rõ những pháp mà những bậc trí tuệ đã thấy rõ; người ấy mới đắc được Niết bàn, tâu đại vương .

48. Làm sao biết Niết bàn là tối thượng lạc?

- Chưa đắc Niết bàn thì làm sao biết được Niết bàn là tối thượng lạc, đại đức ?
- Thưa, biết chứ. Ví như một người chưa từng bị chặt tay, chặt chân có biết rằng bị chặt tay chặt chân là khổ không?
- Thưa, biết.
- Làm sao mà biết được?
- Nghe tiếng kêu la, than khóc quằn quại đau đớn của những nạn nhân ấy nên biết.
- Cũng như thế ấy, dầu chưa chứng đắc Niết bàn, nhưng nghe những vị Thánh nhân A-la-hán nói lại và thấy đời sống thanh tịnh, nhàn lạc, an vui của họ nên biết Niết bàn là tối thượng lạc.
- Đúng lắm.
- Vậy thì trẫm đã hoàn toàn lãnh hội rồi!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

049-072

49. Có Phật không?

Đức vua hỏi:

- Đại đức đã thấy Phật chưa?
- Thưa chưa.
- Thầy hòa thượng, thầy tiếp dẫn của đại đức đã thấy chưa?
- Thưa, cũng chưa thấy.
- Nếu thế thì rõ ràng không có Phật trên đời này, vì chính mắt đại đức không thấy mà các bậc thầy của đại đức cũng chẳng thấy.

Ngài Na-tiên bèn hỏi:

- Trên núi Hy-mã có một con sông tên là Dhànadi, đại vương đã thấy con sông đó chưa?

- Thưa chưa.

- Thế thì thân phụ và các bậc tiền bối của đại vương có thấy không?

- Cũng chưa.

- Vậy thì rõ ràng con sông Dhànadi là không có, vì đại vương không thấy mà các bậc tiền bối của đại vương cũng chẳng thấy.

- Thưa, quả là có con sông Dhànadi, vì mặc dầu trẫm không thấy, các bậc tiền bối của trẫm không thấy nhưng các sách có ghi chép và những người đã từng thấy họ nói lại.

- Cũng vậy, tâu đại vương ! Bàn tăng dầu chưa thấy Đức Phật; các bậc thầy của bàn tăng cũng không thấy Phật; nhưng Đức Phật vẫn có, vì kinh sách, bia ký còn ghi chép sử tích và giáo pháp của ngài, lại còn nhiều vị Thánh tăng A-la- hán kể lại nữa.

- Hay lắm.

50. Phật là tối thượng tôn bảo

- Các vị sa môn thường giáo giới đến đệ tử rằng: Phật là bậc tối thượng, tối thắng, cao quý vô ngần, thế gian không ai bì được! Điều ấy có đúng chẳng?

- Tâu đại vương, đúng thế.

- Tại sao đại đức biết? Đại đức vừa xác nhận là chưa thấy ngài kia mà!

- Ví dụ như đại vương chưa từng thấy biển, nhưng có thể biết rằng là biển sâu thẳm và rộng mênh mông chẳng?

- Có thể biết được.

- Tại sao?

- Vì năm con sông lớn như Gangà, Yanumà, Aciravatì, Sarabhù, Mahìnadi... mang một lượng nước vô tận, thế mà chúng tuôn chảy ngày đêm về biển, biển vẫn không đầy tràn. Do vậy, nên biết biển sâu thẳm, mênh mông.

- Cũng như thế ấy, các hàng đệ tử của Phật, nhất là các bậc Thánh từ Dự lưu quả đến A-la-hán quả đều thành tựu giới đức, định đức, tuệ đức; họ đông vô số, và là những bậc đáng tôn quý, nhưng họ đều là đệ tử của Đức Đạo Sư. Nhờ vậy nên biết Đức Phật là bậc Tối thượng Tôn bảo.

- Thật là chí lý!

51. Phật tối thắng như thế nào?

Đức vua lại hỏi:

- Đồng ý Phật là tối thượng, tối thắng; nhưng tối thượng, tối thắng như thế nào mới được chứ?

- Tối thượng, tối thắng là vượt người, là vượt trời; là thầy của chư thiên và loài người, tâu đại vương !

- Làm sao biết?

- Nghe mười danh hiệu của Đức Phật mà chúng sanh đã xưng tán là đủ biết, lại nữa, các vị Đại phạm thiên, những bậc có uy lực nhất trong tam giới, vốn là đệ tử của Đức Phật, đủ chứng minh điều đó, tâu đại vương .

- Ai nói điều đó?

- Kinh sách còn ghi lại, tâu đại vương .

- Làm sao tin điều đó được?

- Nghe nói đại vương rất giỏi toán học, đại vương học được của ai?

- Có sách còn để lại.

- Sách ấy của ai?

- Của nhà toán học tên là Tissa.

- Vị ấy còn sống không?

- Đã chết rồi.

- Cũng như thế ấy, kinh sách còn để lại mặc dầu Đức Phật đã nhập diệt rồi. Các vị Thánh đệ tử lưu truyền và hiện giờ chúng ta đang học giáo pháp ấy, gồm pháp

học và chín pháp xuất thế gian [*] nên nói Đức Thế Tôn là tối thắng, tâu đại vương

- Rất chính xác, cảm ơn đại đức .

[*] *Bốn đạo, bốn quả và một Niết bàn.*

* * *

52. Thấy Phật

- Pháp mà Đức Chánh Đẳng Giác đã thuyết, pháp ấy như thế nào?

- Pháp mà Đức Thập Lực Tuệ đã thuyết, ai nghe và thực hành đúng đắn pháp ấy, chúng đắc pháp ấy được gọi là Thinh Văn đệ tử của Phật . Và ai thấy pháp ấy tức là thấy Phật, tâu đại vương!

- Đúng như thế sao?

- Chính Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Ai thấy pháp tức thấy Như Lai, ai thấy Như Lai tức thấy Pháp.*" Và khi ấy, người ấy sẽ không còn hoài nghi và đặt những câu hỏi về Niết bàn, về sự hiện thân của Đức Phật, về đức hạnh, trí tuệ và sự tối thắng, vô thượng của ngài nữa, tâu đại vương!

- Trẫm cũng hy vọng như vậy! Nhưng đại đức chớ nên mắng xéo trẫm như thế.

- Không dám đâu, tâu đại vương !

53. Khi chết ngũ uẩn diệt theo

Đức vua hỏi:

- Khi một chúng sanh chết ở đây, tái sanh chỗ khác thì thức của chúng sanh ấy có lìa khỏi ngũ uẩn này để tái sanh chăng?

- Chúng sanh chết thì ngũ uẩn diệt và thức cũng diệt theo, tâu đại vương .

- Thế tại sao Đức Thế Tôn có thuyết rằng, chúng sanh hằng đi theo nghiệp của mình và thức sẽ đi tìm cảnh thú tái sanh theo nghiệp ấy.

- Đúng là như thế.

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Thức tái sinh ấy được gọi là kết sanh thức, tức là *thức nối liền* từ kiếp này sang kiếp kia. Khi chết, thức diệt, không đi theo, nhưng nó tác động, chuyển hướng trong nháy mắt là kết sanh thức đi sang cảnh giới khác liền. Ví như người ta mồi lửa từ cây đèn này sang cây đèn khác. Lửa từ cây đèn bên này không đi sang cây đèn bên kia như thế nào, thì thức cũng không đi theo như thế ấy, *tâu đại vương* .

- Xin cho nghe thêm ví dụ.

- Thuở nhỏ *đại vương* có học toán số, văn phạm, sử truyện với các thầy phụ đạo phải chăng?

- Đúng thế.

- Thế thì toán số, văn phạm, sử truyện... ấy nó có chạy ra từ miệng, từ óc của thầy phụ đạo sang miệng và óc của *đại vương* chăng?

- Không có chạy qua.

- Và khi *đại vương* học giỏi, thì kiến thức, hiểu biết của các thầy phụ đạo chắc là cạn hết vì đã truyền sang tất thầy cho *đại vương* rồi?

- Không phải như thế. Kiến thức và hiểu biết của các vị ấy còn y nguyên.

- Vậy là không có cái gì đi qua cả sao?

- Không có.

- Tái sanh cũng y cũng như thế. Khi chết ngũ uẩn diệt, thức cũng diệt, chẳng có thức đi theo, nhưng thức ấy tác động, hướng tâm, trong một niệm là duyên theo cảnh giới tái sanh liền, *tâu đại vương* .

- Trẫm đã rõ.

54. Vedagù?

- Có một chữ mà các bậc trí thức trong thời đại này thường dùng là *Vedagù*, nghĩa đen là bậc thông hiểu, thâm đạt Phệ đà; nghĩa bóng là người thông đạt thế gian. Từ ấy có hàm nghĩa là người đã thông hiểu, thâm đạt hữu vi pháp và vô vi pháp không, *đại đức*?

- Theo Phật giáo thì *Vedagù* ấy chẳng có ý nghĩa thâm diệu gì cả, chẳng diễn đạt được gì về giáo pháp cao siêu cả, *tâu đại vương*! Tuy nhiên, vì *Vedagù* là thuật

ngũ của đạo bà-la-môn, đã trở thành phổ thông, nên thỉnh thoảng Đức Thế Tôn cũng dùng từ ấy để chỉ những bậc đã thâm đạt pháp.

- À ra thế!

55. Nếu chết mà diệt hết thì thoát khỏi nghiệp

Đức vua hỏi:

- Cho trầm trở lại câu hỏi trước. Đại đức nói là khi chết, ngũ uẩn diệt, nghĩa là cả thân tâm này diệt hết, không còn gì?

- Đúng vậy.

- Chẳng có bất cứ cái gì ở thân này đi sang cảnh giới tái sanh cả?

- Tạm thời có thể nói như vậy.

- Vậy thì tiện lắm, khỏe lắm rồi. Nếu trên đời này mà trầm có làm ác, giết người vô số; khi chết, tất cả nghiệp cũng diệt theo; sang cảnh giới mới, trầm sẽ không bị trả quả do ác nghiệp của mình đã tạo!

- Chẳng phải thế đâu, đại vương! Chỉ có người chấm dứt mọi nguyên nhân sanh tử, kẻ ấy mới chấm dứt được nghiệp; còn tất cả mọi chúng sanh, không ai thoát được nghiệp đã gieo!

- Thế tại sao đại đức bảo là diệt hết!

- Đại vương có nhớ chuyện xử phạt người trộm xoài không?

- Có nhớ.

- Kẻ trộm xoài ấy đã ngụy biện ra sao?

- Y nói rằng, tôi hái trái ở trên cành còn xoài của người trồng ở trong đất đã bị diệt mất tiêu.

- Rồi đại vương phán tội ra sao?

- Trái dưới đất nó diệt nhưng nó nảy mầm, lớn lên, ra hoa ra trái. Trái mà người hái cũng do từ trái dưới đất mà sanh ra.

- Nghiệp cũng như thế, tâu đại vương! Thân tâm tuy diệt, nhưng nghiệp đã tạo giống như mầm cây, nó sẽ ra hoa kết trái ở thân tâm mới. Người hái trộm xoài

không thoát khỏi tội như thế nào thì chúng sanh cũng chẳng thể tránh khỏi nghiệp khi nó đã trở quả, tâu đại vương !

- Hay thay! Đại đức đúng là bậc Đại trí tuệ.

- Dạ không dám!

56. Nghiệp trú ở đâu?

Đức vua hỏi:

- Thế thì các nghiệp thiện, ác ấy nó trú ở đâu?

- Trú ở chỗ nào thì rất khó nói, nhưng nghiệp hằng đi theo chúng sanh từ cảnh giới này sang cảnh giới kia như bóng với hình vậy.

- Không thể chỉ rõ thiện ở chỗ này hay ác ở chỗ kia sao?

- Thưa không.

- Đại đức có ví dụ nào về điều ấy không?

- Ví dụ một cái cây lớn sẽ có trái, đại vương có thể nào chỉ cho bần tăng rõ là trái nó sẽ nằm tại chỗ này, tại chỗ kia ở trên cành hay chằng?

- Không thể.

- Cũng như thế ấy là các nghiệp mà chúng sanh hằng gánh chịu, nó luân lưu từ đời này sang kiếp kia, chẳng biết thời gian nào, chẳng biết không gian nào nó sẽ trở quả, nhưng chắc chắn nó sẽ trở quả. Thiện thì an vui mà ác thì đau khổ, tâu đại vương !

- Thật là tuyệt!

57. Biết còn tái sanh?

- Người còn tái sanh có biết chắc là mình còn tái sanh chằng, đại đức ?

- Biết rõ chứ.

- Làm sao mà biết?

- Một người làm ruộng lo cày bừa, gieo hạt, cấy mạ, bỏ phân, chăm sóc chu đáo lại gặp mưa thuận, gió hòa nữa; thì người ấy có biết chắc mình gặt được lúa, sẽ có cơm ăn không, đại vương ?

- Vâng, biết chắc.
- Người còn tạo nghiệp thiện ác biết chắc là còn tái sinh cũng y như thế đó, tâu đại vương !

58. Phật ở đâu?

- Đại đức có nói là Phật có thật?
- Đúng thế!
- Vậy hiện giờ Phật ở đâu?
- Tâu đại vương , hiện giờ Đức Thế Tôn đã tịch diệt Niết bàn rồi, bần tăng không thể nói cho đại vương rõ là ngài ở đâu được.
- Tại sao?
- Ví dụ ngọn lửa đã tắt, Đại vương có thể chỉ cho bần tăng rõ ngọn lửa ấy đi đâu chăng?
- Không thể.
- Đức Thế Tôn tịch diệt Niết bàn cũng y như thế. Tuy nhiên, giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết, pháp ấy bần tăng có thể chỉ cho đại vương được.
- Trẫm hiểu rồi.

59. Thương yêu cái thân?

Đức vua hỏi tiếp:

- Các vị tỷ kheo dường như là nâng niu, chăm sóc, thương yêu cái thân của mình quá lắm, tại sao lại như thế?
- Đại vương nhận xét như vậy là không đúng rồi!
- Các vị tỷ kheo từ chối khổ hạnh, không nhịn ăn, không mặc y bó tử thi, không còn ở trong nghĩa địa, không còn ngủ trên đất; họ ăn ngày một bữa đầy đủ do thí chủ mời thỉnh, mặc y do thí chủ dâng cúng nên phước tướng đẹp đẽ, da thịt hồng hào. Lại nữa, họ cạo râu tóc sạch sẽ, móng tay, móng chân cắt sạch sẽ, ngủ có điều độ, tắm rửa điều độ, giữ gìn từng bước đi, giữ gìn tay chân, thân khẩu. Một đời sống như vậy không phải là bảo trọng, thương yêu cái thân là gì?

- Đại vương trước đây đã từng cầm quân ra trận nhiều lần, phải chăng?
- Đúng thế.
- Và quân lính của đại vương có rất nhiều người bị thương, phải chăng?
- Đúng thế.
- Đại vương đã làm gì với những người lính bị thương ấy?
- Dĩ nhiên là cho họ lui tuyền sau, cử thầy thuốc chăm sóc vết thương.
- Họ thường chăm sóc ra sao?
- Họ chùi rửa vết thương cẩn thận, lấy thuốc đắp lên, lấy vải nhuyển mịn băng bó lại.
- Người ta làm như thế có bảo trọng, nâng niu, thương yêu vết thương quá chăng?
- Không phải thế, chỉ mong cho vết thương chóng lành.
- Cũng như thế đó, các vị sa môn trong giáo pháp của Đức Thế Tôn chăm sóc cái thân không phải là vì thương yêu, nâng niu, bảo trọng cái thân - mà vì muốn dùng cái thân ấy để tu tập, phát triển giới hạnh. Cho nên, có ba việc mà thế gian lấy làm trọng là ăn, mặc, ngủ - thì các vị sa môn chỉ cần vừa đủ, biết đủ mà thôi. Ngoài ra, các vị sa môn còn quán tưởng khi ăn, khi mặc, chỗ ở và thuốc men. Lại còn quán tưởng cái thân là vật bất tịnh, gồm có cửu khiêu ngày đêm tuôn chảy các mùi hôi thối dơ ứ, luôn quán tưởng cái thân là đáng nhòm gớm v.v... Như vậy thì có phải vì thương yêu, bảo trọng, nâng niu cái thân không đại vương ?
- Nếu vậy thì quá hay, cao thượng lắm!

60. Bậc toàn giác biết tất cả?

- Thừa đại đức ! Đức Phật là bậc Toàn giác (*Sabbannù*), tức là ngài biết tất cả (*Sabbadassàvi*) phải không?
- Đúng thế, ngài là bậc Toàn giác nên ngài có tuệ biết tất cả (*Sabbannutannàna*), tau đại vương!
- Đức Thế Tôn có tuệ biết tất cả, tại sao ngài không chế định giới luật trước mà đợi đến khi các vị tỳ khưu có giới phạm mới cấm chế sau?

- Đại vương biết trên thế gian này có nhiều thầy thuốc tài giỏi chứ?
- Có biết, rất nhiều thầy giỏi.
- Họ làm như thế nào? Họ chế thuốc trước cho người vô bệnh uống hay đợi đến khi có bệnh, tùy bệnh nặng nhẹ, cân đo liều lượng mới chế thuốc cho uống sau?
- Dĩ nhiên pha chế thuốc phải sau chứ.
- Cũng như thế đó, có giới phạm của chư tỳ kheo, mới chế định giới luật, như trị bệnh cho thuốc vậy, tâu đại vương !
- Dễ hiểu quá, cảm ơn đại đức.

61. Tại sao Phật không giống cha mẹ ngài?

Đức vua lại hỏi:

- Thừa đại đức ! phải chăng Đức Thế Tôn có ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của bậc đại nhân? Ví dụ như nước da của ngài tươi sáng như vàng ròng, có hào quang tỏa chiếu xung quanh kim thân ngài chừng độ một sải tay?
- Đúng như thế, tâu đại vương .
- Thế phụ hoàng và mẫu hậu ngài có phước tướng sang cả như vậy chăng?
- Thừa không.
- Thật kỳ lạ. Con không giống cha thì giống mẹ, đây là lẽ thường tình. Ở đây, Đức Thế Tôn có đầy đủ các phước tướng mà phụ hoàng và mẫu hậu thì không, như vậy chứng tỏ rằng người ta nói hơi quá chăng? Đức Phật chắc gì có các phước tướng ấy?

Na-tiên tỳ khưu chợt hỏi:

- Đại vương thấy hoa sen chưa?
- Thấy rồi.
- Hoa sen được sanh ra từ đâu?
- Thừa, từ bùn.
- Hoa sen sinh ra trong bùn, lớn lên trong nước, khi trở hoa thì sắc hương nó giống bùn, giống nước không, đại vương ?

- Thừa không.

- Đức Phật cũng thế. Ngài sinh ra do phụ hoàng và mẫu hậu mà không giống phụ hoàng và mẫu hậu vì trong tự thân ngài có mầm giống khác, đó là *Phật chủng*. Hạt mầm Phật chủng này được tụ thành do công năng ba la mật mà ngài đã tích lũy trong vô lượng kiếp nên phước tướng vượt trội và khác hẳn bất cứ ai trong thế gian, tâu đại vương!

- Cái ví dụ về sen mọc trong bùn của đại đức thì không tương hợp lắm nhưng mà cái "*hạt mầm Phật chủng*" thì thật là hay! Cảm ơn đại đức, trẫm đã hiểu.

62. Thực hành phạm hạnh (Brahmacàri)

- Đức Thế Tôn thường thực hành phạm hạnh giống như các vị phạm thiên phải không, đại đức?

- Đúng vậy.

- Nếu thế thì Phật là học trò của phạm thiên rồi.

- Theo ý của đại vương, sự giống nhau ấy là thầy trò của nhau sao?

- Đúng vậy.

- Bần tăng nghe rằng đại vương có một con voi chúa mà đại vương đặt tên là "*con voi hạnh phúc*" phải chăng?

- Đúng vậy.

- Và người ta nói rằng tiếng rống của con voi ấy giống như tiếng kêu của loài chim Thúu trên Tuyết sơn?

- Đúng như vậy.

- Như thế có lẽ con voi hạnh phúc của đại vương là học trò của loài chim Thúu kia rồi!

- Thừa, không phải thế.

- Thế phạm hạnh của Đức Phật sao đại vương bảo là học trò của phạm thiên? Lại nữa, Đức Phật tự mình giác ngộ Chánh pháp, phạm thiên không tự mình giác ngộ Chánh pháp mà học hỏi Chánh pháp từ Đức Thế Tôn. Lẽ ra, ai thầy ai trò đại vương phải tự biết chứ?

- Phải ! Trẫm đã đặt câu hỏi lắm lắm rồi!

- Không phải lắm lắm đâu mà vì quá sắc bén đó thôi, tâu đại vương!

Đức vua chợt cười vui:

- Không dám đâu, thưa đại đức !

63. Ai truyền cụ túc giới cho Đức Phật?

Đức vua hỏi:

- Phải cần có những điều kiện nào để cho những người tu lên bậc trên được gọi là thành tựu cụ túc giới, thưa đại đức?

- Phải cần có đủ thầy yết ma, thầy hòa thượng tế độ và số Tăng hội chứng minh, tâu đại vương .

- Đức Thế Tôn có cụ túc giới không?

- Ngài là bậc có cụ túc giới viên mãn nhất.

Đức vua hỏi tiếp:

- Vậy ai là thầy yết ma, thầy hòa thượng tế độ cho Đức Phật? Và tăng chúng chứng minh có bao nhiêu vị, không thấy đâu nói tới?

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn cụ túc giới viên mãn nhất, nhưng ngài không có ai là thầy, lấy đâu ra Tăng hội!

Đức vua quay qua mọi người:

- Xin chư vị có mặt đây làm chứng cho câu nói của đại đức Na-tiên! Khi trẫm hỏi những điều kiện tựu thành cụ túc giới, đại đức bảo là phải có đủ thầy yết ma, thầy hòa thượng tế độ cùng số Tăng hội chứng minh. Trẫm hỏi là Đức Thế Tôn có cụ túc giới không, đại đức bảo là Đức Phật cụ túc giới viên mãn nhất, thế nhưng lại bảo là cụ túc giới của Đức Phật không có yết ma, hòa thượng, không có Tăng hội! Một vị sa môn như đại đức tại sao trước sau bất nhất, lời nói sau phủ nhận lời nói trước là thế nào?

Na-tiên tỳ khuru im lặng.

Đức vua tấn công tiếp:

- Như thế, rõ ràng Đức Phật chưa có cụ túc giới, đang tu bậc thấp, chưa tu lên bậc cao!

Đại đức Na-tiên bây giờ mới hỏi:

- Đại vương, bần tăng thấy đại vương có khí độ trầm tĩnh, ăn nói trầm tĩnh; những cách nói thô tháo, cọc cằn, phùng mang, trợn mắt không có nơi đại vương; đại vương cũng không vung tay, múa chân như những kẻ say rượu... Bần tăng không rõ tại sao đại vương lại được như thế?

- Có gì đâu, vì trầm thấy những điều ấy là xấu, là biểu hiện một nhân cách tầm thường, nông nổi... nên tự chế và bỏ dần những tính xấu ấy đi.

- Có nhiều người cũng tự chế, cũng biết đấy là xấu nhưng sao không bỏ được?

- Có lẽ họ huân tập quá sâu dày, và có những tính xấu không phải chỉ một vài kiếp mà bỏ xong!

- Đại vương hãy nghe cho rõ đây! Giới luật, ban đầu là để ngăn ngừa những vọng động thô tháo của thân và khẩu rồi dần dần đi sâu vào ý. Đức Thế Tôn sở dĩ cụ túc giới viên mãn bởi vì ngài đã rèn luyện thân khẩu ý từ vô lượng kiếp; bởi ngài đã huân tập các công hạnh, nhất là ba mươi ba la mật rất ráo và viên mãn nhất. Lại nữa, ngài là bậc Toàn Giác, có tuệ biết tất cả thế gian pháp; biết rõ cái nào xấu cần phải ngăn ngừa, loại bỏ; biết rõ cái nào là tốt cần phải phát huy, tăng trưởng. Mọi giới luật cũng từ đấy mà ra. Nói cách khác, Đức Phật giác ngộ giới luật, sống với giới luật ở trong tâm, nên những biểu hiện ra bên ngoài của ngài về đi, đứng, nằm, ngồi, mặc y, thọ thực, đối nhân, xử thế... đều mẫu mực, đoan nghiêm, từ hòa, chín chắn, mô phạm... một cách tuyệt hảo và toàn bích.

Sở dĩ Đức Thế Tôn cụ túc giới viên mãn, không có ai là thầy, vì ngài đã cùng với cụ túc giới ấy là một; ngài giác ngộ cụ túc giới, đem ra giáo giới Tăng chúng, rồi Tăng chúng y cứ vào giới luật ấy để tu tập, để đi đến chỗ không còn lỗi lầm, không còn cả một tính xấu nhỏ. Các tầng Thánh quả là các cấp độ tu tập dần dần đến chỗ hoàn mỹ là vậy đó, tâu đại vương. Ví như đại vương biết những tính xấu để tự chế... là đại vương cũng bắt đầu đi theo con đường như Đức Phật đã đi; nhưng lộ trình của Đức Phật sâu dày hơn, lâu xa hơn, đã vô lượng kiếp rồi, thế thôi!

- Trẫm đã có hiểu được chút ít, mong đại đức giảng thêm: tại sao cụ túc giới của Đức Phật là không ai hơn được?

- Điều này bần tăng nói rồi - là ba mươi pháp ba la mật của ngài như bố thí, trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chơn thật, quyết định, tâm từ, tâm xả của Đức Phật đã trọn vẹn và toàn hảo trên thế gian không ai bằng được; nên ngài đã tự thành tựu cụ túc, nghĩa là pháp chưa từng sanh được sanh lên, là pháp phi thường mà thế gian chưa từng có. Không ai có đủ đức để ở trên, ở cao hơn cụ túc giới của Đức Phật, tâu đại vương .

- Cho xin nghe ví dụ được chăng?

- Đại vương là bậc tối thượng trong một nước, có ai trong nước này oai lực hơn đại vương chăng?

- Không có.

- Nếu có kẻ đòi ngồi lên đầu lên cổ của đại vương thì đại vương làm sao?

- Trẫm sẽ chém đầu.

- Cũng như thế đó là cụ túc giới của Đức Thế Tôn. Cụ túc giới của Đức Thế Tôn là có oai lực nhất. Ai có ý nghĩ truyền cụ túc giới cho Đức Phật, thì kẻ đó, vì thiếu giới đức, định đức, tuệ đức nên đầu của y sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.

- Vậy là trẫm hiểu rồi, trên thế gian này chẳng có nhóm Tăng hội nào có đủ uy đức, oai lực để truyền giới cho Đức Thế Tôn cả.

- Không phải vậy đâu, đại vương !

Đức vua ngạc nhiên:

- Tại sao?

- Có cả thầy ba nhóm Tăng, tâu đại vương! Chính có ba nhóm Tăng này cu hội mà truyền giới cụ túc đến cho Đức Thế Tôn , đó là:

1. Nhóm ba-la-mật Tăng (*Parami sangha*)

2. Nhóm thiện Tăng (*Kusala sangha*)

3. Nhóm quả Tăng (*Phala sangha*)

Cho nên Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Người nào có tâm chơn chánh, trực hạnh, thực hiện giới, định, tuệ, đi trên con đường bốn đạo và thành tựu bốn quả - người ấy được Như lai gọi là Tăng*"

- Hay lắm vậy!

64. Nước mắt nào là thuốc? Nước mắt nào là độc dược?

- Thừa đại đức, trẫm có nghe các bậc hiền trí nói rằng, trên thế gian này có hai loại nước mắt. Một loại nước mắt có khả năng trị bệnh như một liều thần dược vì nó làm cho mát mẻ và sáng khoái tinh thần. Một loại nước mắt khác thì như độc dược, nguy hiểm vô cùng. Việc ấy có không, và nếu có, thì tại sao lại có chuyện lạ lùng như thế?

- Chuyện có đấy, tâu đại vương !

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Nước mắt do uất ức, hận thù, do sầu bi khổ ưu não...; là loại nước mắt được xúc cảm, bị thiêu đốt bởi tham luyến, sân hận và si mê... mà tiết ra, trào vọt ra; nước mắt ấy chẳng khác gì độc dược. Nhưng nước mắt ứa ra được xúc cảm bởi các trạng thái tâm cao thượng, như nghe pháp, như phỉ lạc trong thiền định, niềm hỷ hoan tinh thần, tâm bi mẫn đối với đau khổ của chúng sanh...; thì đó là loại nước mắt mát mẻ do hỷ, phỉ, bi mà có, nên nó đúng là liều thần dược, tâu đại vương!

- Thật là hay, thật là bổ ích.

65. Tham luyến và dứt tham luyến

- Thừa đại đức , người còn tham luyến và người đã dứt trừ tham luyến, hai hạng người ấy khác nhau ở chỗ nào?

- Người còn tham luyến là người còn dính mắc, người không còn tham luyến là người không còn dính mắc, tâu đại vương!

- Trẫm nghĩ rằng sống trên đời này ai cũng ưa ăn sung, mặc sướng; ai cũng muốn thọ dụng ngũ dục khả ái, khả ý; thế thì chuyện dính mắc hoặc không dính mắc làm sao biết được, làm sao phân biệt được?

- Đúng là cả hai bên đều thọ dụng giống nhau, đều phải ăn, mặc giống nhau. Nhưng với kẻ còn tham luyến thì họ đắm say, hưởng thụ, tìm thỏa mãn trong ngũ dục, lại còn suốt đời miệt mài đeo đuổi ngũ dục nữa. Trái lại, người không còn tham luyến, họ ăn, mặc, ngủ rất chừng mực, điều độ. Ăn, mặc, ngủ đối với họ chỉ để nuôi mạng sống, duy trì thân thể để tu tập, để hành phạm hạnh. Như vậy được gọi là dính mắc và không dính mắc, tâu đại vương .

- Trẫm đã lãnh hội được điều ấy.

66. Trí tuệ ở đâu?

- Thừa đại đức , trí tuệ nó nằm ở đâu?
- Nó không có trú xứ làm sao mà chỉ nó ở đâu, đại vương!
- Ngài nói vậy e rằng không có trí tuệ rồi.

Tỳ khưu Na-tiên bèn hỏi lại:

- Thế gió nó ở đâu, tâu đại vương ?
- Không thể chỉ được.
- Đại vương nói vậy thì e rằng không có gió rồi!

Đức vua Mi-lan-đà chợt cười ha hả:

- Đại đức lanh trí lắm!

67. Luân hồi (Samsara)

- *Luân hồi* là thế nào, thưa đại đức?
- Luân hồi sinh tử là sự sống chết lui tới quẩn quanh của chúng sanh. Nghĩa là chúng sanh sanh ra trong thế gian, rồi lại chết trong thế gian. Chết trong thế gian, cấu sanh trở lại cũng trong thế gian, rồi sẽ chết lại trong thế gian nữa. Và cứ thế, tử sanh sanh tử mãi mãi đến vô cùng, chẳng bao giờ ra khỏi thế gian được. Luân hồi tử sanh là vậy, tâu đại vương!
- Xin cho nghe ví dụ.
- Người ta ăn trái xoài, lấy hạt gieo, mọc lên thành cây, có hoa, có trái. Lấy trái ăn rồi gieo nữa, mọc lên cây khác, trái khác. Lại ăn nữa, lại gieo nữa. Như thế, trái xoài đầu tiên không biết đâu tìm, mà trái xoài cuối cùng cũng kéo dài đến vô tận, không có điểm cuối. Sự sống chết, chết sống của chúng sanh trong vòng luân hồi cũng như thế đó, tâu đại vương!
- Trẫm đã hiểu rồi!

68. Trí nhớ

- Thưa đại đức, nếu mình nhớ lại được một việc làm từ lâu xưa, không biết là do gì?

- Do trí nhớ, tâu đại vương .
- Thế mà trầm nghĩ, nhớ được là do tâm.
- Nếu đại vương nghĩ là do tâm, vậy có việc gì trong quá khứ mà đại vương quên chẳng?
- Có rất nhiều chuyện đã quên.
- Đã nhớ là do tâm mà sao lại quên? Hay khi làm những việc ấy, đại vương làm với vô tâm ?
- Không phải vậy, làm với hữu tâm.
- Đã "*có tâm*" mà sao tâm lại không nhớ ?

Suy nghĩ một hồi, đức vua nói:

- Hay là ký ức chẳng?
- Đúng thế, trí nhớ là do ký ức, ký ức chính là nơi ghi chép chuyện quá khứ giúp cho trí nhớ làm việc. Chức năng của trí nhớ là làm công việc nhớ lại các việc trong quá khứ; còn tâm có chức năng nhận thức, suy nghĩ, nhận biết, chụp bắt, gom thâu mà thôi, tâu đại vương !
- Rõ ràng lắm rồi!

69. Ai cũng có trí nhớ

Đức vua hỏi tiếp:

- Trí nhớ này chỉ có đối với người trí thức, người có học, hay nó phổ cập cho mọi hạng người, kể cả người lao động chân tay?
- Tất cả mọi người trên thế gian đều có trí nhớ cả. Có trí nhớ mới có thể học các môn học, tu tập các đề mục thiền định, học hỏi các công nghệ hoặc sống và làm việc trên đời này, tâu đại vương !

70. Có bao nhiêu loại trí nhớ

- Vậy có bao nhiêu loại trí nhớ, thưa đại đức ?
- Có tất cả mười bảy loại trí nhớ, tâu đại vương .
- Xin cho nghe?

- Vâng, xin đại vương hãy nghe:

Một là trí nhớ phi thường.

Hai là trí nhớ do cất đặt của cải, tài sản.

Ba là trí nhớ các ngày trọng đại hay hạnh phúc lớn.

Thứ tư, trí nhớ do kỷ niệm vui.

Thứ năm, trí nhớ do từng bị khổ đau.

Thứ sáu, trí nhớ do những hình ảnh quen thuộc.

Bảy là trí nhớ được tái hiện do mùi vị, âm thanh v.v...

Tám, trí nhớ do được nhắc lại.

Chín, trí nhớ do làm dấu, dấu hiệu.

Mười, trí nhớ do nhắc nhở nguyên nhân.

Mười một, trí nhớ do nhìn mặt chữ.

Mười hai, trí nhớ do ghi chép.

Mười ba, trí nhớ lâu xa do đắc túc mạng minh.

Mười bốn, trí nhớ do từ kinh sách, sử sách.

Mười lăm, trí nhớ do nhớ ý nghĩa.

Mười sáu, trí nhớ do huân tập, thói quen

Mười bảy, trí nhớ do nhờ học thuộc lòng.

Đức vua hỏi tiếp:

- Thế nào là *trí nhớ phi thường*?

- Đây là loại trí nhớ của ngài Ânada, chỉ nghe Đức Thế Tôn thuyết một lần là có thể thuyết lại giống y như thế; như sao y nguyên văn các kệ ngôn, đoản ngôn, ví dụ, so sánh v.v... Lại còn nhớ lâu, không quên. Đây cũng là trí nhớ của cận sự nữ Khujjutara, chỉ nghe Đức Đạo Sư thuyết một lần là thuyết lại được, tâu đại vương .

- Thế nào là loại *trí nhớ do cất đặt của cải tài sản*?

- Đây là loại trí nhớ của những người giàu có quen chu đáo, cẩn thận; họ chôn dấu, cất đặt tài sản, vật quý chỗ này chỗ kia, nhưng khi cần lấy để sử dụng, họ nhớ ngay, tâu đại vương!

- Thế nào là *trí nhớ bởi những ngày trọng đại, hạnh phúc lớn*?

- Ví dụ như đức vua nhớ ngày đăng quang của mình, người xuất gia nhớ ngày thọ đại giới, bậc thánh nhớ lại hạnh phúc đầu tiên khi đắc quả Tu-đà-hườn v.v...
- Tức là những kỷ niệm trọng đại ở trong đời, bất kể xuất gia hay tại gia?
- Đúng vậy.
- Nó khác gì với loại trí nhớ thứ tư: tức là do *kỷ niệm vui*?
- Loại thứ ba là kỷ niệm trọng đại, loại thứ tư là niềm vui bình thường với huynh đệ, gia đình, bè bạn; do gặp lại những niềm vui đã từng có trước đây mà nhớ lại.
- Còn *trí nhớ do từng bị đau khổ* ?
- Là những người từng bị đau khổ, lao lung, hoạn nạn trong khoảng đời nào đó đã hằn sâu trong tâm khảm, bây giờ dễ dàng nhớ lại mỗi lần hồi ức, hồi tưởng.
- Thế nào là *trí nhớ do hình ảnh quen thuộc*?
- Đây là do những người mình đã từng quen mặt như cha mẹ, anh em, nay thấy lại hình ảnh những người hao hao như vậy nên sực nhớ. Thằng hoặc là thấy nhà cửa, cây cối, súc vật tương tự, nó gợi lại hình ảnh quá khứ đã từng quen biết, tâu đại vương !
- Trẫm đã hiểu! Ví dụ như hồi còn nhỏ, ở quê, trẫm hay thấy loài ngựa cao thồ chở hàng, sang đây mỗi lần thấy ngựa chở hàng liền nhớ lại quê cũ, có phải thế không?
- Đúng vậy.
- Thế thì *trí nhớ do tái hiện mùi vị, âm thanh*?
- Không những mùi vị, âm thanh mà cả màu sắc nữa, nói rộng ra là cả ngũ trần; nếu ta đã từng cảm xúc, thích thú từ quá khứ, nay gặp lại màu sắc ấy, mùi vị ấy, âm thanh ấy... thì cả một trời liên tưởng lại hiện ra mà phát sanh trí nhớ, tâu đại vương .
- Vâng, còn *trí nhớ được nhắc lại*?
- Dễ hiểu thôi, ví dụ một bài toán mà đại vương đã quên, sau đó nhờ người khác nhắc, đại vương làm được bài toán ấy...
- Loại trí nhớ thứ chín, thưa đại đức ?

- Có những người buôn bán nhỏ, họ không biết chữ, biết viết nhưng họ lại làm dẫu bằng son, bằng than nơi tường nhà. Nhờ làm dẫu, họ biết rõ ai còn nợ bao nhiêu, ai đã trả bao nhiêu v.v... Ví dụ những tỷ kheo làm dẫu trên y của mình, ví dụ những chủ trâu bò thường làm dẫu nơi trâu, nơi bò của mình để khỏi lẫn lộn với đàn trâu bò khác, v.v...

- Loại trí nhớ do nhắc nhở nguyên nhân là gì?

- Đây là trường hợp những người có trí nhưng hay quên. Khi được nhắc nhở, không cần nhắc nhở toàn bộ sự việc, chỉ nhắc nhở nguyên nhân là họ có thể biết, tâu đại vương!

- Cho xin nghe ví dụ.

- Ví dụ, người kia cầm bó đuốc trên tay đi qua một xóm nhà lá, có người thấy vậy nói rằng: "*Coi chừng bó đuốc trên tay kia!*". Chỉ cần nghe vậy là người kia sực nhớ rằng: "*Ông A vì sơ ý nhen lửa mà làm cháy cả cánh đồng. Ông B vì đốt đèn sơ ý mà cháy nhà, cháy lan cả xóm v.v...*". Đây là loại trí nhớ nhắc nhở nguyên nhân, tâu đại vương!

- Còn trí nhớ do nhìn mặt chữ là vì viết hoài nên quen tay, quen mặt chữ, sau này chỉ nhìn mặt chữ là biết viết, biết luôn cả nghĩa của nó, phải thế chăng, đại đức?

- Đúng vậy.

- Trí nhớ do ghi chép là của người làm thư ký, làm sổ sách kế toán với những con số nhỏ, con số lớn. Nhờ ghi chép vào sổ sách cụ thể, rõ ràng mới nhớ được, phải không đại đức? Còn trí nhớ lâu xa do đặc tức mạng mình là thế nào?

- Đây là trí nhớ do đặc tức mạng: nhớ được một kiếp, hai kiếp... cho đến trăm ngàn kiếp trước của mình, tâu đại vương!

- Còn trí nhớ có từ kinh sách, sử sách là trí nhớ do đọc kinh sử của nhiều đời, nhiều thời đại trước viết lại, chép lại ở trong kinh sử ấy?

- Đúng thế, tâu đại vương!

- Còn trí nhớ do ý nghĩa?

- Đây là loại trí nhớ của người thông minh, sáng láng, đọc kinh sách họ có thể quên hết câu, chữ mà chỉ nhớ ý nghĩa của câu, chữ ấy. Khi cần viết lại câu, chữ họ sẽ từ ý nghĩa ấy mà viết ra theo cách diễn đạt của mình.

- Thế trí nhớ do huân tập, thói quen là gì?

- Bất cứ môn học nào, dù trí thức hay chân tay, mà chúng ta học mãi, làm hoài; lâu nó sẽ huân tập thành thói quen - là loại trí nhớ này, tâu đại vương!

- Vâng, còn trí nhớ do học thuộc lòng thì trăm biết rồi. Vậy là có tất cả mười bảy loại trí nhớ!

- Thật ra, nó còn nhiều loại nữa, tâu đại vương! Nhưng mười bảy loại trí nhớ này đủ để tóm thâu tất cả mọi loại trí nhớ trên đời này.

- Trăm hiểu rồi. Vậy là quá đầy đủ. Tri ân đại đức nhiều lắm.

71. Tương quan phước và tội

Đức vua hỏi:

- Trong hàng ngũ sa môn của Đại đức, có người thuyết rằng, có kẻ trọn đời làm ác nhưng đến khi lâm tử, họ tưởng nghĩ đến Phật, ân đức hoặc tướng hảo quang minh sáng chói của ngài thì có thể sanh lên cõi trời. Điều ấy thật khó tin! Lại nữa, các vị ấy còn thuyết rằng, người nào đã lỡ tạo nghiệp sát sanh, không cần phải nhiều lần, dù chỉ một lần, người ấy phải bị đọa địa ngục chẳng sai. Điều ấy lại càng không thể tin được!

- Tâu Đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, nếu có người ném một viên đá nhỏ độ bằng hột bắp hay hột tiêu xuống mặt nước, viên đá ấy sẽ nổi hay chìm?

- Chắc chắn phải chìm.

- Nếu có một người chắt vài trăm viên đá lớn vào một chiếc ghe rất to, có sức chở rất lớn - thì vài trăm viên đá ấy có chìm không, Đại vương?

- Thừa không.

- Cũng vậy là tội và phước cùng sự tương quan giữa phước và tội, tâu Đại vương! Một viên đá dù bé như hạt tiêu nó vẫn bị chìm xuống nước. Tương tự vậy, có người làm việc ác, dù chỉ một lần, như giết sanh mạng loài hữu tình; thì ác nghiệp ấy có sức nặng đưa chúng sanh đầu thai vào các cảnh giới đau khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Vài trăm viên đá lớn mà không chìm là

nhờ có ghe lớn chở. Cũng giống thế, một người làm việc ác trọn đời nhưng nhờ tưởng nghĩ đến ân đức của Phật, tâm người ấy trú vững chắc và hoan hỉ ở trong ân đức ấy; nhờ vậy, chính nhờ thiện tâm nâng đỡ - như chiếc ghe lớn - người ấy được sanh thiên cũng là điều hiển nhiên thôi.

- Trẫm đã hiểu.

- Lại nữa, ác nghiệp nặng thường đưa chúng sanh đi xuống, thiện nghiệp nhẹ thường đưa chúng sanh đi lên. Tuy nhiên, nếu đã lỡ tạo ác nghiệp rồi thì phải siêng năng, tinh tấn làm việc lành; chính nhờ việc lành, nhờ thiện nghiệp, nó có khả năng nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn còn dạy rằng: "*Ghe, thuyền hằng chuyên chở đồ đạc qua sông lớn, qua biển lớn; nhưng nếu ghe, thuyền ấy chở quá mức độ cho phép, ghe thuyền ấy sẽ bị chìm. Cũng vậy, thiện nghiệp nâng đỡ ác nghiệp, nhưng nếu ác nghiệp quá nặng, thiện nghiệp cũng sẽ bị chìm theo! Lại nữa, ghe thuyền ấy phải được vững chắc, kiên cố không bị rò rỉ; nếu bị rò rỉ, thấm nước thì phải tát cạn, phải bịt chặt các lỗ rò rỉ đi. Cũng vậy, đừng để ác nghiệp xen vào, nếu ác nghiệp đã rò rỉ vào tâm thì phải bịt chặt lại, tát cạn lần hồi ác nghiệp ấy đi. Nhờ vậy ghe, thuyền thiện pháp kia sẽ đến được bến bờ an vui nhất định.*"

- Trẫm không còn nghi ngờ gì điều ấy nữa.

72. Diệt khổ chưa đến?

(Tương tự câu 43)

Đức vua hỏi:

- Thừa đại đức, những vị sa môn của đại đức tu hành tinh tấn là để nhằm diệt trừ những nỗi thống khổ, phải chăng?

- Đúng thế!

- Những cái khổ ấy từ quá khứ chăng?

- Có thể từ quá khứ nhưng quá khứ thì đã qua rồi.

- Vị lai chăng?

- Có thể là vị lai nhưng vị lai cũng chưa đến.

- Thế thì hiện tại chăng?

- Có thể là hiện tại nhưng hiện tại không có điểm dừng, luôn chảy trôi.

Đức vua Mi-lan-đà nhíu mày:

- Thế thì cái khổ ấy nó nằm ở đâu?

- Nơi nào tương quan phát sanh, nơi nào lục căn tiếp xúc với lục trần, nơi ấy xem chừng đau khổ sẽ hiện khởi.

- Vậy là đau khổ ấy sẽ có mặt từ thời hiện tại đến thời tương lai?

- Cả quá khứ nữa, thừa đại vương!

- Như đại đức nói là quá khứ đã qua rồi!

- Đúng thế, nhưng nếu chúng ta hồi ức, hồi tưởng, nó sẽ có mặt ngay tức khắc. Lại nữa, do chúng ta cố ý lưu giữ ở trong tâm.

- Vậy muốn nói cho chính xác thì đau khổ luôn luôn là có, sẽ có, sẽ tới khi lục căn tiếp xúc với lục trần?

- Có thể nói như vậy.

- Cũng có thể nói là diệt cái khổ nhưng mà cái khổ ấy sẽ có, sẽ đến?

- Đúng thế.

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Thế là đại đức tu hành tinh tấn là nhằm tiêu diệt những cái khổ chưa đến, chưa có? Thật là kỳ lạ! Cái khổ chưa phát sanh thì làm sao mà diệt nó được.

Đại đức Na-tiên cũng mỉm cười:

- Hiện nay, đức vua là đáng chí tôn của một quốc gia; có khi nào đức vua nghĩ đến trường hợp một nước cừu địch nào đó sẽ lăm le xâm chiếm lãnh thổ của đại vương chăng?

- Có chứ.

- Vậy thì đức vua sẽ chờ đến lúc quân giặc công phá thành trì mới lo tập luyện binh mã, rèn đúc khí giới hay sao?

- Không, trăm lo toan dự phòng những công việc ấy từ trước.

- Dự phòng khi quân giặc chưa đến hay sao?
 - Đúng thế.
 - Giặc chưa đến mà đã lo việc diệt giặc nhỉ?
 - Đúng thế! Bởi không biết giặc sẽ đến lúc nào nên phải luôn luôn phòng vệ, phòng thủ.
 - Cũng như thế đó, tâu đại vương! Đau khổ chưa đến nhưng tình hình đau khổ sẽ đến như quân giặc kia vậy, đợi đến khi đau khổ đến mới tìm cách diệt là đã muộn rồi. Các sa môn Thích tử tu hành tinh tấn, phòng hộ các căn, giữ gìn thu thúc thân khẩu ý, giới luật nghiêm cẩn là để phòng thủ thành trì như thế đó, tâu đại vương!
 - Trẫm đã hiểu, nhưng cho nghe thêm ví dụ.
 - Đại vương đợi đến khi khát nước mới bảo quân binh đào giếng, đào hồ hay sao?
 - Đợi đến khi khát mới đào giếng thì đâu có kịp.
 - Cũng thế, đợi đau khổ đến mới tìm cách diệt thì đâu còn kịp nữa!
 - Đúng vậy, xin cho nghe ví dụ nữa.
 - Đại vương đợi đến khi đói bụng mới cho người cày ruộng, bừa rồi gieo hạt lúa hay sao?
 - Ai lại làm thế bao giờ.
 - Vậy thì đại vương nghĩ rằng các sa môn Thích tử tu hành tinh tấn nhằm diệt cái khổ chưa đến là chuyện không đúng chăng?
 - Hoàn toàn chính xác.
- Đại đức Na-tiên chợt hỏi:
- Đại vương hỏi câu này đến hai lần, tại sao vậy?
 - Trẫm muốn thử sự thấy biết nhất quán của đại đức vậy thôi!
 - Cảm ơn đại vương!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

073-089

73. Cõi Phạm Thiên bao xa?

- Thừa đại đức! Từ đây đến cõi trời phạm thiên bao xa?
- Xa lắm, tâu đại vương!
- Đại đức có thể cho biết cụ thể được chăng?
- Có thể được, tuy không xác đáng lắm, nhưng đại vương có thể hình dung. Rằng là nếu có một tảng đá to lớn bằng một tòa nhà, rớt từ cõi trời phạm thiên xuống thì nó phải mất bốn tháng mới đến được nơi đây, tâu đại vương.
- Thế tại sao kinh sách Phật giáo nói rằng, một tỳ khưu có thần thông có thể bay từ cõi người lên cõi phạm thiên chỉ với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay? Điều ấy thật khó tin.

Đại đức Na-tiên không trả lời mà lại hỏi:

- Đại vương quê quán ở đâu?
- Trẫm sanh ra và lớn lên ở đảo Alasanda, thưa đại đức.
- Từ đây đến đó có xa chăng?
- Xa lắm, có lẽ xa hơn hai trăm do tuần.
- Thế đại vương có nhớ việc gì xảy ra tại quê cũ của đại vương chăng?
- Trẫm nhớ chứ, và nhớ một cách dễ dàng.
- Sao đại vương có thể đi và về vượt qua hai trăm do tuần nhanh đến vậy?

Đức vua Mi-lan-đà cười xòa:

- Đại đức nhạy trí quá, trẫm rất cảm phục.

74. Thời gian tái sinh

- Thừa đại đức, ví dụ có hai người ở đây cùng chết, một người được sanh lên cõi trời phạm thiên, một người đầu thai vào xứ Kasmir kế cận đây, thế thì ai sẽ đến trước?
- Cùng đến một lúc, tâu đại vương.
- Xa gần không đồng nhau mà sao lại cùng đến một lượt, thừa đại đức?
- Thế thì đại vương thử nhiếp tâm nghĩ đến xứ sở Alasanda của đại vương đi?
- Trẫm nghĩ rồi.
- Bây giờ đại vương lại nhiếp tâm nghĩ đến xứ sở Kasmir đi!
- Trẫm nghĩ rồi!
- Thời gian mà đại vương nghĩ đến hai xứ sở ấy, xứ sở nào mau hơn?
- Thời gian bằng nhau.
- Tại sao thế? Xứ Alasanda của đại vương cách đây hai trăm do tuần, xứ Kasmir cách đây chỉ có mười hai do tuần mà thời gian đi về lại bằng nhau?
- Quả đúng như thế thật. Nhưng đại đức có thể cho nghe thêm ví dụ nữa được chăng?
- Ví dụ có hai con chim cùng bay, một con tìm đậu nhánh cao, một con tìm đậu nhánh thấp, chúng cùng đậu một lần. Bần tăng thử hỏi đại vương, cái bóng của hai con chim ấy, bóng nào rọi xuống mặt đất trước?
- Cùng một lần, không trước không sau.
- Chúng sanh chấm dứt thọ mạng ở đây, dấu hóa sanh lên cõi Phạm thiên, dấu đầu thai vào cảnh người thì thời gian vẫn đồng nhau, không có sau trước, tâu đại vương.
- Đại đức cho nghe thêm ví dụ.
- Đại vương hãy nhìn sắc thân của bần tăng đi?
- Trẫm nhìn rồi.

- Đại vương bỏ bàn tăng, và qua cửa kính trên nóc cung điện, nhìn mặt trời thử xem.

- Trẫm nhìn rồi.

- Thời gian mà đại vương nhìn bàn tăng ở cạnh đây và thời gian mà đại vương nhìn mặt trời xa xăm kia, có bằng nhau chăng?

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Vậy là trẫm đã hiểu. Sự tái sinh của chúng sanh, dầu ở cảnh giới nào, đều xảy ra trong một niệm, chẳng có xa gần, sau trước!

- Đúng thế, tốc lực tâm đều bằng nhau.

- Quả vậy, thưa đại đức.

75. Sự liên hệ giữa kiếp này với kiếp kia

Đến đây, đức vua Mi-lan-đà chợt suy nghĩ một hồi lâu rồi nói:

- Thưa đại đức, trẫm có một hoài nghi, một nghi nan. Rằng là chúng sanh chết ở đây đầu thai vào cảnh giới khác, khi đi sanh như vậy chúng có hình tướng hoặc màu sắc nào chăng?

- Chẳng có màu sắc nào, chẳng có hình tướng gì khi chúng sanh đi đầu thai, tâu đại vương. Suốt cả tam tạng, Đức Chánh Đẳng Giác không nói điều ấy.

- Nếu Đức Phật không thuyết điều ấy thì rõ ràng giáo pháp của Đức Phật đồng với ngoại đạo rồi!

- Tại sao đại vương lại suy diễn như vậy?

- Đúng là trẫm suy diễn, nhưng mà trẫm suy diễn y cứ nơi câu nói của đại đức. Nếu chúng sanh đi đầu thai mà không mang theo màu sắc và hình tướng nào cả, như vậy chúng tỏ không có chúng sanh đi đầu thai. Không có chúng sanh đi đầu thai thì cảnh giới mà nó đầu thai cũng không có. Cõi sau không có thì cõi sau nữa cũng không có. Nếu luận điểm như vậy thì khác gì chủ trương của tà sư Gunàjivaka, là bậc thầy lớn, là bậc trí thức lớn ngoại đạo hằng tuyên bố: "*Chẳng có cõi này, cõi sau nên không có chuyện chúng sanh đầu thai vào cõi sau.*"

- Đại vương hãy nghe bàn tăng nói đây.

- Trẫm nghe rõ rồi.

- Đại vương có nói dối không đấy?

- Sao đại đức lại nói thế?

- Làm sao đại vương có thể nghe được lời nói của bần tăng, khi mà lời nói của bần tăng chẳng có màu sắc và hình tướng nào cả? Chẳng có màu xanh, trắng, vàng... hay hình thù như voi, ngựa, xe đi từ miệng của bần tăng sang lỗ tai của đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Hay lắm, tuyệt vời thay là trí tuệ của đại đức.

- Tâu đại vương! Chúng sanh lia bỏ cõi đời này đi tìm chỗ tái sanh chẳng có màu sắc, hình thù tướng mạo gì cả đâu. Từ cảnh giới này sang cảnh giới kia ví như tiếng nói của bần tăng đi sang lỗ tai của đại vương vậy!

- Trẫm đã hiểu rồi. Có lẽ trên thế gian này chẳng ai có tuệ giác thâm sâu như đại đức, đã soi rọi làm cho trẫm tiêu tan mọi nghi ngờ. Nhưng từ sự giải đáp của đại đức, trẫm lại phát sanh một nghi nan khác nữa.

- Đại vương cứ nói.

- Nếu tái sanh mà chẳng có màu sắc và hình tướng nào đi ra cả, thì khi đầu thai vào cảnh giới mới, một ngũ uẩn khác sẽ tự nhiên sanh ra chẳng? Và như vậy thì nói thiện, nói ác để làm gì? Có sự liên hệ gì giữa nghiệp thiện ác với đời này đời kia đâu? Và cái mà Phật giáo gọi là vòng luân hồi tái sanh thật vô nghĩa lý vậy! Xin đại đức hãy soi sáng cho trẫm điều nghi nan ấy.

- Vâng, thường ngày đại vương có ăn cơm chẳng?

- Có.

- Hạt cơm ấy từ đâu ra?

- Từ lúa.

- Lúa ấy tự nhiên sanh ra hay do đại vương bảo nhân dân cày bừa và gieo hạt?

- Dĩ nhiên là phải trải qua công phu gieo cày gặt hái mới có được.

Im lặng một lát, đại đức Na-tiên hỏi tiếp:

- Hạt gạo mà đại vương sai người nấu để ăn chính là hạt lúa mà người nông dân gieo trên ruộng phải chăng?

- Thưa không phải.

- Hay là hạt lúa khác?

- Cũng không phải. Nó có được từ hạt lúa gieo trên ruộng.

Đại đức Na-tiên chợt mỉm cười:

- Thế là đại vương đã tự trả lời câu hỏi của đại vương! Đại vương đã tự trả lời rằng, hạt cơm mà đại vương ăn chẳng phải do tự nhiên sinh mà do công người nông phu gieo cấy và gặt hái. Lại nữa, hạt cơm ấy có được đâu chẳng phải là hạt lúa gieo trên ruộng, nhưng cũng do từ hạt lúa trên ruộng ấy sinh ra. Cũng vậy, ngũ uẩn tuy đã diệt rồi, nhưng nương tựa ngũ uẩn ấy, do các nghiệp thiện ác chi phối mà sinh ra ngũ uẩn mới. Ngũ uẩn mới chính là hạt gạo mà đại vương ăn, nó có được cũng do từ ngũ uẩn cũ, tức là hạt lúa cũ sinh ra. Và đây chính là sự diễn tiến của vòng luân hồi tái sinh, tâu đại vương.

- Trẫm đã rõ lắm rồi nhưng cho nghe thêm ví dụ.

- Đại vương có tổ chức hội hoa đăng chứ?

- Thưa có.

- Khi đại vương chủ trì hội hoa đăng ấy, đại vương thấy người ta mồi lửa từ cây đèn này sang cây đèn khác chứ?

- Vâng, thấy.

- Thế thì lửa bên cây đèn này tự nhiên nó chạy sang cây đèn bên kia chẳng?

- Chẳng phải tự nhiên mà do có người mồi.

- Rồi lửa ở cây đèn sau chính là lửa ở cây đèn trước?

- Không phải.

- Hay chẳng liên hệ gì với nhau?

- Chẳng phải.

- Vậy là đại vương đã tự trả lời. Đại vương đã tự trả lời rằng, chẳng phải ngũ uẩn mới do tự nhiên sanh mà chính do thiện ác tạo tác. Ngũ uẩn mới không phải là ngũ uẩn cũ đầu thai mà do ngũ uẩn cũ cùng với những tạo tác của nó mà sanh ra ngũ uẩn mới. Đại vương đã nắm vững vấn đề rồi chứ?

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu rồi hỏi tiếp:

- Ngũ uẩn nói chung, nhưng nói riêng sắc uẩn cũng là vậy chứ.

- Đúng là vậy.

- Thọ và tưởng... cũng thế?

- Đúng là vậy.

- Nhưng sắc thân của chúng sanh dù xấu dù đẹp, dù đui què mẻ sứt hay lành lặn; những cảm thọ vui buồn, cùng những tri giác, ý tưởng v.v... nếu bảo chết là hết thì không đúng, bảo không liên hệ gì nhau cũng không đúng. Trẫm đã hiểu vậy nhưng đại đức có thể thiện xảo cho nghe ví dụ nào cụ thể dễ hiểu nữa chăng?

- Có thể được. Đại vương có cái kiếng soi mặt nào ở đây chăng?

- Thừa có.

- Đại vương hãy để cái kiếng ấy ở trước mặt đại vương.

- Để rồi.

- Đại vương hãy soi mặt mình vào đấy.

- Soi rồi.

- Đại vương có thấy rõ tai, mắt, mũi của đại vương ở trong kiếng chăng?

- Thừa, thấy rõ rồi.

- Thế là tai, mắt, mũi của đại vương đã đi qua cái kiếng kia rồi phải không?

- Đúng vậy.

- Đại vương hãy xem lại coi thử đại vương có mắt tai, mắt mắt và mắt mũi chăng?

- Không mắt.

- Vậy, nói chung là ngũ uẩn, nói riêng là sắc, thọ tưởng... ở kiếp sau nó nương từ sắc, thọ, tưởng của kiếp này mà có, bảo là một cũng sai, bảo là hai cái khác nhau cũng sai vậy. Khi một chúng sanh chết, ngũ uẩn diệt theo, nhưng những nghiệp thiện ác tạo tác như bóng nương theo hình sẽ cấu sanh ngũ uẩn mới, đời sống mới trong bụng mẹ. Mãi mãi như vậy là hành trình luân hồi của chúng sanh trong sáu nẻo.

- Cảm ơn đại đức.

76. Vào cửa nào để đầu thai?

- Đại đức vừa bảo là ngũ uẩn mới sẽ cấu sinh trong bụng mẹ, vậy thì nó sẽ theo vào cửa nào mới cấu sanh được?

- Nó có vào nhưng chẳng theo cửa nào cả, tâu đại vương!

- Sao lại vô lý như thế được?

- Đại vương có cái hộp nào mang theo đó chẳng?

- Thưa có.

- Đại vương có biết trong hộp ấy đựng gì không?

- Nó đựng ngọc ẩn và mấy cái triện son của trẫm.

- Vậy thì "cái thấy" của đại vương nó đi vào cửa nào mà biết trong hộp đựng ngọc ẩn và triện son?

- À ra vậy!

- Chúng sanh vào bụng mẹ chẳng theo cửa nào cả cũng y như thế, đầu tiên nó đi vào bởi cái tâm sơ khởi gọi là *kiết sinh thức*; cái thức ấy chẳng có hình thù, tướng mạo gì cả, nó như cái luồng suy nghĩ hay tốc lực tâm của đại vương vụt chạy vào bên trong cái hộp kia vậy.

- Trẫm không còn nghi ngờ gì nữa cả.

77. Nhân sanh giác ngộ

- Nhân để sanh giác ngộ có mấy pháp hờ đại đức?

- Nó có bảy nhân sanh gọi là thất giác chi, gồm có niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, an, định, xả - tâu đại vương.

- Người giác ngộ đạo quả là do giác chi nào hay phải thành tựu trọn vẹn bảy giác chi ấy?

- Dĩ nhiên thành tựu bảy giác chi mới trọn vẹn, nhưng chỉ cần một giác chi thành tựu cũng đủ giác ngộ rồi.

- Ấy là giác chi nào vậy?

- Là trạch pháp giác chi hay còn gọi là *tuệ trạch pháp*, tâu đại vương!

- Trẫm có thắc mắc đấy, thưa đại đức! Bởi vì nhân giác ngộ có tới bảy điều, có sao đại đức bảo rằng chỉ cần thành tựu một trạch pháp giác chi cũng đủ giác ngộ?

- Vậy thì đại vương hiểu thế nào, một lưới kiếm đặt trong bao nó gồm có bảy phần: bao trong, bao ngoài, cán kiếm, chuôi kiếm, lưng kiếm, bụng kiếm và lưỡi kiếm... mới gọi là đầy đủ phải chăng?

- Đúng thế.

- Khi cần cắt một vật gì, người ta sử dụng cả bảy phần ấy hay sao?

- Không, chỉ cần sử dụng lưỡi kiếm.

- Cũng vậy là bảy giác chi. Tuệ trạch pháp giác chi được ví như lưỡi kiếm, sáu giác chi còn lại như là bao, chuôi, thân kiếm... vậy. Chúng vốn không xa lìa nhau mà cấu thành một bộ phận, tuy nhiên, chỉ cần tuệ trạch pháp giác chi là cắt lìa được phiền não rồi, tâu đại vương.

- Thật là tuyệt vời!

78. Điều lành nhỏ, phước quả lớn; Điều ác lớn, tội báo nhỏ

Vua hỏi:

- Có trường hợp nào mà một người làm việc ác lớn, tội báo lại nhỏ; còn một người làm việc lành nhỏ, phước quả lại lớn không, đại đức?

- Có chứ, và chuyện ấy cũng thường thường xảy ra.

- Vậy là không đúng với luật nhân quả chăng? Luật nhân quả bảo rằng gieo hạt mè nhỏ thì được hạt mè nhỏ, gieo hạt bí to thì được quả bí to?

- Đúng là thế. Nhưng nếu hạt mè kia nhiều phân, có nước, nhỏ cỡ đại, chăm cào xới, nhỏ tĩa cây dày dày thì hạt sẽ lớn hơn một tí chứ?

- Đúng thế.

- Còn hạt bí to kia gieo nơi đất sỏi đá khô cằn, chẳng phân nước, chẳng chăm sóc thì quả bí chắc hẳn sẽ còn tí teo như quả cà?

- Đúng vậy.

- Cũng vậy là gieo nhân, nhưng còn trợ duyên, thuận duyên, nghịch duyên hay chướng duyên góp phần vào nhân ấy mới quyết định quả được. Một người làm việc dữ nhưng suốt ngày đêm ăn năn, hối hận, luôn luôn cảm thấy khó chịu, bứt rứt... nên nguyện từ rày về sau không dám làm việc ác nữa. Chính nhờ tâm người ấy ăn năn hối cải nên cái quả báo, tội báo sẽ nhẹ đi, nhỏ đi. Đây là trường hợp nhân việc ác lớn mà quả tội báo lại nhỏ. Một người làm việc lành nhỏ nhưng tâm lại hoan hỉ, thỏa thích; suốt ngày, suốt tháng an vui, mát mẻ với chút ít việc lành ấy thì phước quả của nó chắc chắn là to lớn lắm, tâu đại vương!

- Đại đức kể cho nghe một trường hợp cụ thể.

- Vâng, thuở Phật còn tại thế, một hôm ngài gặp một tội nhân bị chặt cụt cả tay cả chân, miệng ngậm một cành hoa sen với tác ý thành kính dâng cúng cho ngài. Sau khi thọ nhận, Đức Phật quay lại bảo với các tỳ kheo rằng: nhờ phước đức này mà trong suốt chín mươi một kiếp sắp tới, người bị cụt tay chân kia khỏi bị đọa vào ba đường dữ, được sanh lên cõi trời hưởng hết phước báu mới sanh lại làm người. Bởi vậy cho nên chuyện nhân quả xảy ra trên thế gian này nó muôn mặt, muôn chiều, chứ không đơn giản như thường nhân hiểu đâu! Điều lành nhỏ phước quả lớn, điều ác lớn tội báo nhỏ - mà ngược lại như thế cũng thường có đấy, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu.

- Đại vương đã hiểu nhưng chưa hiểu hết.

Đức vua mỉm cười:

- Có thể đúng như vậy thật.

79. Kẻ trí làm điều ác, tội báo nhỏ; Người ngu làm điều ác tội báo lớn

- Thừa đại đức, nhân quả khó hiểu cho toàn diện, nhưng giả sử kẻ có trí và người ngu cùng làm điều ác thì ai bị tội báo nhiều hơn?
- Người ngu sẽ bị nặng, tâu đại vương!
- Nếu thế thì khác luật pháp của thế gian. Trong quốc độ của trẫm, người thừa hành pháp luật, kẻ có học, có trí thức, hiểu biết mà phạm pháp, trẫm sẽ có hình phạt rất nặng; trái lại, người quê mùa, thất học, đại dốt mà phạm pháp thì trẫm sẽ chế định hình phạt rất nhẹ.
- Dĩ nhiên là Phật pháp khác thế gian pháp.
- Xin đại đức cho nghe ví dụ.
- Có một cục sắt nóng đặt giữa hai người, kẻ trí và người ngu. Nếu đức vua bắt buộc mỗi người phải nắm cục sắt ấy đưa lên, chuyện gì xảy ra? Người trí sẽ thò tay nắm thật nhanh, đưa lên rồi thả xuống thật nhanh. Như thế y sẽ bị phỏng nhưng phỏng nhẹ. Còn người ngu không biết, nắm chặt, thế là y bị phỏng nặng. Cũng thế, người ngu làm việc ác, không biết đấy là ác, lún sâu vào ác nên tội báo sẽ nặng. Còn người trí biết đấy là ác, cũng làm ác; nhưng tìm cách này cách kia để cho cái ác ấy nó nhẹ đi, do vậy tội báo sẽ ít hơn, tâu đại vương!
- Rõ ràng lắm rồi.

80. Bay bằng thân

- Thừa đại đức, có ai đi đến cõi Phạm thiên, xứ Bắc-cu-lô-châu hay châu khác bằng thân thể này được không?
- Có thể được.
- Thân hình tứ đại nặng nề này làm sao có thể bay đến nơi xa xăm như thế?
- Đại vương có thể nhảy lên khỏi mặt đất này được bao cao?
- Thuở nhỏ thì trẫm nhảy cao chừng ba hắc tay nhưng nhờ tập luyện võ nghệ với ý chí, sau này trẫm nhảy cao gấp đôi như thế.
- Với quyết tâm, với ý chí, đại vương có thể nhảy cao hơn gấp đôi mức bình thường; cũng dường thế ấy, các sa môn tu tập thiền định, làm cho thiền định sung mãn; sau đó dùng ý chí, nung nóng ý chí, tu tập thuần thực tứ-như-ý-túc,

đắc thần thông họ có thể bay đến cõi trời Phạm thiên, Bắc-cu-lô-châu hoặc các châu khác nhanh chóng bằng thời gian của viên lực sĩ duỗi cánh tay thôi, tâu đại vương.

- Thật là kỳ lạ!

- Đúng vậy, năng lực của tâm bất khả tư nghì.

81. Xương dài 100 do tuần

- Thừa đại đức, điều đó thì bất khả tư nghì rồi, nhưng các vị sa môn trong hàng ngũ của đại đức, có người thuyết những điều cũng bất khả tư nghì không kém vậy!

- Cho bản tăng được nghe?

- Họ nói rằng, có một thứ xương động vật không biết là loại giống gì dài đến một trăm do tuần!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Điều ấy có thể hiểu được, suy luận được chứ không bất khả tư nghì lắm đâu.

Xin cho nghe.

- Đại vương đọc nhiều hiểu rộng, chắc có đọc qua sách "*hải dương học*" nói về các loài thủy tộc sống ở biển khơi?

- Thừa, có đọc nhưng không biết có nhớ không!

- Ở đấy có nói đến một loài cá kinh ngư hay thường luồng gì đó, dài đến năm trăm do tuần.

- Đúng vậy, dường như là vậy.

- Cá mà dài đến năm trăm do tuần, xương chỉ có một trăm do tuần, có lẽ xương còn ngắn quá phải không đại vương?

Đức vua cười ha hả:

- Tuyệt vời làm sao là cái dí dỏm của đại đức!

- Đại vương dí dỏm cũng thú vị như thế!

82. Biển

- Đại đức có nhắc đến biển. Tại sao người ta gọi là biển trong khi nó cũng chỉ là nước thôi?
- Sở dĩ gọi là biển vì trong đó có nước hòa với muối, nên nước biển thường có vị mặn.
- Tại sao nó lại mặn?
- Vì nó tích tụ quá lâu ngày, lại tích lũy quá nhiều xương cốt của các loài thủy tộc khiến nước trở nên mặn, tâu đại vương!
- Chỉ đơn giản thế thôi ư?
- Vâng, chỉ có thể là đủ hiểu rồi, còn truy nguyên đến tận gốc cho rõ lý do thì tất là trùng trùng nhân duyên tương tác, tương thành.
- Đúng vậy.

83. Ngưng hơi thở

- Thưa đại đức, các sa môn Thích tử có thuyết rằng, nếu nhập định đến một độ sâu nào đó người ta có thể ngưng hơi thở mà vẫn không chết?
- Đúng vậy.
- Đại đức có thể cắt nghĩa được chăng?
- Vâng, nhưng đại vương có biết các loại hơi thở thường liên hệ với tâm con người như thế nào không?
- Quả thật chưa biết.
- Vậy thì đại vương hãy nghe đây. Người mà tâm địa nóng nảy, độc ác, xan tham, nhiều mê si thì hơi thở của họ thô tháo, dồn dập, đứt quãng, nặng nề. Còn người tâm an ổn, vắng lặng, thư thái, mát mẻ thì hơi thở nhẹ nhàng, điều hòa, diu và sâu. Đại vương có biết điều đó chăng?
- Thưa, có biết.
- Thế người ngủ mà thường ngáy thì ra sao?

- Có trường hợp người ban ngày làm việc nhiều, tối ngủ mê mà ngáy. Có người ham ăn, mê ngủ, đầu óc rỗng không, to mập, ngủ thường ngáy. Có người chất phát, vô tư, không lo, không nghĩ, nằm ngủ thường ngáy. Có người thân bệnh hoạn, tâm không được tu tập, ngủ thường ngáy - thừa đại đức.

- Nhưng nói chung thì ngáy, hơi thở họ ra sao? Ngủ mà ngáy thì tốt hay xấu?

- Khi ngáy, hơi thở nặng nề, thô trọc; biểu hiện trạng thái tâm không yên tĩnh nên đa phần là xấu.

- Đúng vậy. Còn người khi sắp chết, hơi thở khò khè, phát ra tiếng kêu ức ức hoặc vật mình vật mẩy, hoặc rống như trâu bò hoặc kêu như heo bị chọc tiết là sao?

- Đây là biểu hiện một cái tâm buông lung, phóng dật, thân khẩu ý tự tung tự tác làm càn, làm quấy, làm dữ, không có giới, không có định, không có trí. Còn những biểu hiện kèm theo như kêu rống là do tạo ác nghiệp quá nặng... Chẳng hay trầm nghĩ như thế có đúng không, đại đức?

- Hoàn toàn đúng. Cho nên hơi thở càng thô, tâm càng thô, hơi thở càng tế, tâm càng tế. Những vị tỳ kheo càng đi sâu vào thiền định thì thân an tịnh, tâm sẽ an tịnh. Thân tâm càng an tịnh thì hơi thở càng lúc càng dịu nhẹ, vi tế. Đến một lúc nào đó thân hoàn toàn chỉ tịnh thì tâm cũng hoàn toàn chỉ tịnh. Lúc ấy hơi thở cũng mất luôn, chấm dứt luôn hơi thở nhưng sự sống, sức nóng vẫn còn tồn tại.

- Có thể là đúng vì nghe rất hợp lý.

- Đây không phải là cái lý mà là sự thật. Các tỳ kheo nhập tứ thiền có thể ngưng hơi thở, các vị Thánh nhập định diệt thọ, tưởng - không những các ngài chỉ ngưng hơi thở mà còn ngưng luôn cả cảm giác và tri giác đấy, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức đã cho trầm mở rộng kiến văn.

Đại đức Na-tiên mỉm cười, chỉnh thêm một lượt nữa:

- Đây không chỉ là kiến văn mà là "sự thật" khá thâm sâu của giáo pháp, tâu đại vương!

- Thật là kỳ diệu.

84. Pháp xuất thế gian

- Đại đức vừa giải thích điều cao siêu ấy mà đại đức bảo là "*sự thật khá thâm sâu*" của giáo pháp, thế ra giáo pháp còn những điều thâm sâu hơn thế nữa chẳng?
- Phải, không những nó thâm sâu mà còn tế vi và mầu nhiệm nữa.
- Đại đức có thể nói về các pháp ấy cho trầm nghe với chẳng?
- Có thể được, nhưng đó chính là các pháp xuất thế gian (*Lokuttaradhamma*) nên rất khó nói.
- Tại sao lại khó nói?
- Thưa, vì rằng *pháp xuất thế gian* thì phải được diễn đạt và thông hiểu bằng *tuệ xuất thế gian*. Pháp xuất thế gian không thể lãnh hội bằng *phàm tuệ* được.
- Hóa ra là vậy - hóa ra là vì trầm là người phàm!

Đại đức Na-tiên mỉm cười, không trả lời.

85. Tuệ xuất thế gian nằm ở đâu?

- Đại đức vừa nói đến tuệ xuất thế gian, vậy *tuệ xuất thế gian* ấy khác với *tuệ* như thế nào? Và tuệ xuất thế gian ấy trú ở đâu?
- Cũng chỉ là tuệ ấy (*Pannà*) nhưng nó sâu hay cạn đó thôi, tâu đại vương! Tuệ xuất thế gian nó cũng không có trú xứ, không có nơi chốn, như gió vậy!
- Cảm ơn đại đức! Thế thì câu hỏi ấy đại đức đã giải đáp một lần rồi.

86. Thức, tuệ và sanh mạng

- Thưa đại đức, *thức* và *tuệ* có ý nghĩa, ngữ tự giống nhau hay khác nhau?
- Ý nghĩa và ngữ tự của thức và tuệ hoàn toàn khác nhau, tâu đại vương.
- Xin đại đức giảng cho nghe.
- Thức là *vinnàna*, nghĩa là nhận biết, thu góp mọi kiến thức, kinh nghiệm; còn tuệ là *pannà* có nghĩa là thấy rõ, biết chắc mọi sự mọi vật (các pháp) đúng như thực tướng, tâu đại vương.
- Cả hai thức và tuệ ấy chính là sanh mạng ở trong thân tứ đại này phải không?

- Đại vương! *sanh mạng* theo cách hiểu của đại vương là linh hồn phải chăng? Và vấn đề linh hồn thường tại ở trong thân thì đại vương đã hỏi rồi, và bản tăng cũng đã giải đáp thỏa đáng rồi. Đừng nên rơi vào quan niệm thường kiến như thế!

- Vâng, nhưng trẫm vẫn bị một hoài nghi khởi sanh. Là nếu không có một sanh mạng thường tại ở trong thân thì ai là người thấy bằng mắt? Nghe bằng tai? Ngửi bằng mũi? Nếm bằng lưỡi? Đụng chạm bằng thân? Và suy nghĩ bằng ý? Hẳn phải có một linh hồn ở trong thân chứ?

- Đại vương, xin ngài hãy nghe cho kỹ đây, khi đại vương nhìn thấy một cái hoa đẹp, đại vương nhận thức rõ là cái hoa ấy đẹp chứ?

- Vâng!

- Nếu sau đó, đại vương thoáng nghe một âm thanh chát chúa, đại vương cảm thấy khó chịu chứ?

- Vâng!

- Vậy thì cái "*thức nhận biết*" đóa hoa đẹp và "*thức cảm nghe*" âm thanh chát chúa ấy nó là một thức hay là hai thức?

- Thưa, nó là hai thức.

- Vậy thì thức trước diệt rồi mới có thức sau phải chăng?

- Đúng vậy!

- Thế là đại vương đã tự trả lời, rằng là chẳng có thức thường trú như linh hồn, như sanh mạng, mà thức chỉ là duyên sanh, duyên diệt!

Đức vua Mi-lan-đà chợt như bừng sáng:

- À ra thế, chẳng có lý giải nào rõ nghĩa hơn thế! Vậy còn tuệ thì sao?

- Tuệ cũng từ cái nhận biết ấy, từ cái thức ấy chứ không phải là hai cái khác nhau: nhưng thức thì dễ sai lầm, còn tuệ thì thấy đúng, biết đúng - tuệ thấy đúng như thực tướng, tâu đại vương!

- Đại đức có thể nói rõ nghĩa hơn một chút nữa chăng?

- Thừa vâng, nhận biết của cái thức là do vô minh, ái dục chi phối, còn cái thấy của tuệ là một cái thấy trong sáng, thanh tịnh từ sự giác ngộ và giải thoát, không bị ngăn che bởi vô minh và ái dục nữa, tâu đại vương!

- Nghĩa là thức có chức năng khác, và tuệ có chức năng khác? Hay nói cách khác "*thức thanh tịnh*" thì "*tuệ*" khởi sanh?

- Vâng, có thể hiểu như vậy.

- Còn *sanh mạng* thì sao?

- Sanh mạng cũng như thức và tuệ vậy, nó có vai trò và chức năng khác nhau trong toàn bộ cơ cấu thân tâm của loài hữu tình, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức! Quả thật là vi diệu!

- Đại vương, điều vừa trình bày ấy quả thật là vi diệu nhưng trí óc con người vẫn có thể lãnh hội được. Còn Đức Thế Tôn thì ngài liễu tri cả những điều thậm mật hơn thế nhiều, làm được cả những việc huyền diệu mà trong tam giới không ai làm được!

- Những điều ấy là điều gì, thưa đại đức?

- Những việc tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm là cái gì cụ thể, tuy nhiên, nhận biết cho đúng là một việc khó. Nhưng thử hỏi những pháp vô hình, vô tướng, những pháp tế vi trừu tượng từ tâm vương, tâm sở thì ai là người có khả năng thấy rõ, biết chắc bằng Đức Thế Tôn?

- Vâng, xin đại đức giảng rộng cho nghe?

- Đại vương, ví như có người ngụp một ngụp nước biển, y có thể biết được nước biển ấy là mặn chăng?

- Biết được.

- Nhưng y có thể phân tích trong ngụp nước biển ấy, bao nhiêu là nước từ Hằng hà? Bao nhiêu nước từ sông Yamanà? Bao nhiêu nước từ sông Sarabbù? Bao nhiêu nước từ sông Aciravati? Bao nhiêu nước từ sông Nahì?

- Thật không thể! Chẳng ai có khả năng phân tích ra được.

- Tại sao?

- Vì chúng đã bị trộn lẫn làm một rồi.

- Đại vương có thấy không, lưỡi ném vị là một cái gì cụ thể, thế mà ta chẳng thể nào phân tích được, hướng hồ là những pháp vô hình, vô tướng, tế vi và trừu tượng. Chúng ta làm thế nào để biết được đây là thọ (*cảm giác*), đây là tưởng (*tri giác*), đây là hành (*ý chí*), đây là tác ý (*khởi tâm*); đây là tâm vương này, tâm vương kia?

- Quả thật là khó khăn.

- Đức Thế Tôn không những biết rõ mà còn phân tích chi ly, rằng đây là hành trình của các tâm vương, tâm sở trong dục giới, đây là hành trình của các tâm vương, tâm sở sắc giới, đây là hành trình của các tâm vương, tâm sở vô sắc giới!

- Vâng, vâng.

- Rồi Đức Thế Tôn còn biết rõ và phân tích được các trạng thái tâm, đạo và quả xuất thế gian nữa, tâu đại vương.

- Thật là kỳ diệu, thật là phi thường, thưa đại đức.

- Đúng vậy.

88. Thì giờ phải lẽ rồi

Đến đây, đại đức Na-tiên nói rằng:

- Tâu đại vương, bây giờ nửa đêm, cũng là thì giờ phải lẽ, bần tăng còn trở về chùa.

Đức vua Mi-lan-đà đáp:

- Thưa vâng, canh đầu đã qua, trống hoàng thành đã báo canh giữa từ lâu, trầm đã làm phiền giờ giấc của đại đức nhiều lắm rồi.

Nói xong, đức vua truyền quan hầu lấy vải dạ cuộn lại, bên trong tẩm đầy dầu, đốt lên làm đèn để tiễn đại đức Na-tiên ra về. Ngài nói với quan hầu:

- Các người tôn kính và phục dịch trầm như thế nào thì phải tôn kính và phục dịch đại đức y như thế.

Các quan hầu vâng dạ rồi tán thán:

- Đại vương là bậc đại trí thức thế gian không ai dám sánh mà vị đại đức kia cũng vậy, thật là bậc trí thức cổ kim hy hữu.

Đức vua gật đầu, đáp với giọng vừa hài lòng, vừa tự mãn:

- Đúng vậy! Có vị thầy như đại đức kia và có người học trò như trẫm đây thì trên thế gian này có môn học nào lại không thể truyền đạt được? Đại đức kia kiến thức siêu quần bạt tụy thì trẫm đây cũng y như thế!

Đức vua Mi-lan-đà hoan hỷ vô cùng vì đại đức Na-tiên đã giải đáp mau lẹ, đầy đủ, rành mạch và rõ ràng những câu hỏi của ngài; bèn sai lấy bộ y gấm Kambala cực kỳ quý báu trị giá một trăm ngàn lượng bạc, dâng cúng đến đại đức Na-tiên, rồi râu rắng:

- Ngoài bộ y này, trẫm còn muốn dâng cúng hằng ngày tại vương cung một trăm lễ tám mâm cơm bánh vật thực đến Chư Tăng chùa Sankheyya, xin đại đức và Chư Tăng hoan hỷ thọ nhận cho. Và đại đức cùng Chư Tăng cần dùng gì xin cứ tùy thích, của trong kho luôn luôn có sẵn.

- Bàn tăng xin đa tạ, nhưng tứ sự hằng ngày chúng tôi đã có đủ, đại vương đừng bận tâm suy nghĩ.

- Trẫm cũng biết đại đức sống đời tri túc nuôi mạng, chẳng màng đến lợi lộc vật chất thế gian; nhưng đại đức phải biết hộ trì mình, đồng thời hộ trì cho trẫm nữa chứ?

- Xin đại vương hãy trình bày cho rõ tôn ý?

- Vâng. Ý trẫm muốn nói là, nếu đại đức khước từ vật dụng cúng dường thì dư luận, miệng tiếng sẽ bắt lợi cho đại đức và bắt lợi cho trẫm nữa. Tại sao vậy? Vì mọi người trong khắp quốc độ, cả quốc độ khác nữa, sẽ nói rằng: tỳ kheo Na-tiên thật là vô tích sự, chẳng tài cán gì; nghe đồn là trí tuệ vô song nhưng đã không giải đáp được những câu hỏi sắc bén, thâm sâu của đức vua Mi-lan-đà, đến nỗi đức vua chẳng dâng cúng thứ gì đến ông ta cả. Như thế, thì dư luận ấy có tổn hại thanh danh của đại đức chăng?

Nhè nhẹ gật đầu, mỉm cười, đại đức Na-tiên nói:

- Quả có thể thật. Còn về phía đại vương thì bắt lợi gì?

- Dư luận họ sẽ nói rằng, ông vua Mi-lan-đà thật là keo lẩn, rít róng; đại đức Na-tiên đã khổ công ngày đêm chẳng quản mệt nhọc, giải đáp cho đức vua từ câu hỏi này đến câu hỏi kia, từ gần đến xa, từ cạn vào sâu, từ pháp thô thiển đến pháp vi tế... thật không có chỗ nào mà chê được. Chỗ nào cũng đầy đủ rõ ràng. Chỗ nào cũng như mặt trời, mặt trăng. Thế mà đức vua hà tiện kia chẳng cúng

dường gì đến bậc tu hành khả kính, trí tuệ vô song kia cả! Có đáng chán không chứ!

- Quả là người ta có thể đàm tiếu thế thật.

- Cho nên, để tự hộ trì, bảo vệ danh thơm, tiếng tốt cho cả hai, đại đức thật không thể khước từ phẩm vật cúng dường của trẫm vậy.

- Khi mà đại vương sử dụng sự khôn khéo của lý luận và miệng lưỡi thì tất cả các giống hữu tình trên thế gian đều phải bị thuyết phục! Bàn tăng xin cung kính nhận sự cúng dường nhưng không phải để hộ trì danh thơm, tiếng tốt - mà chính là để hộ trì giáo pháp vậy!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật là khéo nói thay! Và cũng thật là hộ trì chánh đáng thay!

Đến ngang đây, hốt nhiên đức vua có vẻ trầm ngâm, rồi chậm rãi, bùi ngùi tâm sự:

- Trẫm ngày ngày như con sư tử bị nhốt trong cái cũi vàng, nhưng thường hướng mặt ra bên ngoài mơ ước một cuộc đời tự do phóng khoáng. Ngôi vị đế vương của trẫm đây hằng phải chăm lo việc nước, lo nghĩ trăm công ngàn chuyện chẳng có khi nào được thanh thản ở trong lòng. Lắm lúc trẫm muốn từ bỏ tất cả để ra đi, sống đời xuất gia giải thoát, nhưng chướng duyên còn nhiều quá. Rốt lại, mơ ước cũng chỉ là mơ ước thôi!

Khi đại đức Na-tiên trở về chùa rồi, nằm trên long sán, đức vua thao thức không ngủ được. Ngài hồi tưởng lại cuộc vấn đáp trong ngày, tự hỏi: *"Ta đã hỏi đại đức Na-tiên những gì? Và đại đức Na-tiên đã trả lời ta như thế nào?"* Rồi từng câu hỏi và đáp lần lần hiện ra trong tâm trí của đức vua. Sau khi rà soát lại toàn bộ nội dung và ý nghĩa các câu hỏi và đáp, Đức vua tự tán thán: *"Hay lắm, tất cả các câu hỏi của ta đều thỏa đáng, chơn chánh và các câu đáp của đại đức Na-tiên cũng thỏa đáng và chơn chánh vô cùng."* Với niềm vui lâng lâng trong lòng, đức vua không ngủ cho đến sáng.

Về phần đại đức Na-tiên, cũng y như đức vua vậy, vừa nằm nghỉ nghiêng lưng thì các câu hỏi và đáp lại mồn một hiện ra: *"Nhà vua đã hỏi ta những gì? Và ta đã đáp những câu hỏi ấy như thế nào?"* Rồi đại đức cũng tự xét: *"Các câu hỏi của đức vua đều rất hay, những câu trả lời của ta cũng chẳng có chỗ nào là*

kiếm khuyết cả." Đại đức cũng giữ niềm hân hoan trong lòng cho đến lúc trời sáng.

Sớm hôm ấy, đại đức Na-tiên lại y bát đi vào cung, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Đức vua Mi-lan-đà đến đánh lễ rồi ngồi một bên phải lễ.

Đức vua chấp tay nói:

- Thưa đại đức! Suốt đêm qua trẫm đã không ngủ được vì các câu hỏi và đáp cứ lờn vờn hiện ra trong đầu. Tuy nhiên, trẫm rất hân hoan và vui sướng vì những câu hỏi của trẫm rất là chánh đáng và những câu trả lời của đại đức cũng chí lý và tốt đẹp dường bao!

Đại đức Na-tiên cũng mỉm cười rồi nói:

- Đại vương tưởng rằng đêm qua bản tăng ngủ ngon giấc sao? Đại vương thao thức, hồi tưởng về ý nghĩa của những câu hỏi và đáp suốt đêm, rồi hân hoan, thích thú vì nó cho đến sáng - thì bản tăng cũng vậy chớ có khác gì! Nói tóm lại là tất cả đều tốt đẹp, về phần đại vương cũng vậy mà về phần bản tăng cũng thế!

Hai bậc trí tuệ vô song gặp nhau, tâm đắc với nhau, cùng tâm sự với nhau như thế rồi từ giã, hẹn hôm sau sẽ tái ngộ đàm đạo nữa.

Ghi chú:

Bản Bắc truyền "*Na-tiên Tỳ kheo kinh*" chấm dứt ngang đây, chỉ có 62 câu, so với bản Nam truyền là 88 câu. Ngoài ra bản Nam truyền còn hơn 150 câu hỏi và đáp nữa, xin chư vị độc giả hãy xem tiếp.

89. Phật và chư tăng, ai phước báu nhiều hơn?

Hôm sau, sau khi an vị nơi chỗ ngồi, đức vua Mi-lan-đà lại hỏi tiếp:

- Thưa đại đức, Bà Pajapati Gotàmi là di mẫu của Phật, có dâng cúng đến Đức Phật một bộ y quý giá, nhưng Đức Phật không thọ nhận, lại nói với bà rằng: "*Hãy cúng dường bộ y này đến Chư Tăng, vì cúng dường đến Chư Tăng cũng như cúng dường đến Như Lai vậy.*" Chẳng hay điều ấy có đúng chăng?

- Thưa, quả có như thế.

- Như vậy chúng tỏ rằng Đức Phật không cao quý hơn Tăng, không cao thượng hơn Tăng, không phải là bậc thầy tối thượng của Tăng rồi! Đại đức nghĩ như thế

nào? Bộ y kia đã được làm ra thật công phu, mắt biết bao nhiêu là thì giờ cùng tâm huyết? Chính tay bà Pajapati Gotami cán bông, bấn bông, quay sợi rồi tự dệt lấy. Thế mà Đức Thế Tôn đã cam tâm từ chối! Nếu Đức Thế Tôn quả đã tròn đủ các đức tánh cao thượng đặc biệt phi thường hơn Tăng thì ngài đã thọ nhận để cho bà di mẫu - vốn có ân đức nuôi dưỡng ngài từ nhỏ - được phước báu to lớn mới phải. Chuyện xảy ra như vậy làm cho trăm có hai mối nghi, thừa đại đức . Mối nghi thứ nhất là phước báu của Phật không hơn phước báu của Tăng. Mối nghi thứ hai là Đức Thế Tôn quên nghĩ đến ân đức dưỡng dục đối với bà di mẫu của mình!

- Tâu đại vương, cả hai mối nghi của đại vương đều chính đáng, tuy nhiên, việc làm của Đức Phật chứng tỏ Đức Phật cao thượng hơn đại vương nghĩ rất nhiều.

- Xin đại đức hoan hỷ giải thích cho nghe.

- Bàn tăng muốn giải thích bằng ví dụ.

- Vâng, trăm rất vui lòng.

- Ví như đại vương sắp truyền ngôi cho một vị hoàng tử vậy. Muốn cho hoàng tử sau này được mọi người tôn trọng, nể phục, khả dĩ có đủ uy tín để lãnh đạo quốc độ, có đủ uy tín với lân bang; nên trước mặt bá quan văn võ triều đình, trước mặt các sứ thần ngoại giao, đại vương thường ca ngợi tài đức, phẩm hạnh của hoàng tử. Đại vương làm như thế là nghĩ đến sơn hà xã tắc trong tương lai, hay làm như thế vì nghĩ rằng hoàng tử cao quý, cao thượng hơn đại vương?

- Dĩ nhiên là trăm nghĩ đến quốc độ sau khi trăm nhắm mắt.

- Việc ca ngợi phước báu của Tăng cũng y như thế. Đức Phật vì nghĩ đến tương lai của giáo pháp, muốn cho giáo pháp được thịnh mãi lâu dài nên Đức Phật mới ca tụng phước báu của Tăng. Dù sao, đến thời phải lẽ, Đức Phật sẽ nhập diệt; và kẻ kế thừa sự nghiệp hoàng truyền giáo pháp tồn tại năm ngàn năm là sứ mạng của Tăng. Tăng còn thì giáo pháp còn, cho nên Đức Phật khuyên bà di mẫu cúng dường đến Tăng cũng vì lẽ ấy. Đức Phật nghĩ đến Tăng cũng như đại vương nghĩ đến vị hoàng tử của đại vương vậy, đâu phải vì Tăng cao quý, cao thượng hơn Đức Phật! Đại vương hãy suy gẫm thử xem?

- Có lý lắm, trăm đã suy gẫm rồi. Nhưng đại đức có ví dụ nào nữa chẳng?

- Ví như cha mẹ vì thương con, lo lắng, chăm sóc con. Ngoài vấn đề lo cơm ăn áo mặc cho đầy đủ, đôi khi cha mẹ còn bóp tay, bóp chân tắm rửa, kỳ cọ, thoa

dầu, trang điểm cho con nữa. Việc làm ấy của cha mẹ có phải là vì con cái cao quý, cao thượng hơn cha mẹ không, hờ đại vương?

- Không phải thế. Mà vì cha mẹ nào cũng thương con, hằng lo cho con, mong cho con được sung sướng, được xóm làng nể trọng, để còn kế thừa sự nghiệp, đem lại danh thơm tiếng tốt cho gia đình, tổ tiên...

- Vâng, đúng là vì Đức Phật hằng chăm lo cho Tăng trong mai hậu được đầy đủ tứ sự cúng dường, được ngoại giáo và thế gian nể trọng, để thừa tự giáo pháp cho được xán lạn và vinh quang, tâu đại vương!

- Ngài còn ví dụ nào nữa chăng?

- Ví như một nước lân bang vốn quy phục đại vương, đem cống hiến cho đại vương những phẩm vật quý giá. Đại vương lại đem vật cống hiến ấy tặng cho vị quốc sư mà đại vương hằng kính trọng và thương mến. Người ta có vì lẽ đó mà bảo quốc sư ấy cao quý và cao thượng hơn đại vương chăng?

- Không thể bảo như thế được. Sở dĩ mà trẫm đem vật quý giá ấy ban tặng cho vị quốc sư là vì vị quốc sư xứng đáng được hưởng, ngoài ra, trẫm còn muốn văn võ bá quan trong triều đình tôn trọng danh dự và địa vị của vị quốc sư ấy nữa.

- Đức Thế Tôn là bậc thầy tối thượng của Tăng, là bậc thầy của chư thiên và nhân loại; ngài vĩ đại, cao thượng và cao quý hơn tất cả chúng sanh trong tam giới, ân đức và phước báu của ngài ai nào dám so sánh được, tâu đại vương? Ở trong kinh *Samyutta Nikàya (Tương ưng bộ)* có kệ ngôn như sau: "*Cao quý hơn tất cả các núi ở tuyết lãnh chỉ có Tuyết Sơn. Mặt trời là bá chủ, là cao quý hơn tất cả các vật giữa hư không. Biển cả cao quý hơn tất cả sông hồ trên mặt đất. Mặt trăng cao quý hơn tất cả các vì tinh tú. Giữa tam giới, Đức Phật cao quý, cao thượng hơn tất cả chúng sanh.*" Lại nữa, Đức Pháp chủ Sàriputta có thuyết rằng: "*Trên thế gian này chỉ có một người, một con người duy nhất, độc nhất, trải qua vô lượng kiếp tu tập các công hạnh, là kẻ tế độ chúng sanh; sanh ra trong thế gian là vì sự an vui, tiến hóa, sự lợi ích cho chư thiên và loài người. Vị độc nhất vô nhị ấy chính là Đức Chánh Đẳng Giác, bậc A-la-hán vô song, là Đức Phật Sakya Muni vậy.*" Tâu đại vương! Đức Phật cao quý và cao thượng như thế thì tâm bi mẫn của ngài đối với Chư Tăng mai hậu, đối với tiền đồ của giáp pháp cũng giống như đại vương đối với hoàng tử, như cha mẹ lo cho con, như đại vương ban tặng phẩm vật cho vị quốc sư vậy. Đại vương đã sáng tỏ chưa?

- Sáng tỏ rồi. Nhưng còn mỗi nghi thứ hai?

- Vậy đại vương nghĩ thế nào? Bà di mẫu cúng dường bộ y quý giá do tự tay mình làm đến Đức Phật là do động cơ nào thúc đẩy?
- Có lẽ là do động cơ mẹ con, nghĩa là nặng về tình cảm cá nhân hơn là bố thí cúng dường vì tâm ly tham, vì các trạng thái tâm cao thượng.
- Cúng dường, bố thí do tình cảm cá nhân, phước báu sẽ như thế nào so với sự cúng dường, bố thí bằng các trạng thái tâm cao thượng như xả, ly tham hoặc chỉ nghĩ đến Tăng cùng sự tồn tại lâu dài của giáo pháp?
- Dĩ nhiên bố thí cúng dường với các trạng thái tâm sau, phước báu sẽ thù thắng hơn nhiều.
- Đức Thế Tôn chính vì nghĩ đến ân đức to lớn của bà di mẫu nên ngài đã tạo duyên cho bà cúng dường bố thí đến Tăng, để bà hưởng được phước báu thù thắng trong mai hậu vậy. Điều lợi ích ấy chính đại vương đã tự nói ra.
- Vâng, hóa ra Đức Thập Lực Tuệ đã giúp cho bà di mẫu cúng dường cao thượng để bà hưởng được phước báu cao thượng. Trẫm đã rõ. Ôi! Hay vậy thay! thật là những ý nghĩa vàng ngọc, cao quý vậy thay!